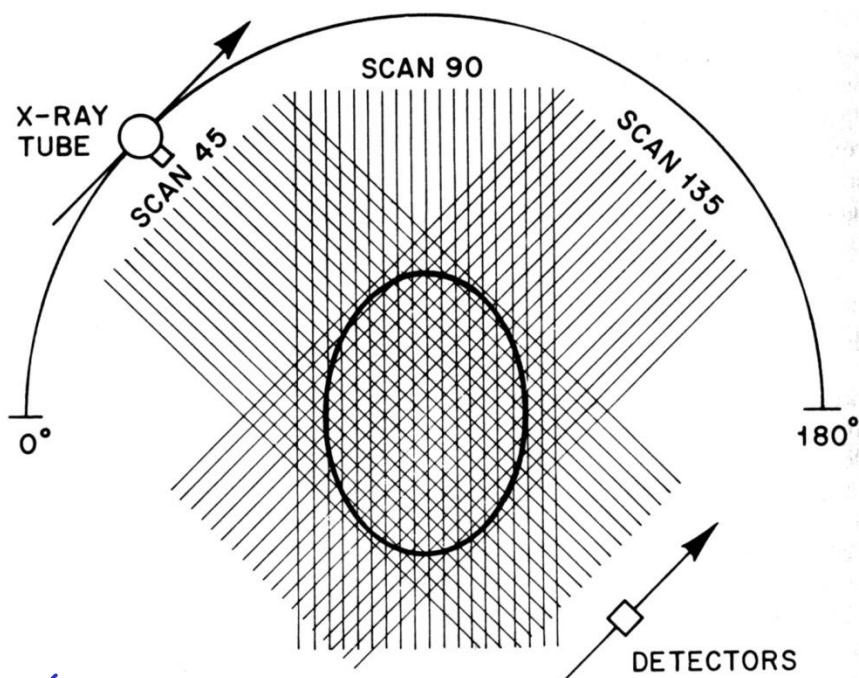
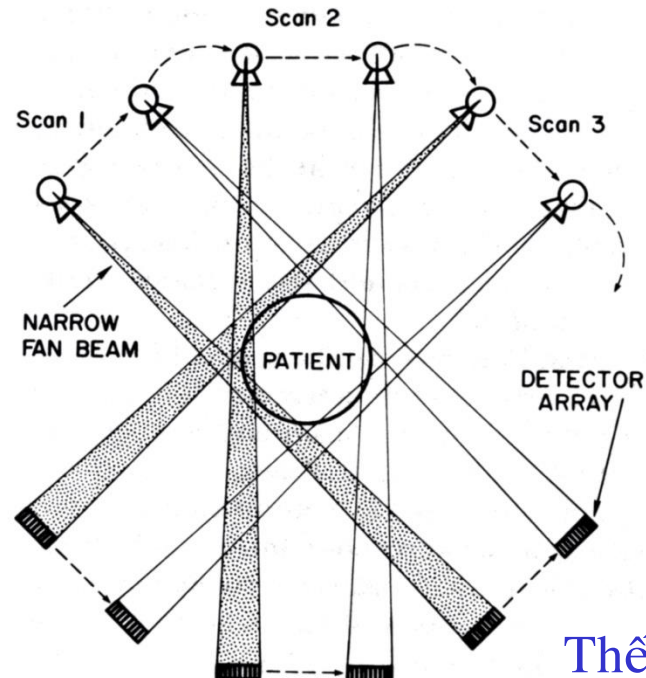


# ỨNG DỤNG LÂM SÀNG CHỤP CẮT LỚP ĐIỆN TOÁN

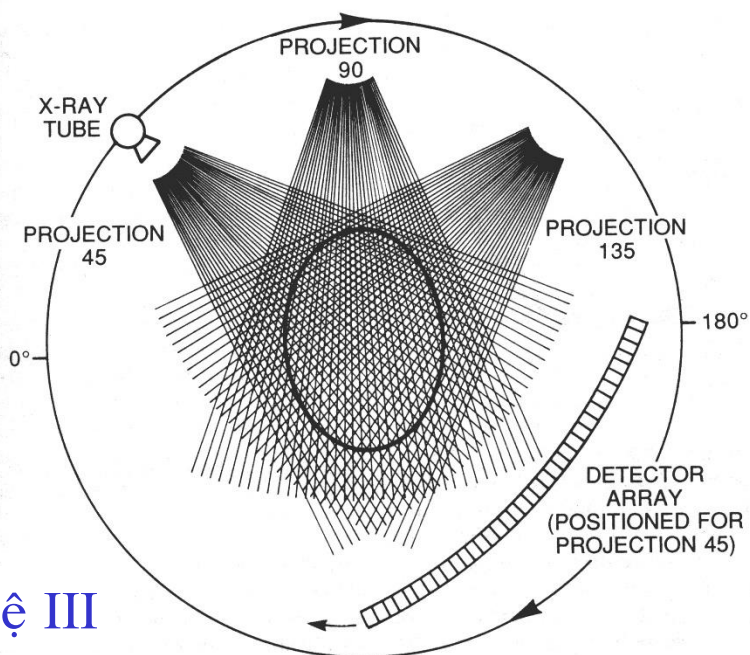
TS BS ĐẶNG VĨNH HIỆP  
KHOA CDHA-BVQ11



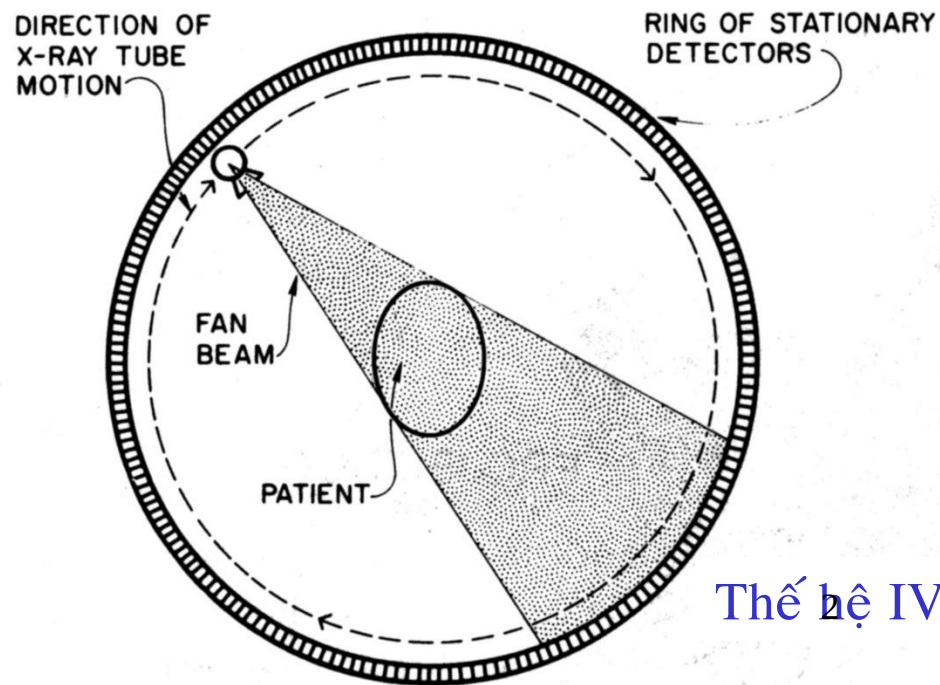
Thế hệ I



Thế hệ II

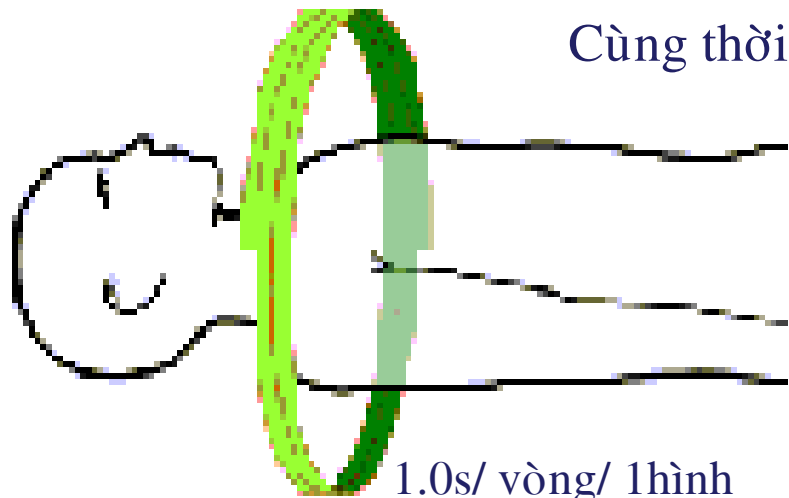


Thế hệ III

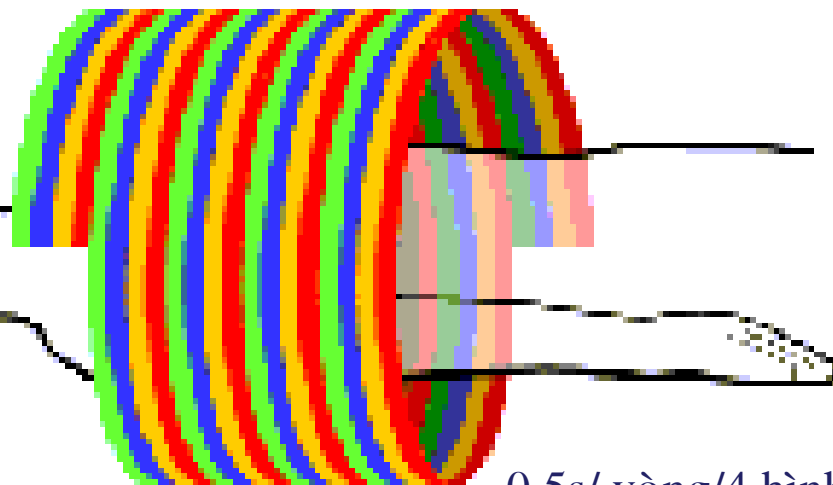


Thế hệ IV

Cùng thời gian quét

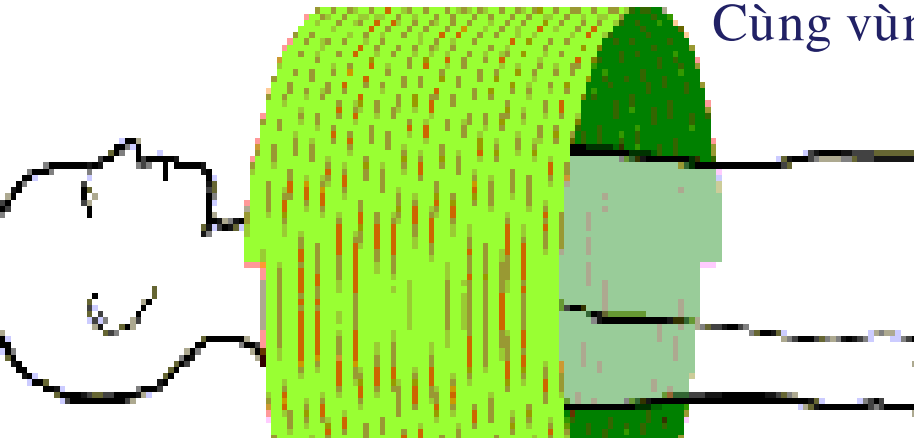


1.0s/ vòng/ 1 hình

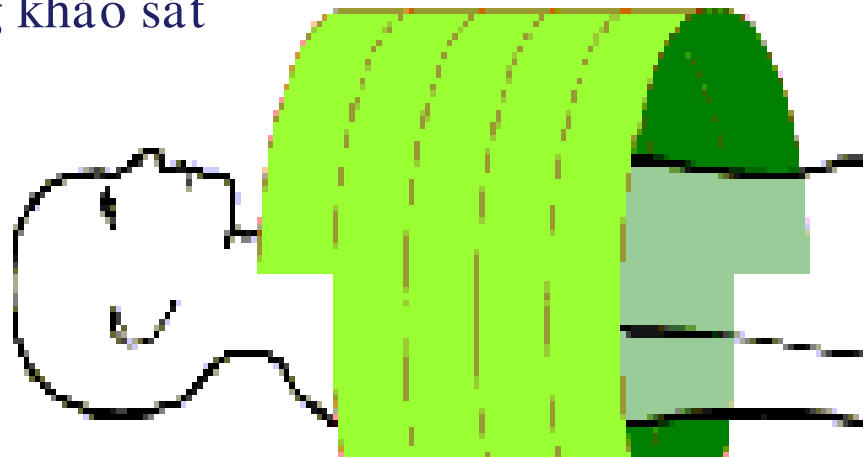


0.5s/ vòng/ 4 hình

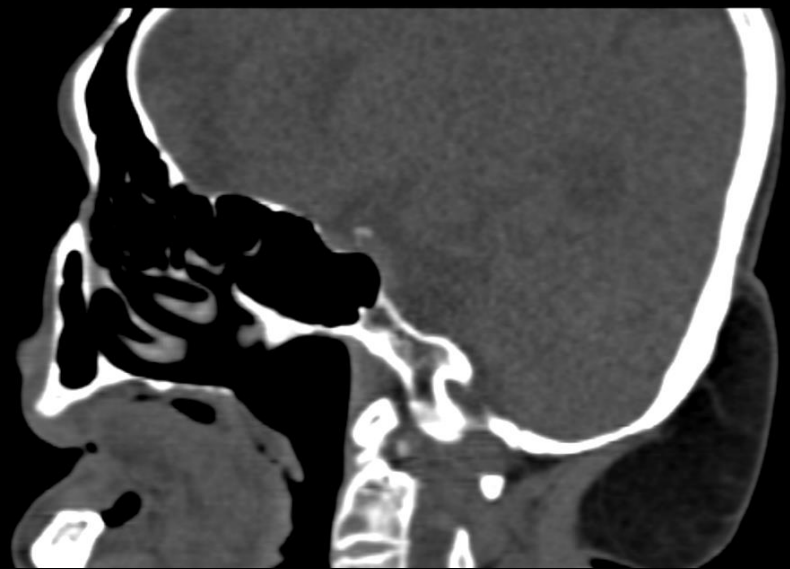
Cùng vùng khảo sát



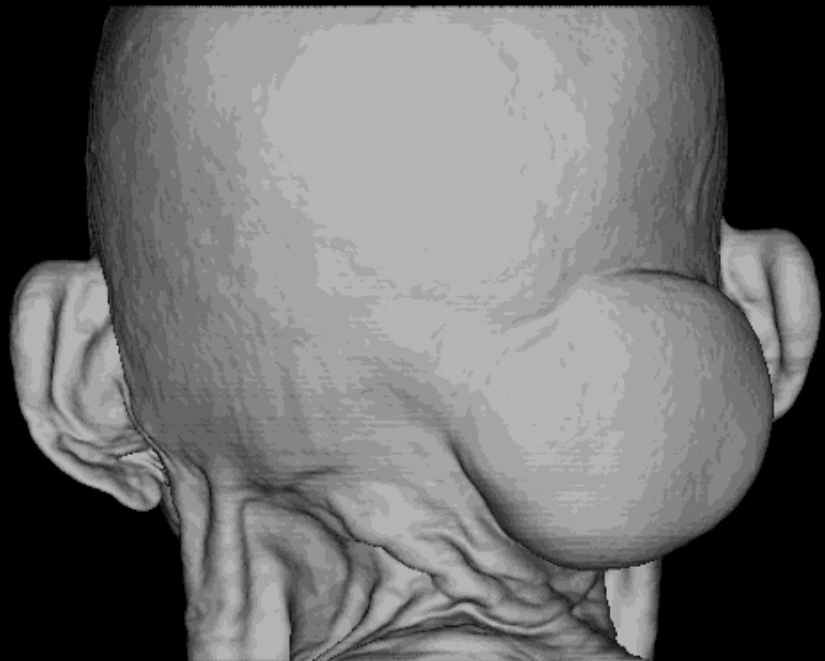
CT 1 lớp cắt



CT đa lớp cắt



Nam, 76t, u phần mềm chẩm





Phình  
động  
mạch  
chủ  
lên



# ĐỘ ĐỘ CT (HU)

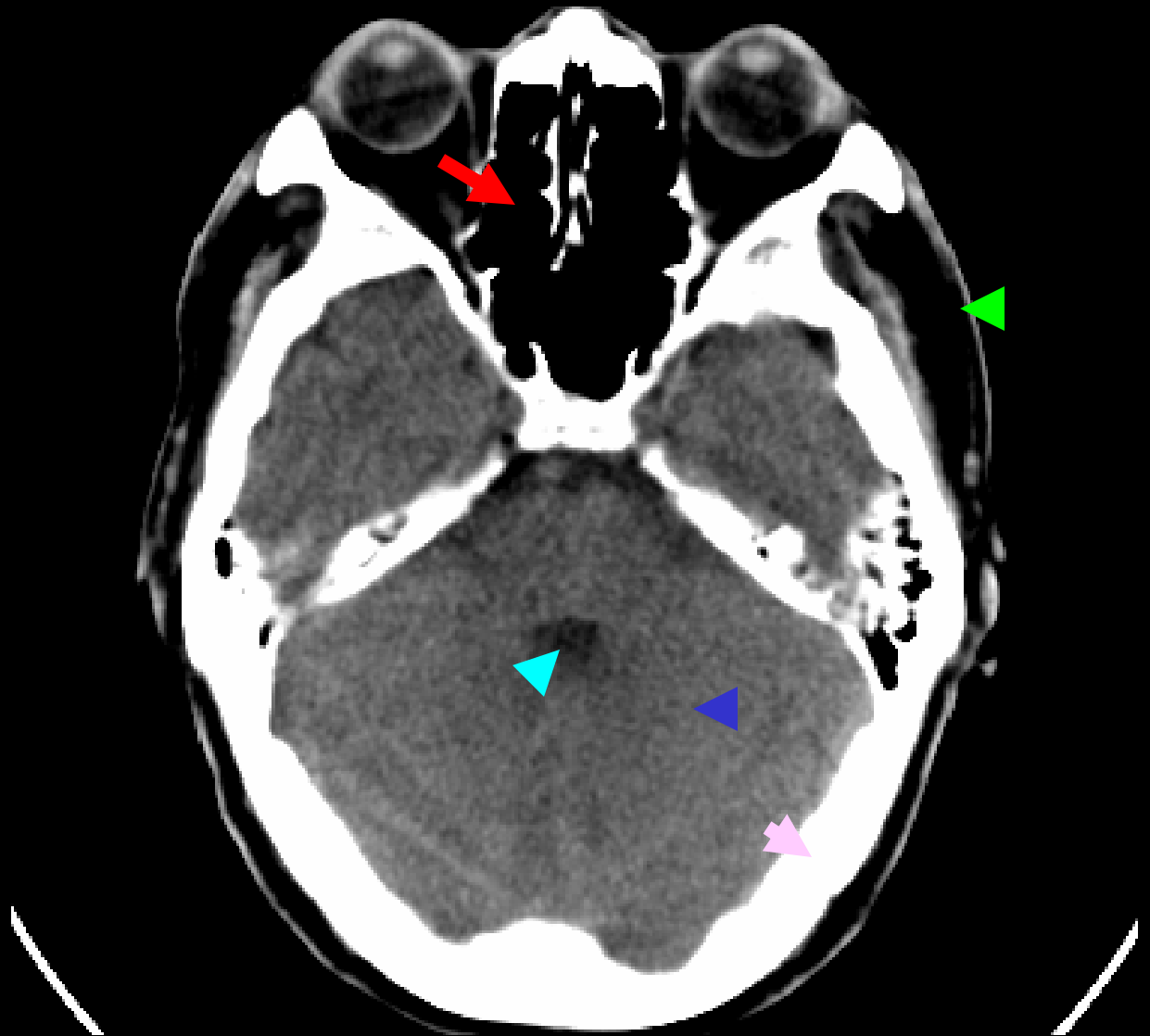
Vôi (1000HU)

Mô mềm

Nước (0)

Mỡ (-60 HU)

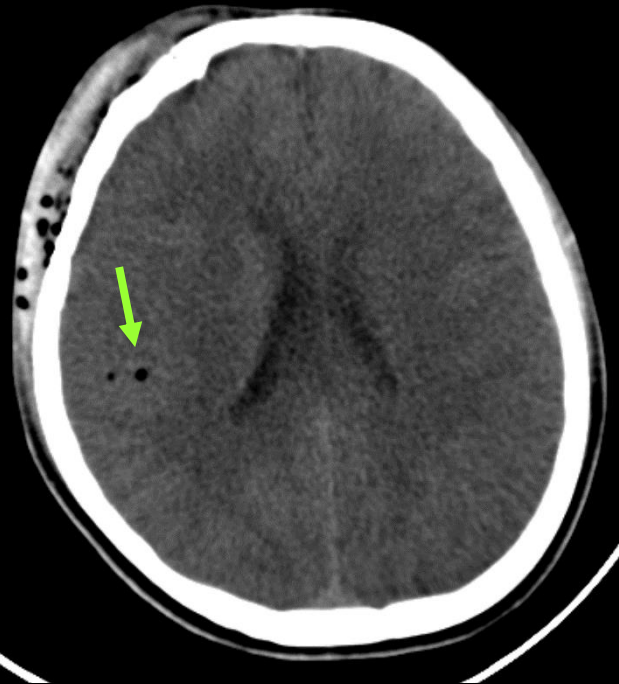
Khí (-1000 HU)



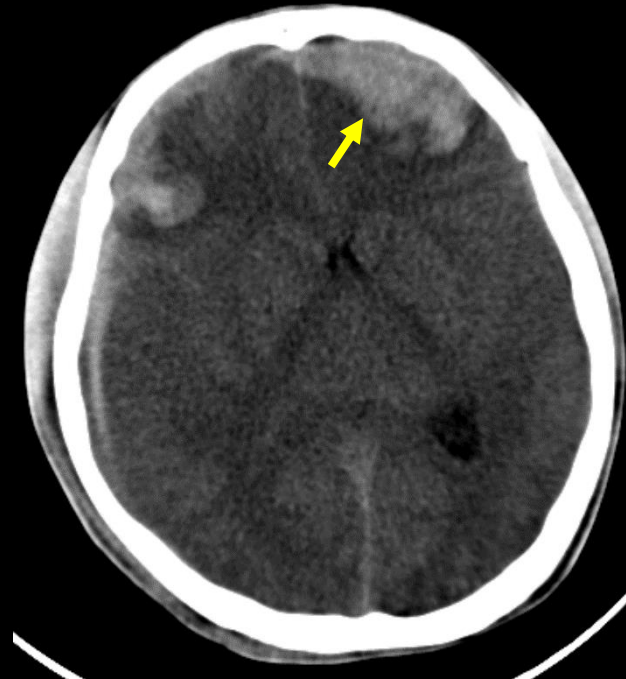
# THAY ĐỔI ĐỘ



Võ xương



Tụ khí

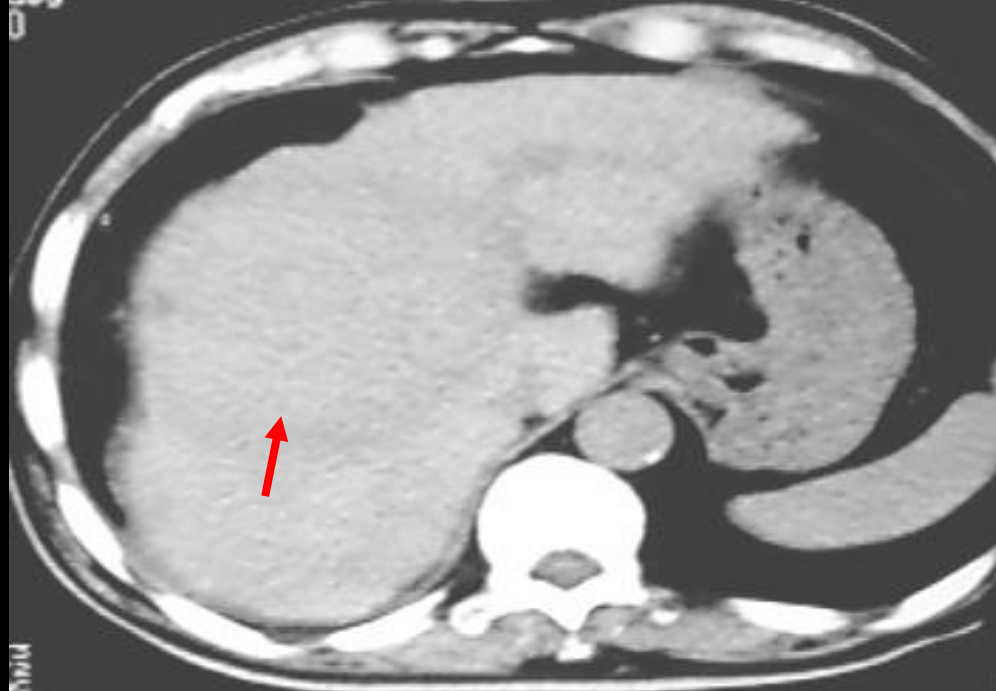


Tụ máu

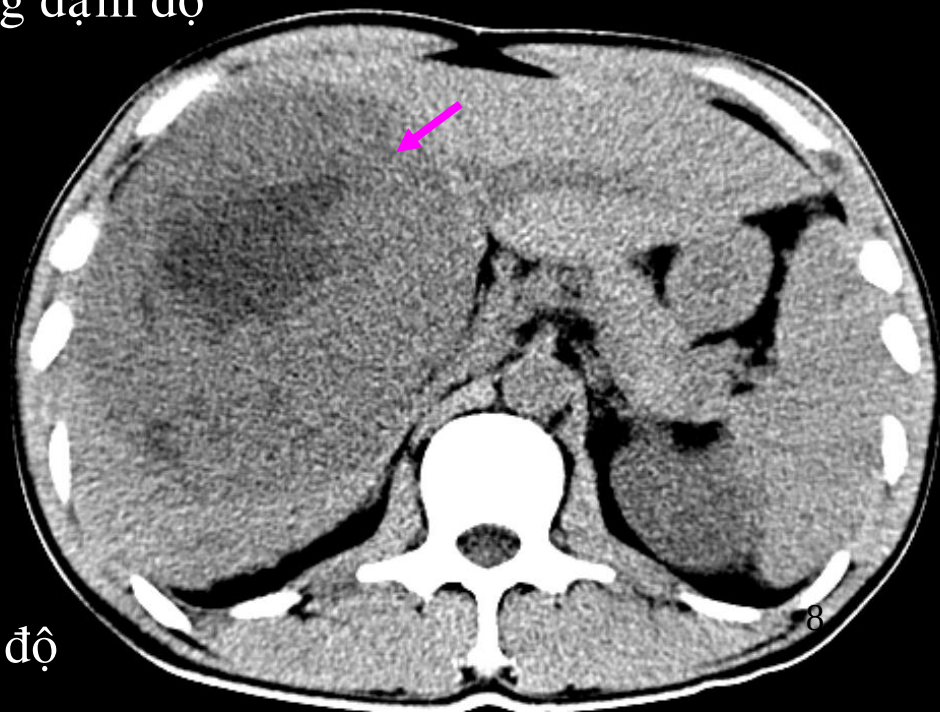
## CÁC TỪ DIỄN TẢ ĐẬM ĐỘ



Tăng đậm độ



Đồng đậm độ



Giảm đậm độ

CHỈ ĐỊNH



# 1-CHỈ ĐỊNH CHỤP CẤP LỚP VI TÍNH SỌ NÃO

---

1. Chấn thương sọ não
2. Tụ máu ngoài và dưới màng cứng
3. Đụng dập, phù não
4. Tổn thương đứt sợi trục
5. Tổn thương xương

# 1-CHỈ ĐỊNH CHỤP CẤP LỚP VI TÍNH SỌ NÃO

---

1. Chấn thương sọ não
2. Tụ máu ngoài và dưới màng cứng
3. Đụng dập, phù não
4. Tổn thương đứt sợi trục
5. Tổn thương xương

# CHỈ ĐỊNH CHỤP CẤP LỚP VI TÍNH SỌ NÃO

---

## 2. Bệnh lý mạch máu não

- **Chảy máu não**
  - ✓ Chảy máu trong nhu mô
  - ✓ Chảy máu màng não
  - ✓ Chảy máu não thất
  - ✓ Chảy máu trong u
- **Nhồi máu não**
  - ✓ Nhồi máu nhu mô
  - ✓ Nhồi máu giáp ranh
  - ✓ Nhồi máu đa ổ
  - ✓ Nhồi máu tĩnh mạch

# CHỈ ĐỊNH CHỤP CẮP LỚP VI TÍNH SỌ NÃO

---

## 3. Bệnh lý nhiễm trùng não:

- Viêm não do virus
- Viêm não do Herpes
- Viêm não do vi khuẩn
- Nhiễm ký sinh trùng não
- Bệnh lý nhiễm trùng ở BN suy giảm MD
- Viêm màng não, màng não thất.

## 4. Bệnh lý thoái hoá não:

- Teo não: teo não người già, parkinson...
- Bệnh lý chất trắng( xơ hoá mảng)
- Vôĩ hoá hạch nền( bệnh Fahr)

# CHỈ ĐỊNH CHỤP CẤP LỚP VI TÍNH SỌ NÃO

---

## **5. Bệnh lý u não:**

- **Hội chứng tăng áp lực nội sọ**
- **Các loại u não (chụp không và có tiêm thuốc)**

## **6. Các dấu hiệu thần kinh khu trú**



## 2-CẮT LỚP VI TÍNH HỐC MẮT

---

- Các u vùng hốc mắt và hậu nhãn cầu
- Các tổn thương mãn tính nhãn cầu
- Thông động mạch cảnh xoang hang
- Các trường hợp lồi mắt không rõ nguyên nhân

# 3-CẤP LỚP VI TÍNH TRONG TAI - MŨI - HỌNG

---

- Các viêm xoang
- Các u vùng hàm mặt
- K vòm
- U xơ vòm – mũi – họng
- Các tổn thương thanh quản
- Loạn sản xơ xương
- Chấn thương

## 4-CHỈ ĐỊNH CHỤP CẤP LỚP VI TÍNH CỘT SỐNG

---

- **Tổn thương cột sống do chấn thương**
- **Tổn thương thoái hoá cột sống**
- **Thoát vị đĩa đệm**
- **Các tổn thương có phá huỷ xương cột sống (trên XQ thường qui)**
- **Các tổn thương nhiễm trùng cột sống - đĩa đệm**

## 5-CHỈ ĐỊNH CHỤP CẤP LỚP VI TÍNH XƯƠNG

---

- **Tổn thương viêm nhiễm còn nghi ngờ trên XQ**
- **Các loại u xương lành và ác (chẩn đoán, sinh thiết với CT)**

# 6-CHỈ ĐỊNH CHỤP CẤP LỚP VI TÍNH LỒNG NGỰC

---

- ✓ Các khối mờ tròn ở phổi trên X quang thường qui
- ✓ Các tổn thương viêm nhiễm phổi không rõ trên XQ
- ✓ Giãn phế quản
- ✓ Kén phổi
- ✓ Xơ phổi
- ✓ Bệnh lý tổ chức kẽ
- ✓ Các khối trung thất:
  - U trung thất
  - Tổn thương mạch máu lớn(phình, bóc tách)
  - U thực quản: bilan trước mổ
- ✓ Các bệnh lý màng phổi: tràn dịch, tràn khí khoang màng phổi; dày dính vôi hóa màng phổi, u màng phổi

## 7-CHỈ ĐỊNH CHỤP CẤP LỚP VI TÍNH BỤNG

---

### -Gan:

- .Chấn thương gan
- .Các loại u gan
- .Xơ gan
- .Vàng da tắc mật
- .Bệnh lý viêm nhiễm: ap xe, ký sinh trùng, sỏi

### -Tụy:

- .Viêm tụy cấp và mãn
- .U tụy
- .Chấn thương

### -Lách

- .Chấn thương
- .U lách
- .Nhồi máu



# Các chỉ định chụp CLVT bụng

## -Khoang sau phúc mạc

- .Phình, bóc tách ĐMC
- .Các u sau PM
- .Xơ hoá sau PM
- .Bệnh lý thượng thận

## -Thận:

- .Viêm thận bể thận, áp xe, viêm quanh thận
- .Các u thận
- .Dị dạng thận
- .Chấn thương thận

## -Niệu quản:

- .U niệu quản
- .Sỏi NQ( CT xoắn ốc)

## -BQ: U bàng quang, dị dạng

# Các chỉ định chụp CLVT bụng

- Các u khác trong ổ bụng: u mạc treo, u màng bụng...
- Các khối dịch trong ổ bụng sau mổ
- Bệnh lý ống tiêu hoá: U đại tràng, ruột non. lymphome ruột, VRT, lồng ruột, chấn thương...

# Chỉ định chụp cắt lớp vi tính tiểu khung

- Các khối u buồng trứng
- U tử cung
- Các khối u khác vùng tiểu khung: Chordome, neurinome, u cơ
- U quái...
- Các tổn thương viêm nhiễm

| <b>CƠ QUAN KHẢO SÁT</b>         |             | <b>CƠ QUAN KHẢO SÁT</b>         |             |
|---------------------------------|-------------|---------------------------------|-------------|
| <b>SỌ NÃO</b>                   |             | <b>LÁCH, TỤY TẠNG</b>           |             |
| <b>-Bệnh lý bẩm sinh</b>        | <b>+++</b>  | <b>-U, kén</b>                  | <b>+++</b>  |
| <b>-Chấn thương</b>             | <b>++++</b> | <b>-Chấn thương nhiễm trùng</b> | <b>+++</b>  |
| <b>-Nhiễm trùng</b>             | <b>+++</b>  | <b>THẬN</b>                     |             |
| <b>-U (Nguyên phát, di căn)</b> | <b>++++</b> | <b>-U, kén, chấn thương</b>     | <b>++++</b> |
| <b>-Bệnh lý mạch máu</b>        | <b>++</b>   | <b>-Bệnh lý bẩm sinh</b>        | <b>+++</b>  |
| <b>-Bệnh lý thoái hóa</b>       | <b>+</b>    | <b>THƯỢNG THẬN</b>              | <b>+++</b>  |

| <b>CƠ QUAN KHẢO SÁT</b>          |             | <b>CƠ QUAN KHẢO SÁT</b>          |             |
|----------------------------------|-------------|----------------------------------|-------------|
| <b>MẮT, TAI- MŨI – HỌNG</b>      |             | <b>SAU PHÚC MẠC</b>              |             |
| <b>-Nhiễm trùng, chấn thương</b> | <b>++</b>   | <b>-U, nhiễm trùng, mạch máu</b> | <b>++++</b> |
| <b>-U</b>                        | <b>+++</b>  | <b>TRONG PHÚC MẠC</b>            |             |
| <b>TRUNG THẤT</b>                |             | <b>-Áp-xe, dịch, u</b>           | <b>++</b>   |
| <b>-U, hạch</b>                  | <b>++++</b> | <b>CỘT SỐNG</b>                  |             |
| <b>-Bất thường mạch máu</b>      | <b>++</b>   | <b>-Chấn thương, đĩa đệm, u</b>  | <b>+++</b>  |

|                                 |             |                         |            |
|---------------------------------|-------------|-------------------------|------------|
| <b>CƠ QUAN KHẢO SÁT</b>         |             | <b>CƠ QUAN KHẢO SÁT</b> |            |
| <b>PHỔI THÀNH NGỰC</b>          |             |                         |            |
| <b>-U, nhiễm trùng</b>          | <b>++</b>   |                         |            |
| <b>GAN, MẬT</b>                 |             | <b>HỆ CƠ XƯƠNG</b>      |            |
| <b>-U (nguyên phát, di căn)</b> | <b>++++</b> | <b>-U xương</b>         | <b>+++</b> |
| <b>-Chấn thương nhiễm trùng</b> | <b>+++</b>  | <b>-U phần mềm</b>      | <b>+++</b> |
| <b>-Bệnh lý thoái hóa, sỏi</b>  | <b>++</b>   | <b>-Khớp</b>            | <b>+</b>   |

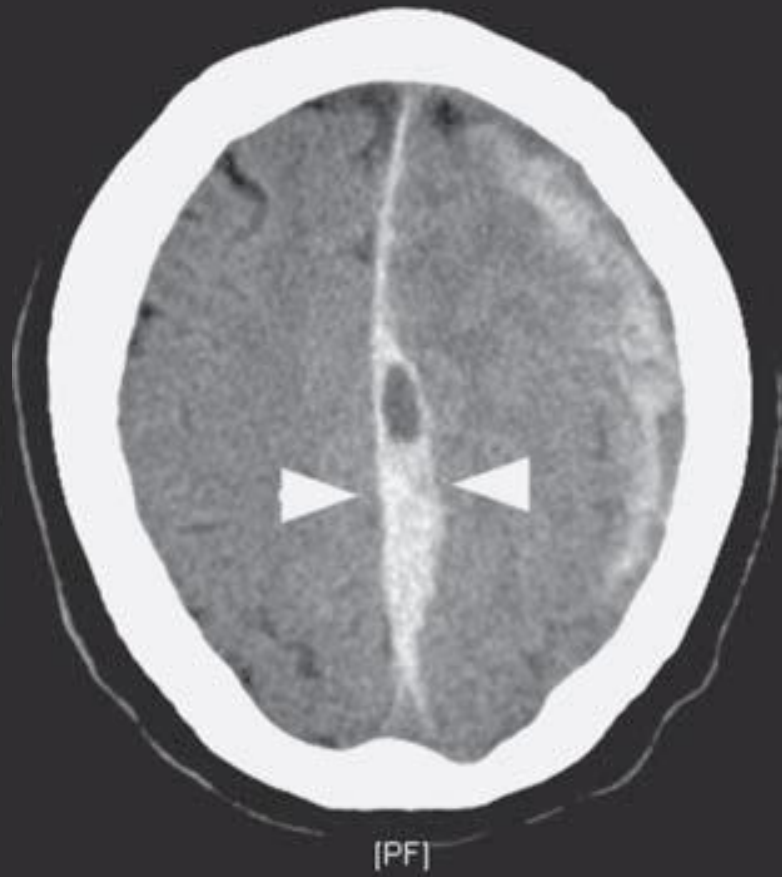
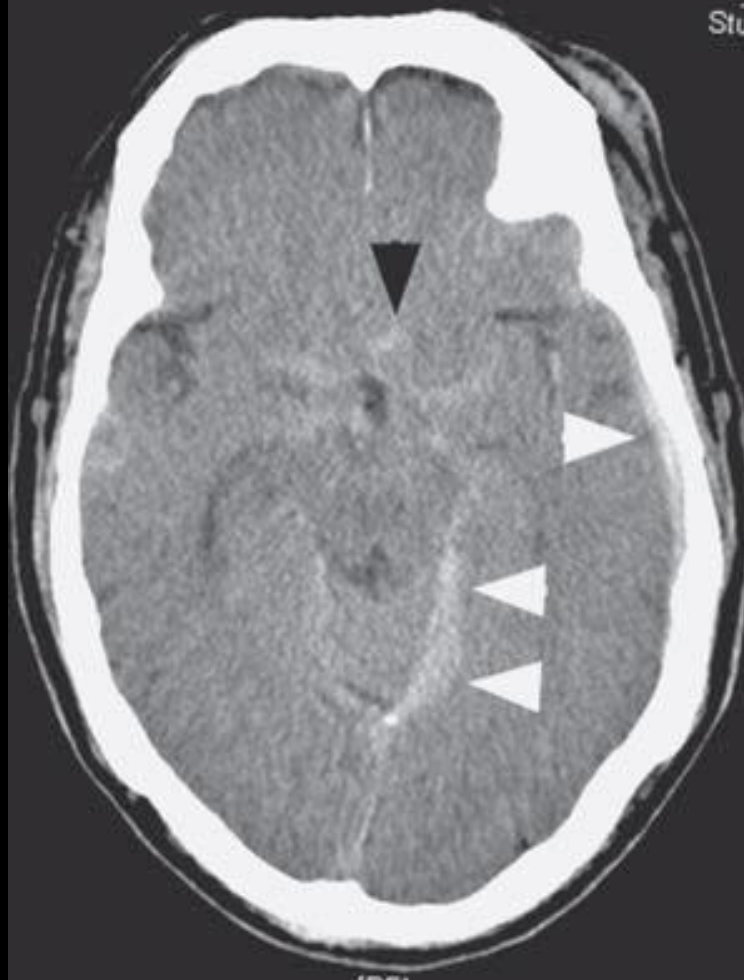


HÌNH ẢNH MINH HOẠ

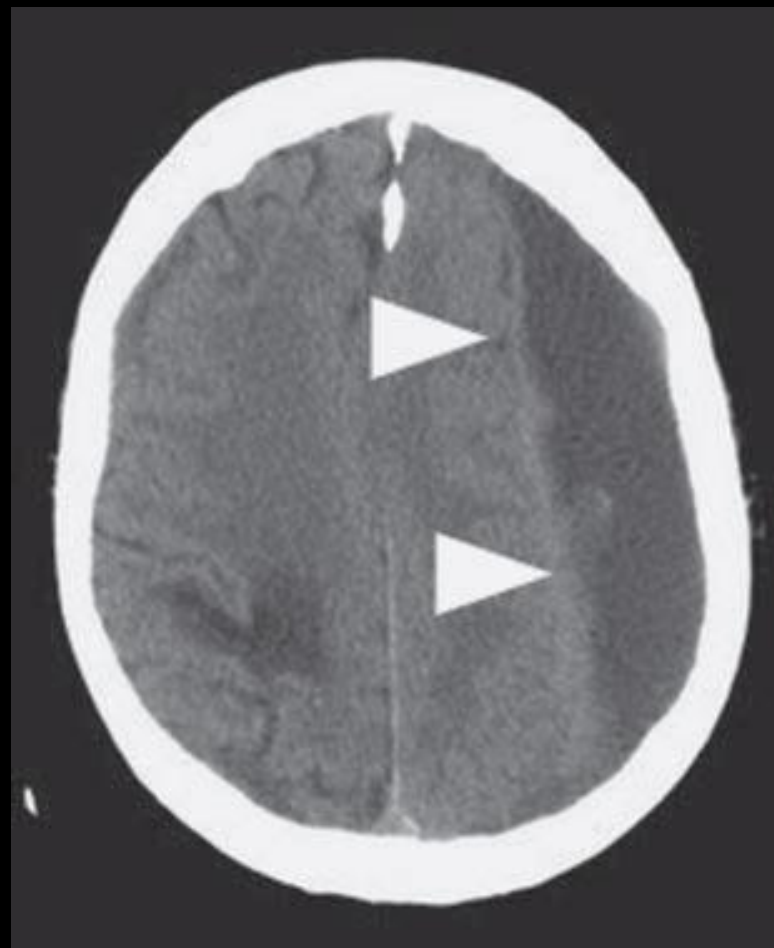
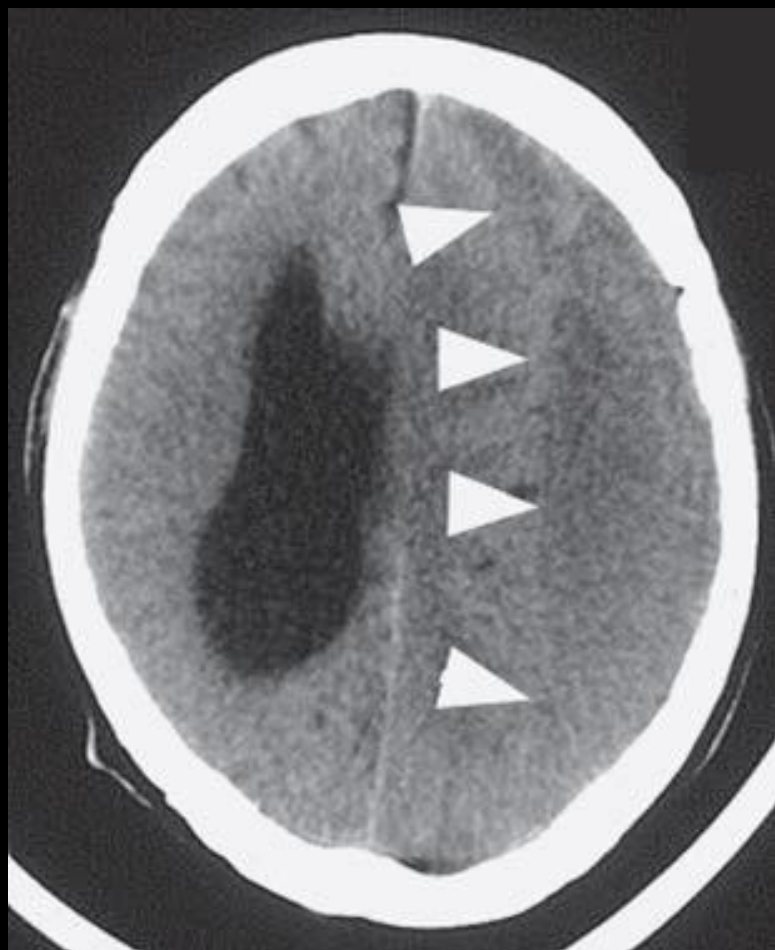
SÓ NÃO

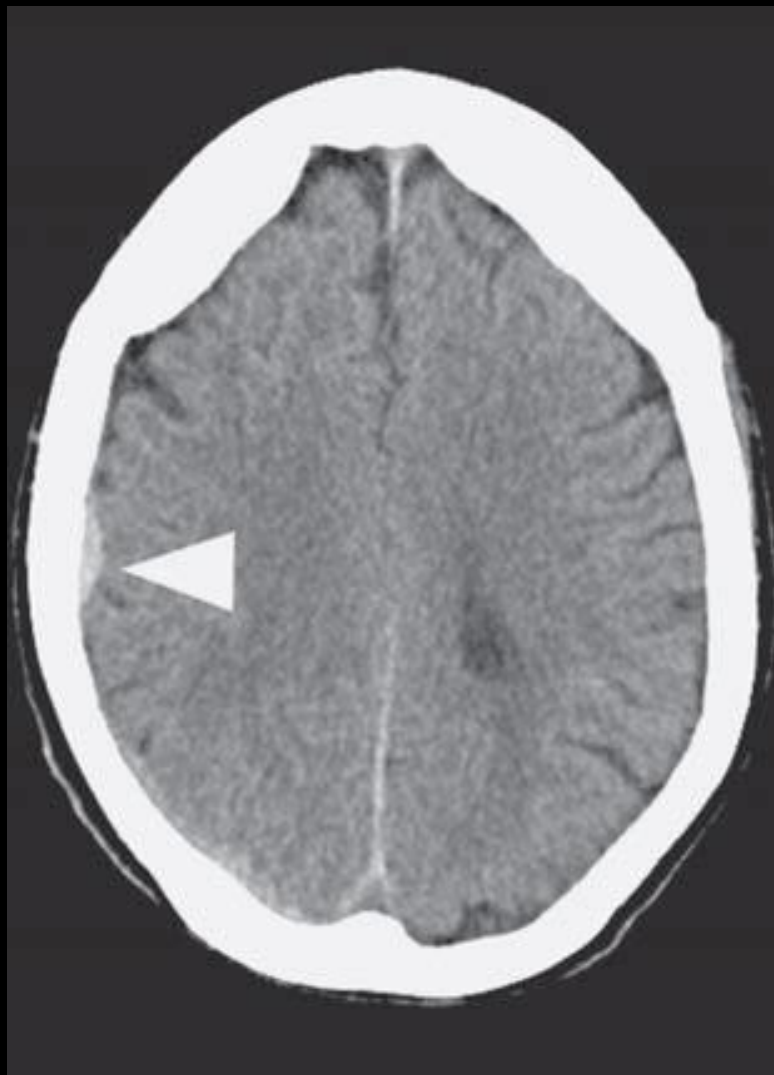


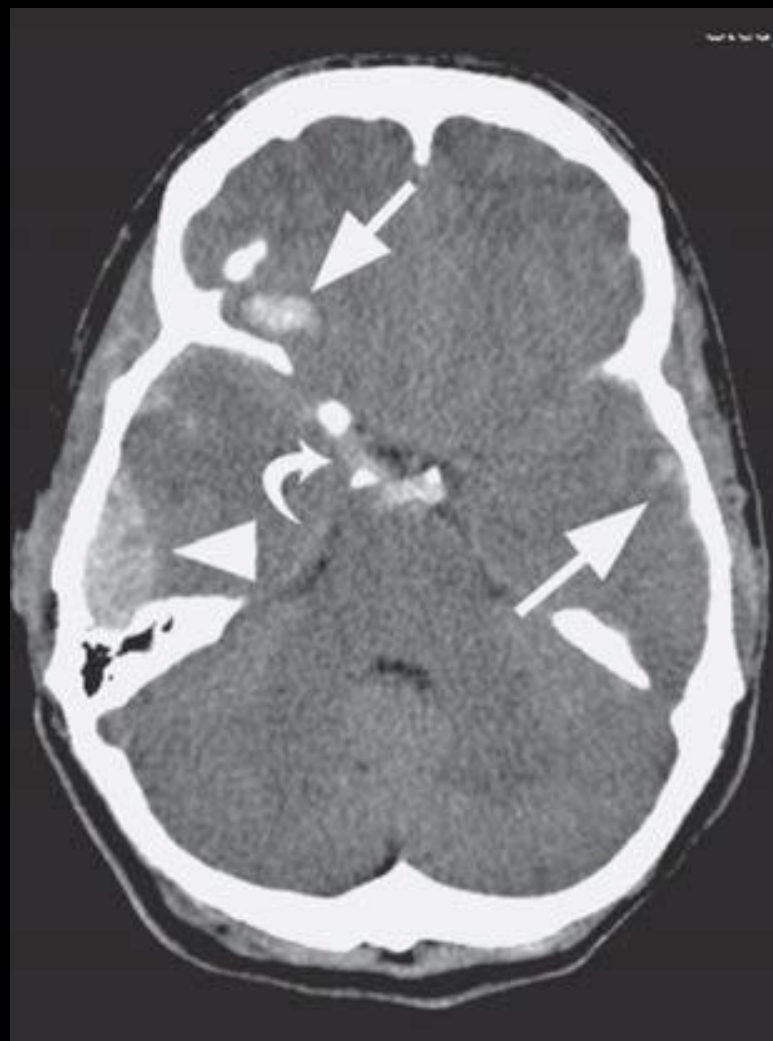
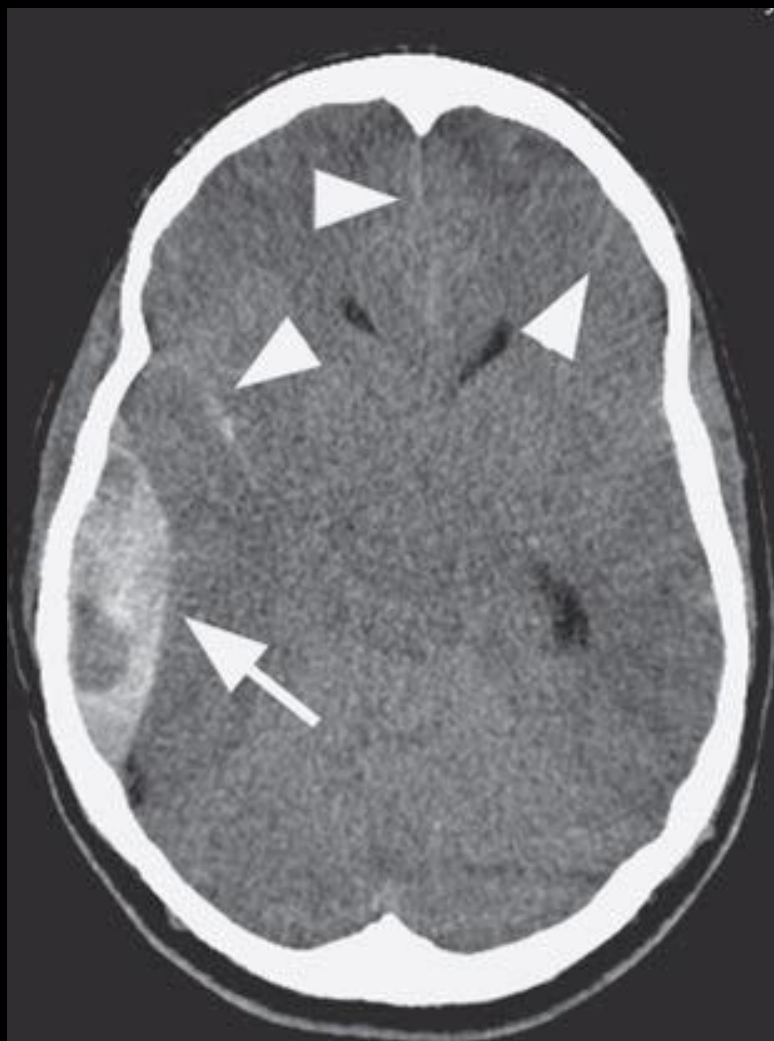
Study



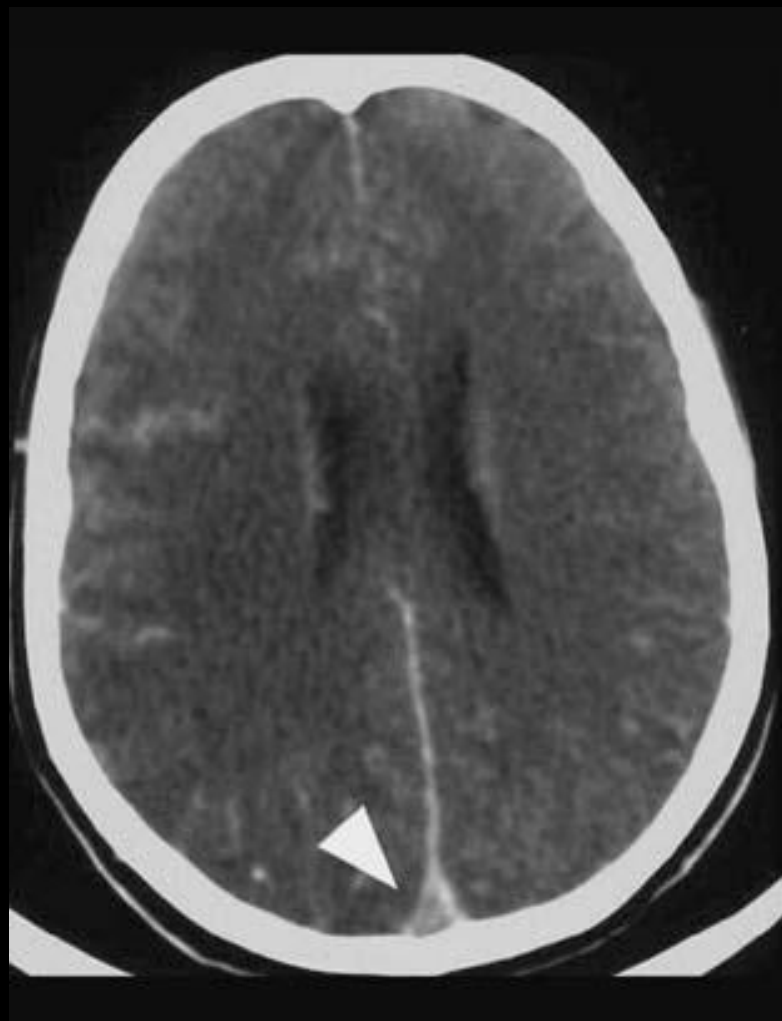
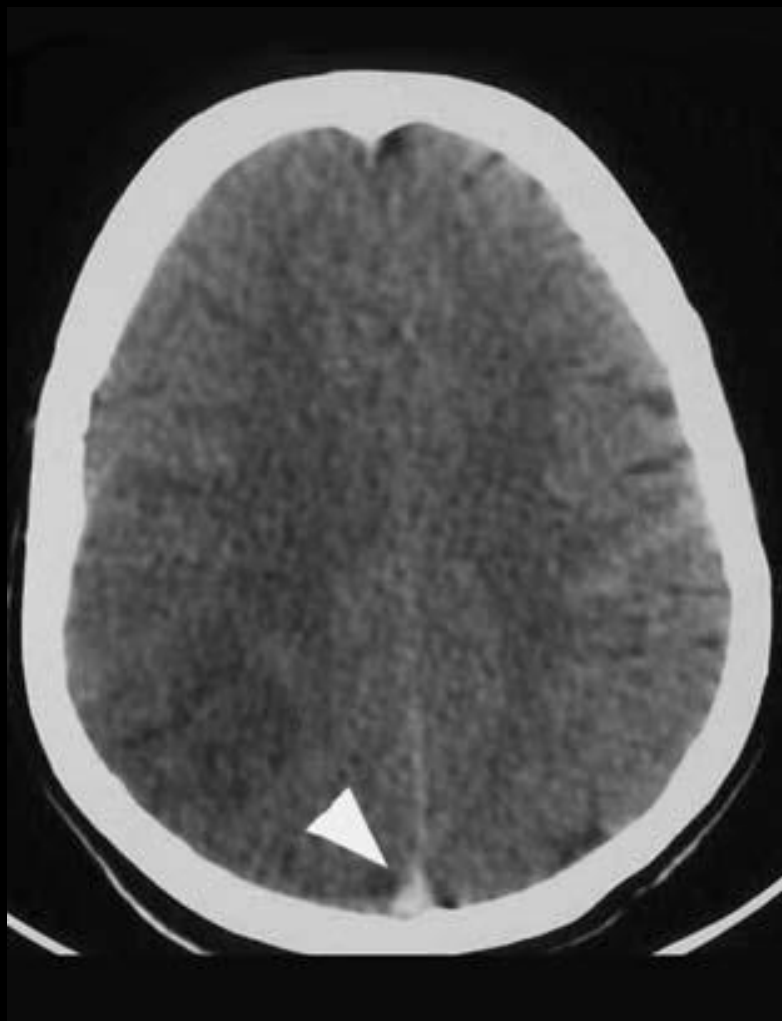
[PF]

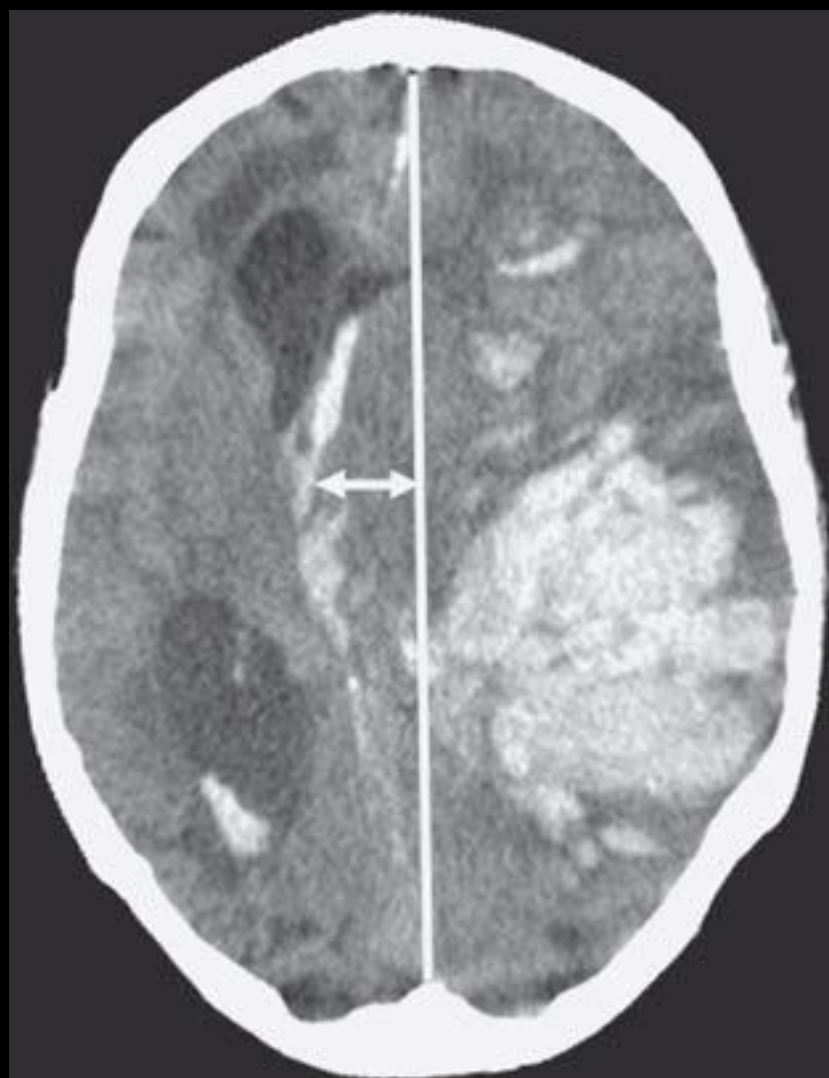


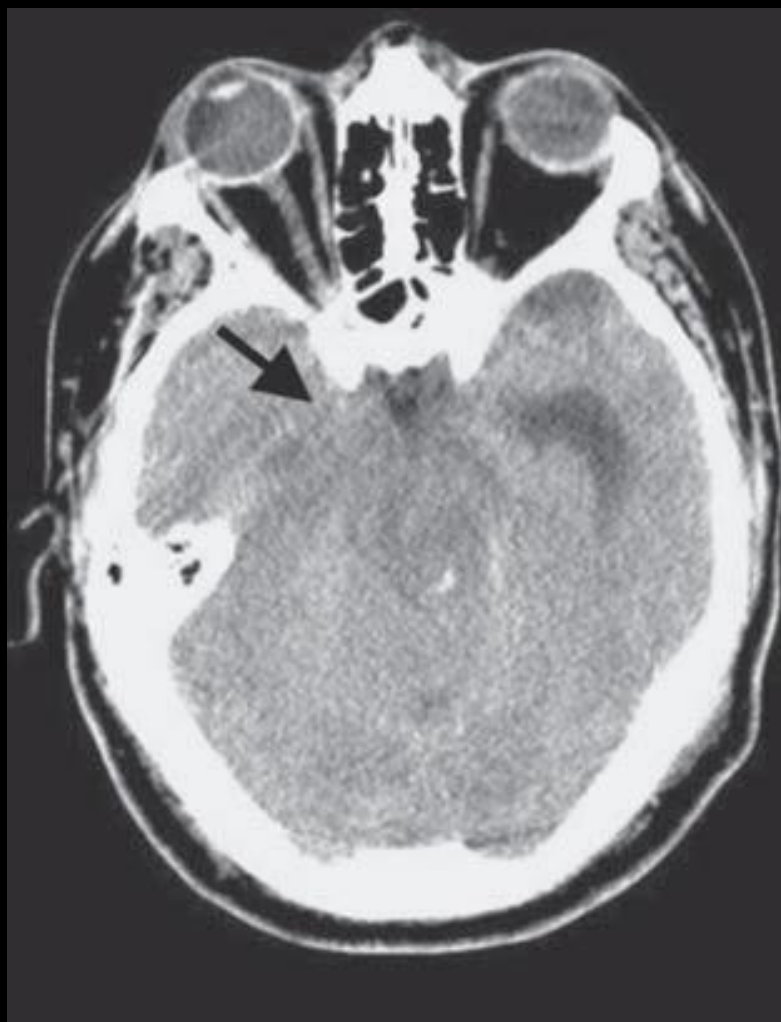




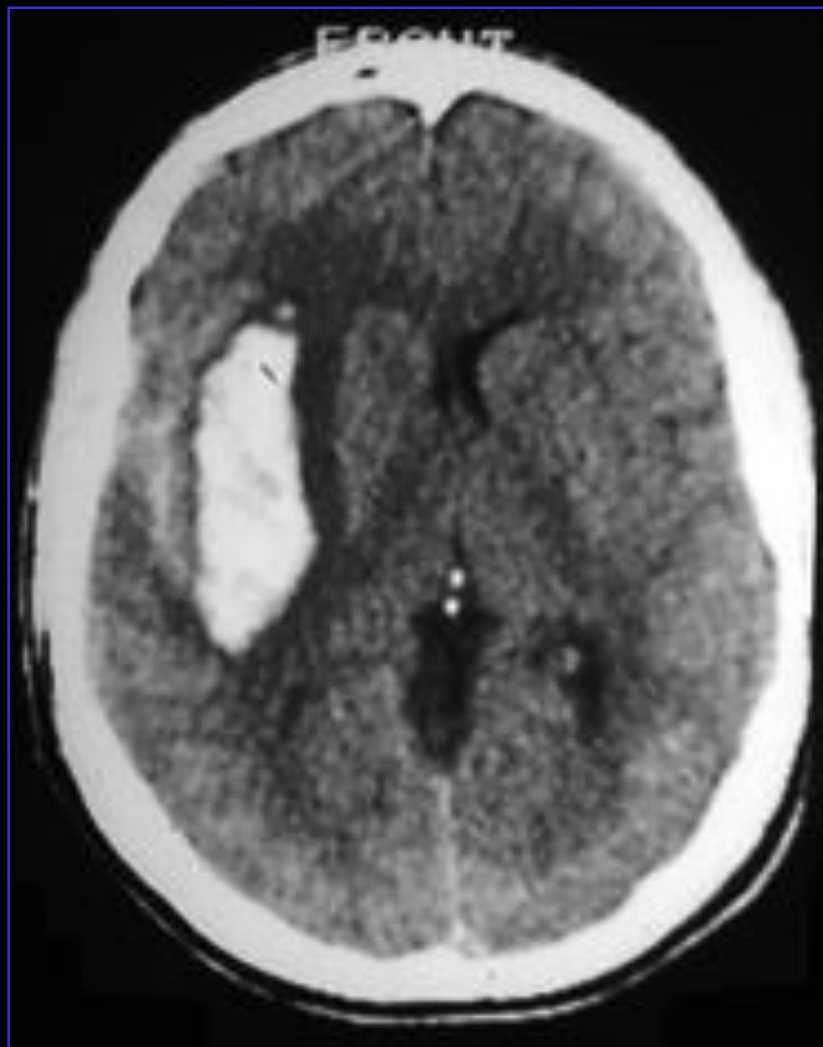
















# Nhồi máu não







*BN 45 tuổi liệt nửa người*



1h 08



24 h



7 Ng

**Nhồi máu não giữa vùng sâu**

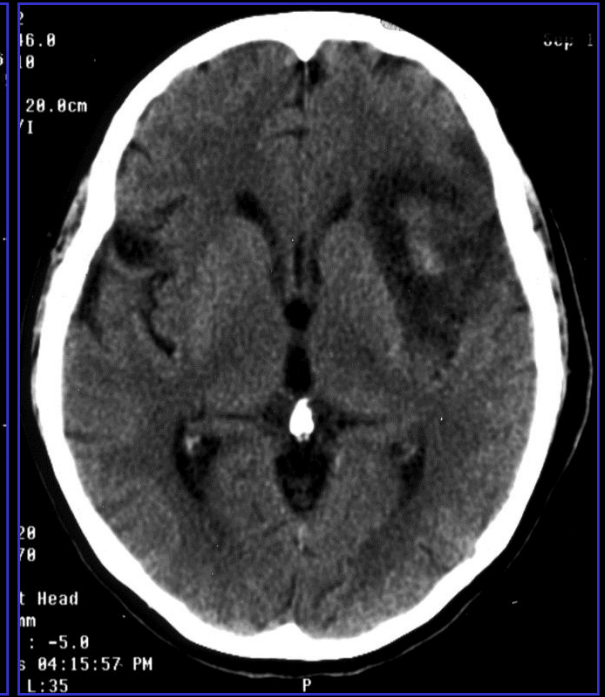
*BN 73 tuổi, liệt nửa người*



2 h



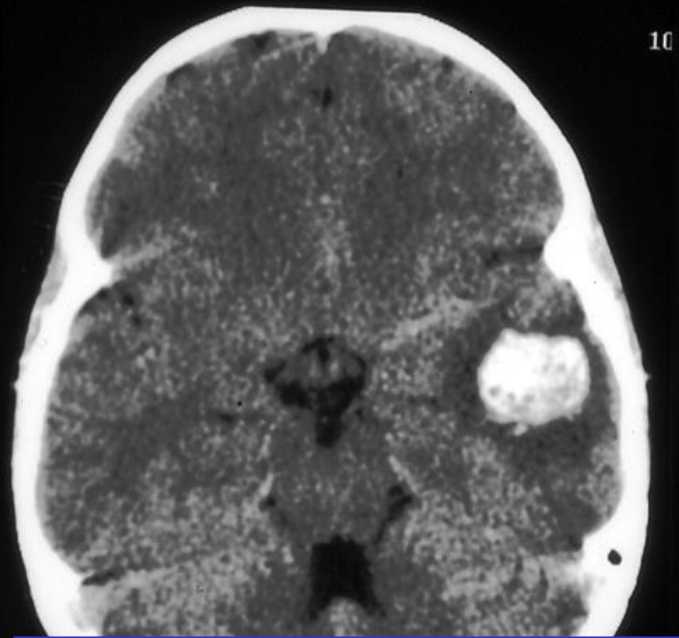
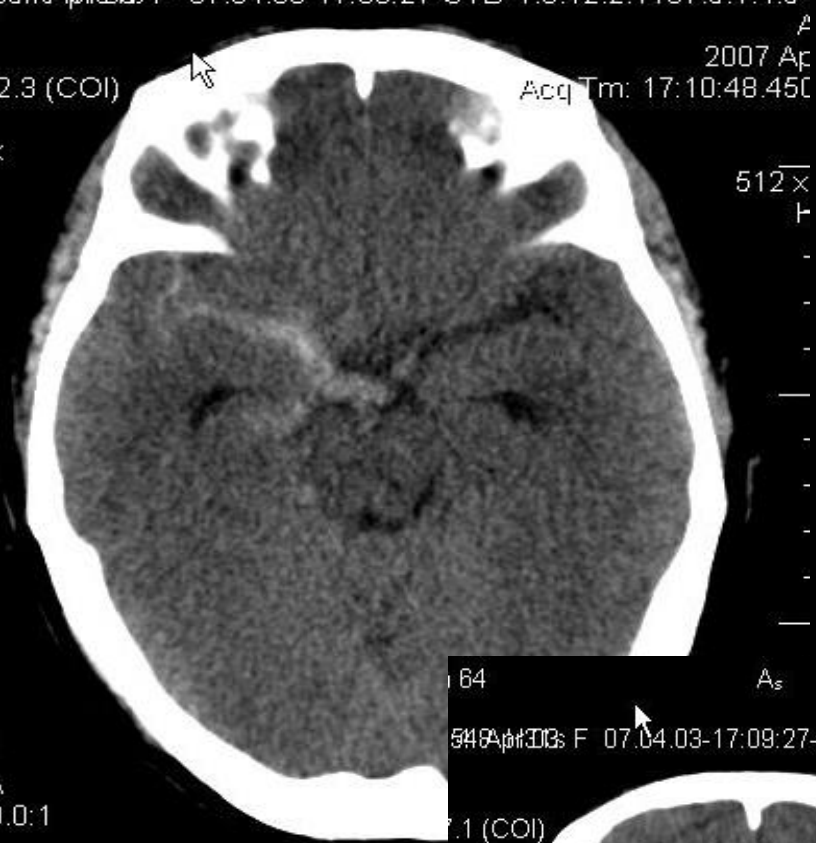
24 h



7 jours

# Nhối máu não giữa nông

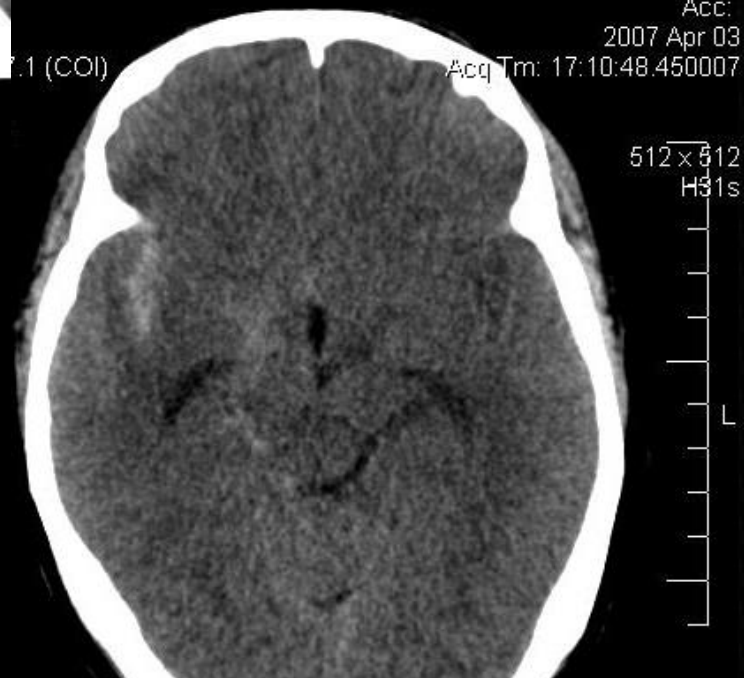




64

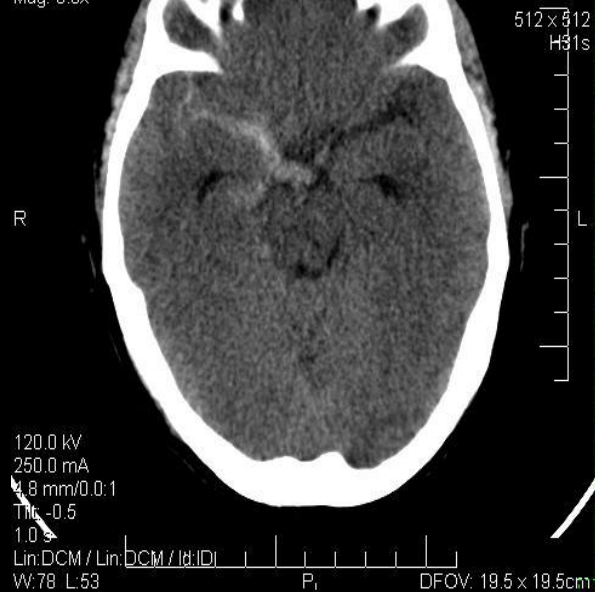
As

BV Bach Mai  
PHAM THI THUY  
546403 F 07.04.03-17:09:27-STD-1.3.12.2.1107.5.1.4.54815  
Acc:  
2007 Apr 03  
Acq Tm: 17:10:48.450007



Sensation 64  
Ex: 1  
HeadSet: 06/04/03 F 07.04.03-17:09:27-STD-1.3.12.2.1107.5.1.4.54815  
Se: 2/2  
Im: 8/24  
Ac: S1102.3 (COI)  
BV Bach Mai  
PHAM THI THUY  
Acc:  
2007 Apr 03  
Acq Tm: 17:10:48.450007

Mag: 0.9x



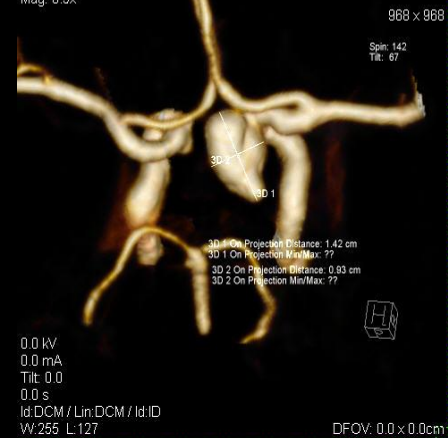
Sensation 64  
Ex: 1  
HeadSet: 06/04/03 F 07.04.03-17:09:27-STD-1.3.12.2.1107.5.1.4.54815  
Se: 2/2  
Im: 9/24  
Ac: S1107.1 (COI)  
BV Bach Mai  
PHAM THI THUY  
Acc:  
2007 Apr 03  
Acq Tm: 17:10:48.450007

Mag: 0.9x



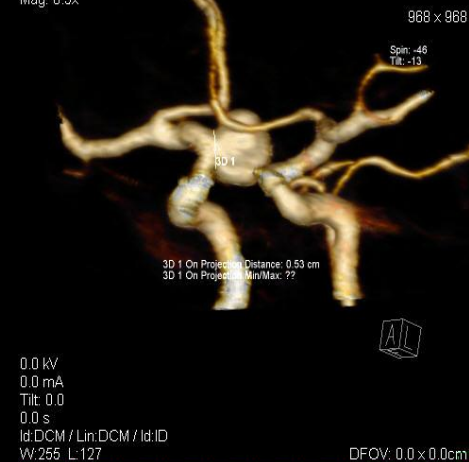
Sensation 64  
Ex: 1  
HeadSet: 06/04/03 F 07.04.03-17:09:27-STD-1.3.12.2.1107.5.1.4.54815  
Se: 504/2  
Im: 16/20  
Ac: 0.0  
BV Bach Mai  
PHAM THI THUY  
Acc:  
2007 Apr 03  
Acq Tm: 17:13:58.913830

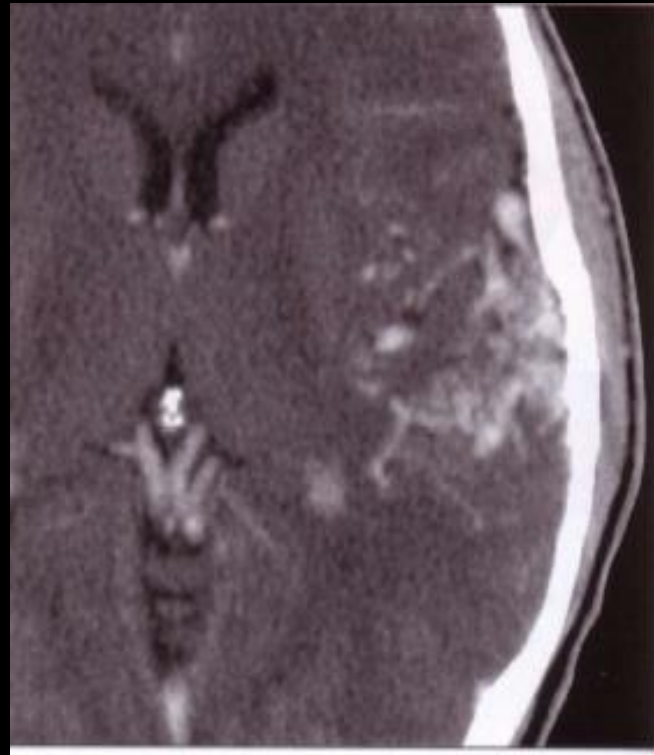
Mag: 0.5x

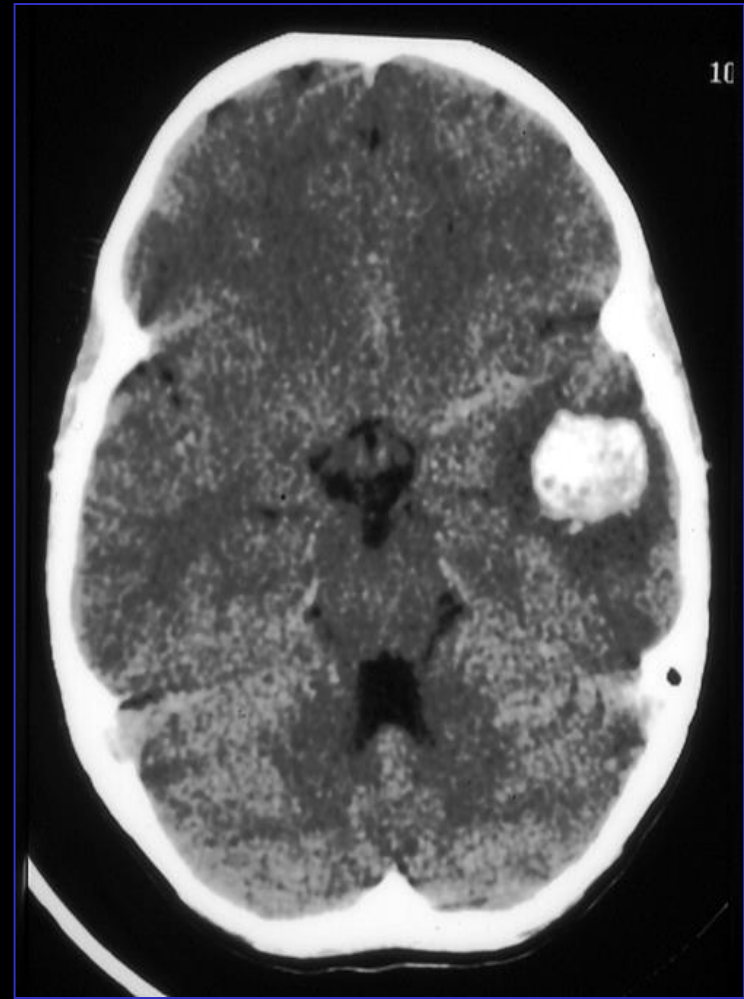
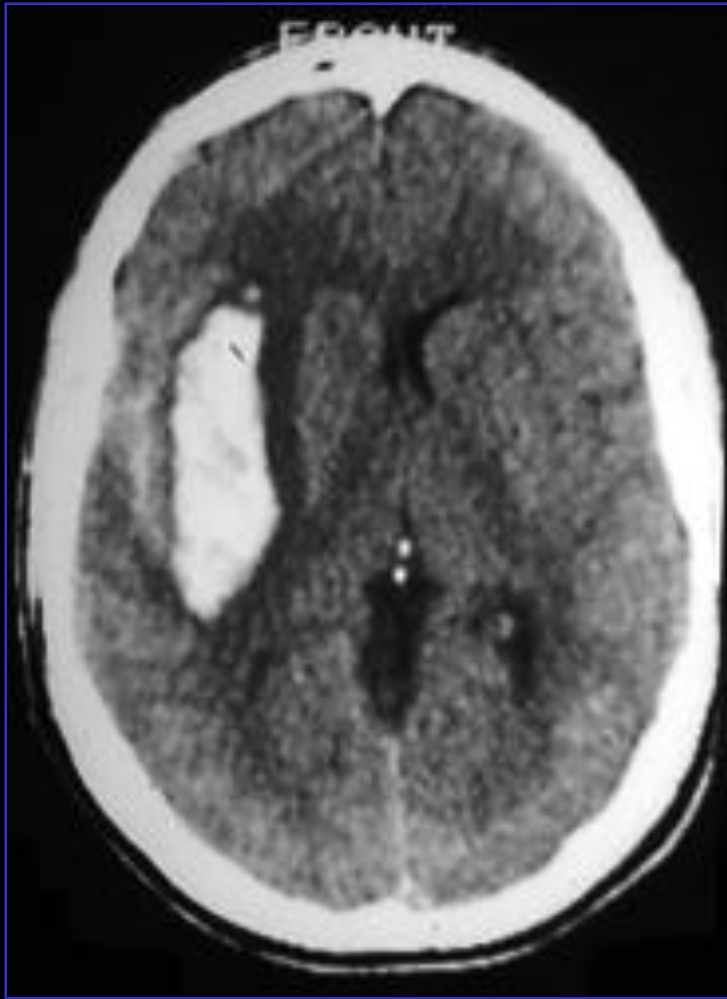


Sensation 64  
Ex: 1  
HeadSet: 06/04/03 F 07.04.03-17:09:27-STD-1.3.12.2.1107.5.1.4.54815  
Se: 504/2  
Im: 15/20  
Ac: 0.0  
BV Bach Mai  
PHAM THI THUY  
Acc:  
2007 Apr 03  
Acq Tm: 17:13:58.913830

Mag: 0.5x

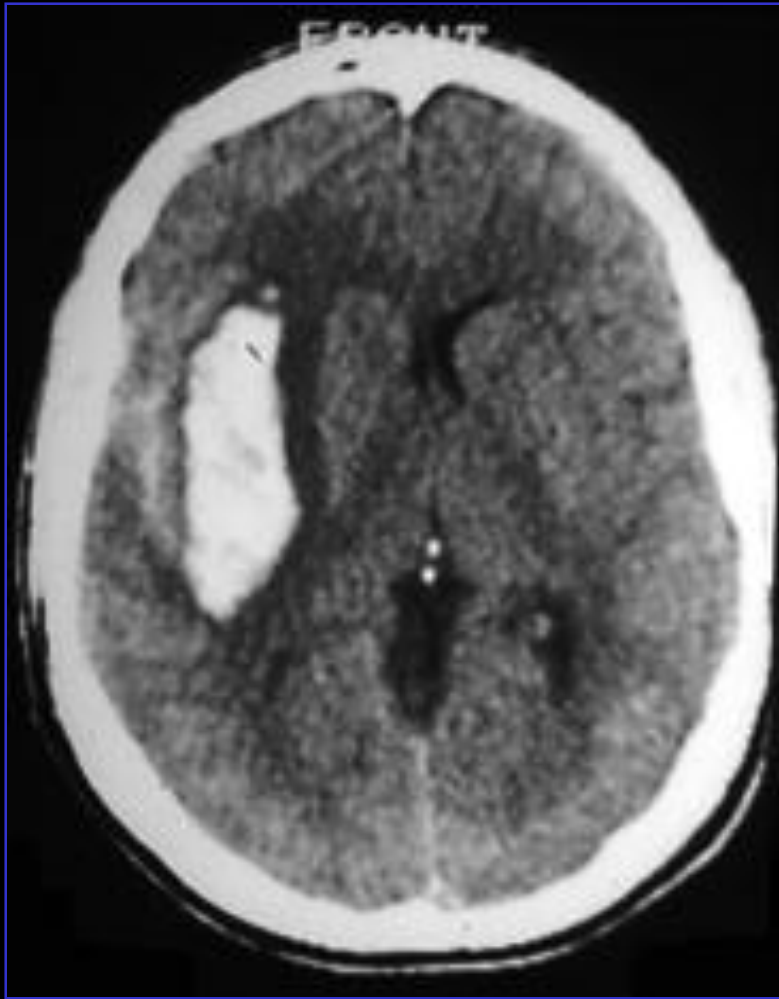






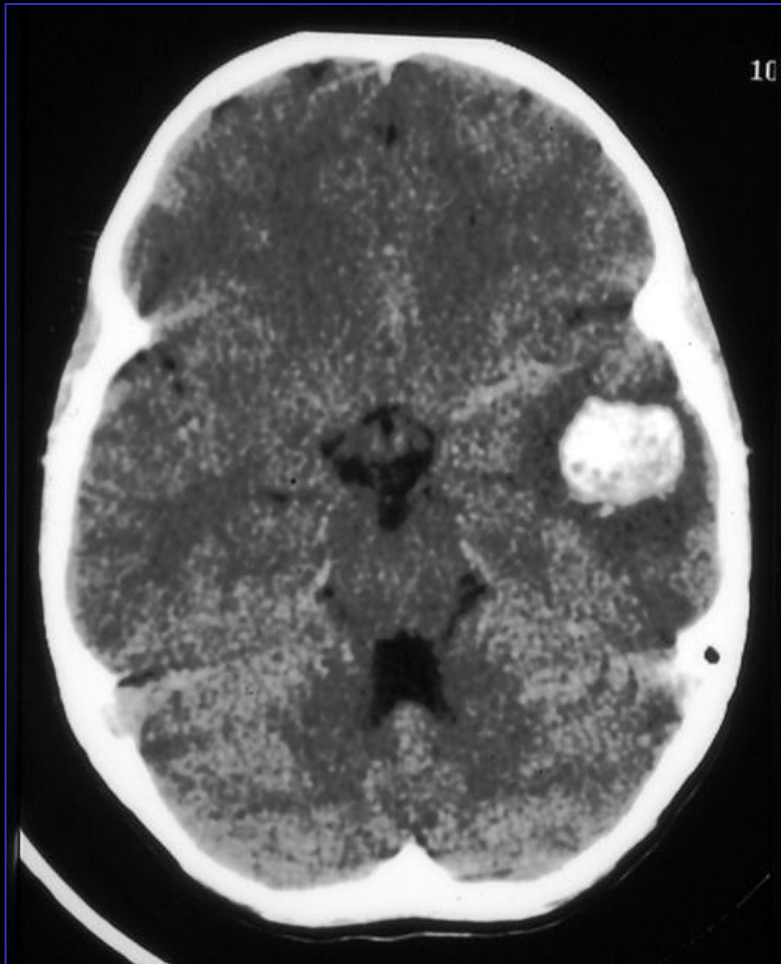
**2 loại chảy máu; hai thái độ khác nhau**



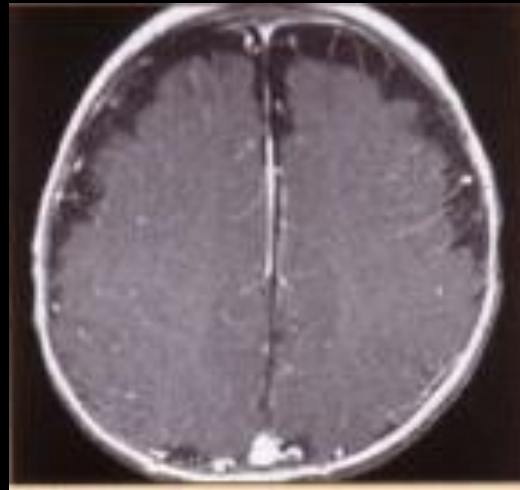
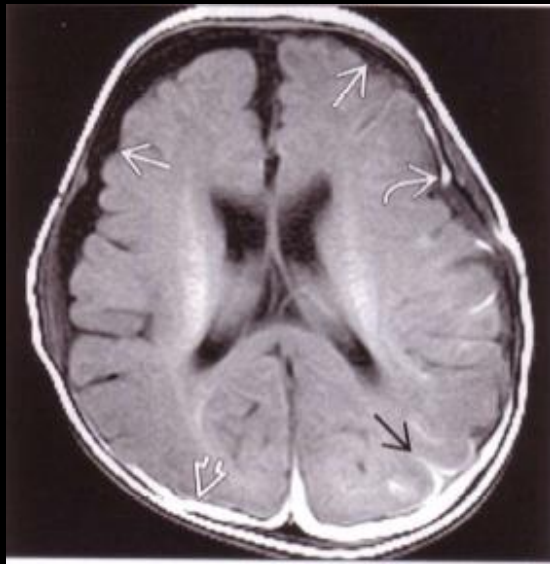
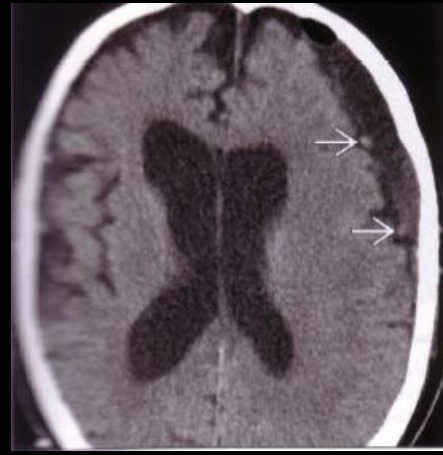
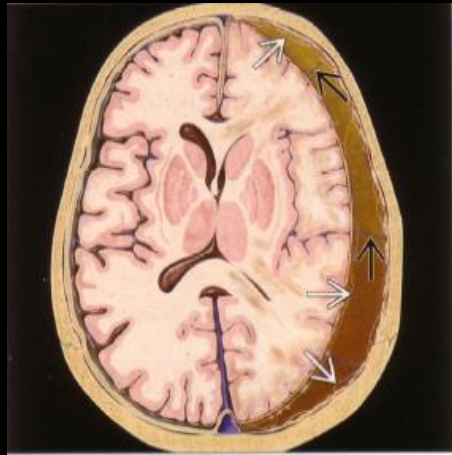


**Không chụp mạch**

**Tụ máu nhân xám THA+++**



Chụp mạch



Tụ dịch dưới màng cứng

Rộng khoang  
dưới nhện

Kén dưới nhện





ÁP-XE NÃO



U NÃO

# SINH THIẾT TRÊN CT SCANNER



**STEREOTAXY**

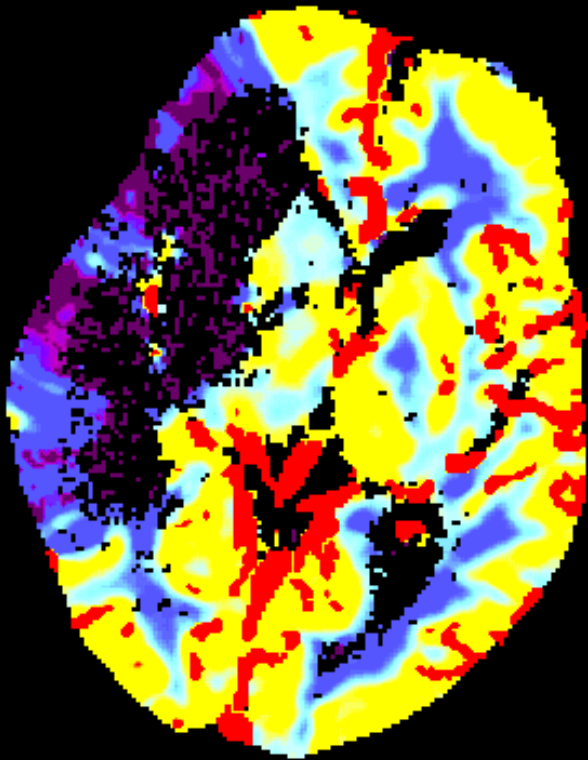
# Vài hình ảnh MULTISLICES



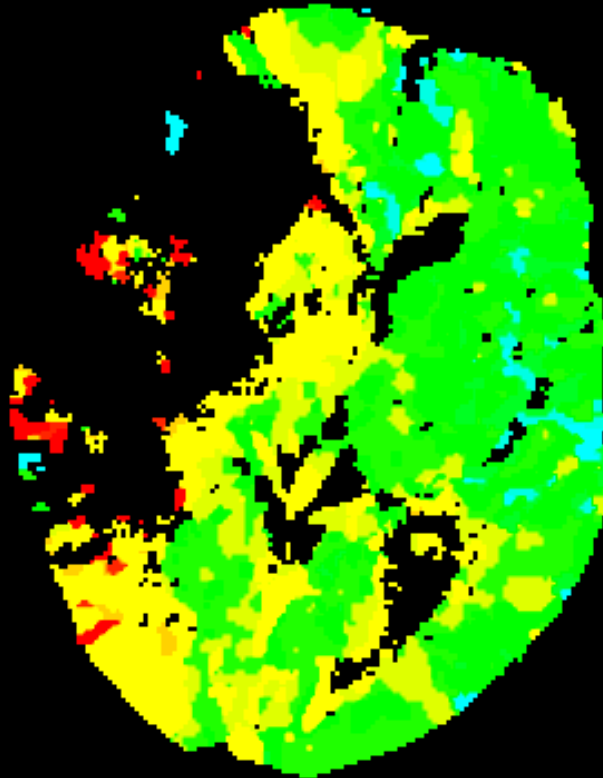


# CT tưới máu não (Perfusion CT)

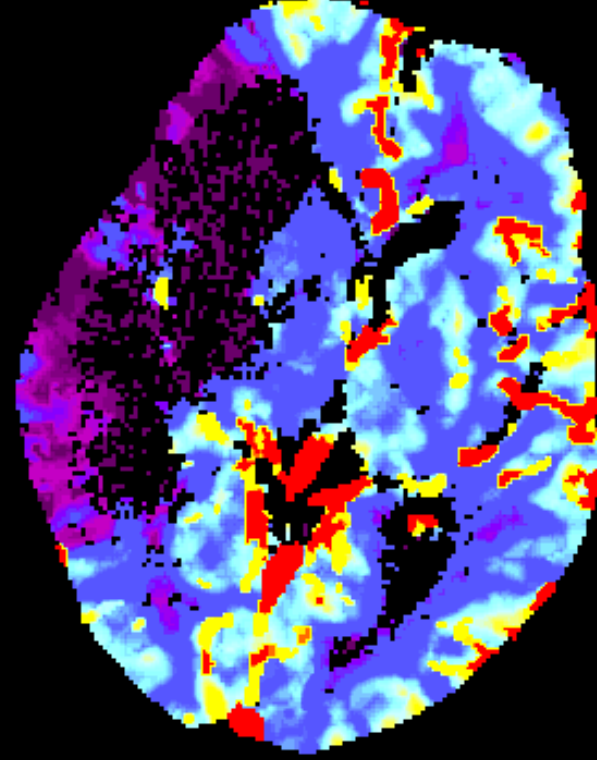
Phát hiện sớm đột quỵ



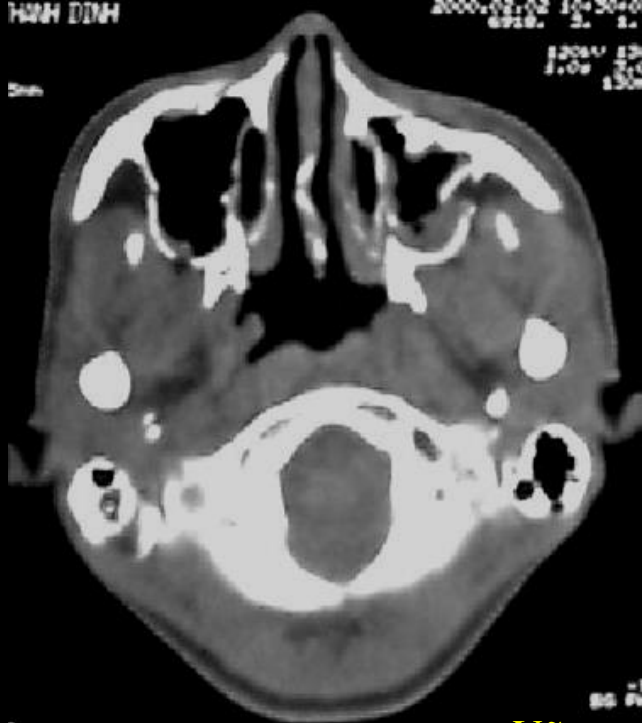
CBF



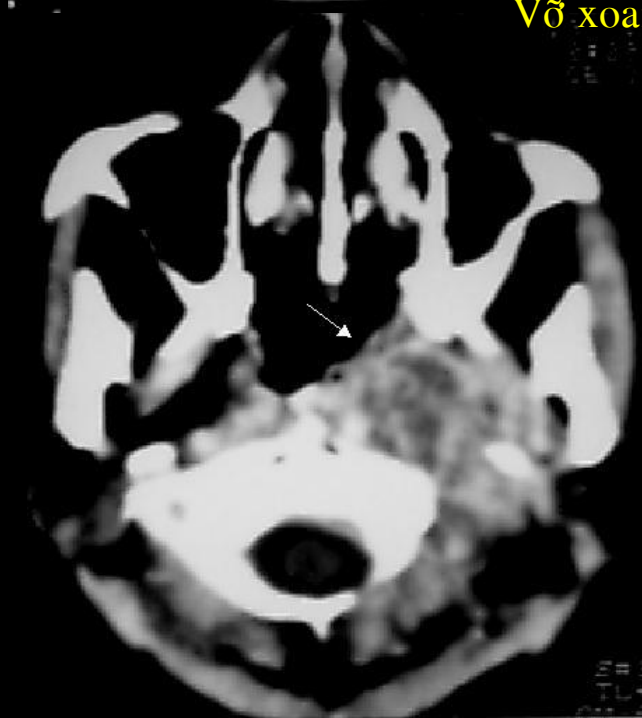
MTT



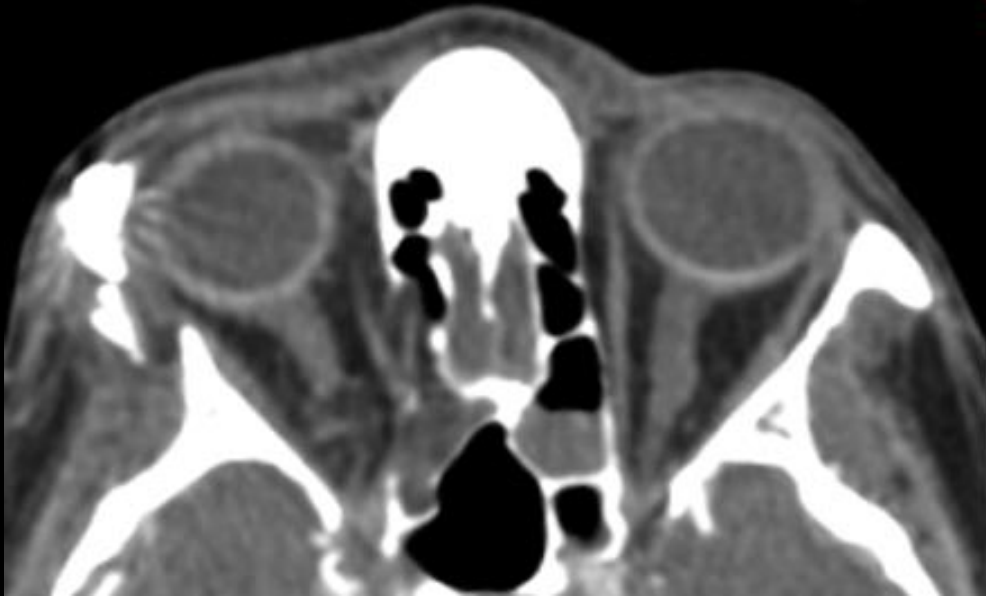
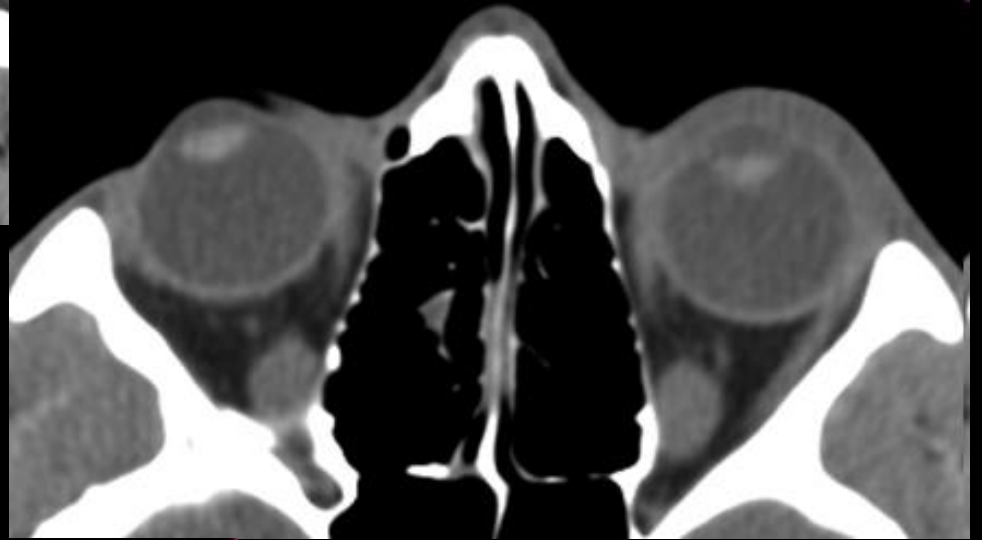
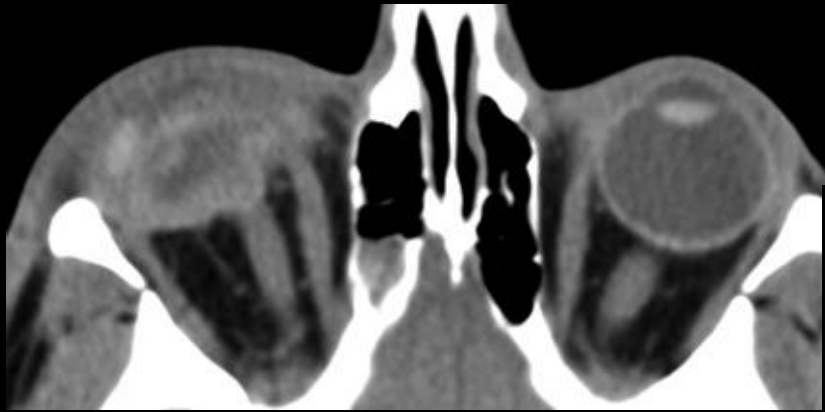
CBV



Vỡ xoang, xương đá trong chấn thương



Ung thư vòm hầu





VANHANH

DIE

1913 Jan 1

Acq Tm: 08:13

Sensation 4

Ex: 1

SinusProne 2.0 H60s

Se: 3/1

Im: 22/30

Ac: 1113.0 (COL)

Prone

512 x 512

H60s

R

120.0 kV

50.0 mA

2.0 mm/0.0:1

Tilt: -15.0

1.0 s

Lin:DCM / Lin:DCM / Id:ID

W:1621 L:182







HiSpeed GL1 SYNTAX  
 EX: 0035  
 S: 3  
 DI: 550.0  
 DI: 19  
 DEFOV 17.9cm  
 SINOVA  
 28 H 42012  
 May 28 0  
 51  
 71.1

KV 120  
 mA 350-  
 Smax: 0.8  
 Smin: 0.8  
 Tilt: -30.0  
 1.0 01:53:40 AM



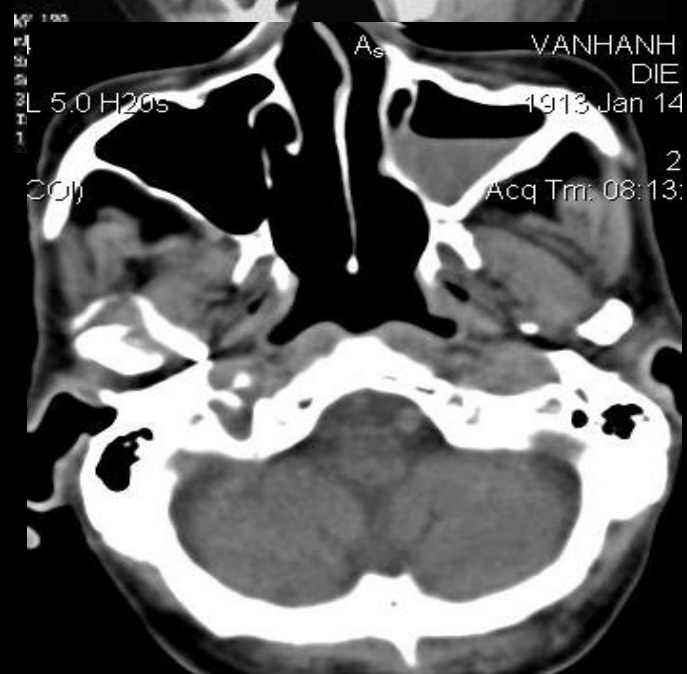
.2cm

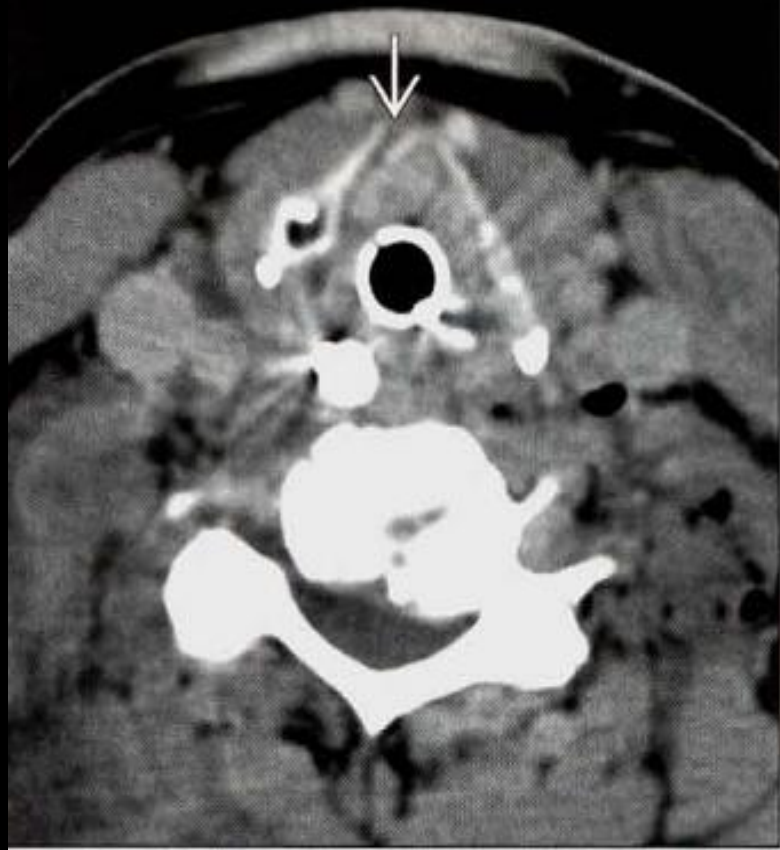
FLT:



Carcinoma

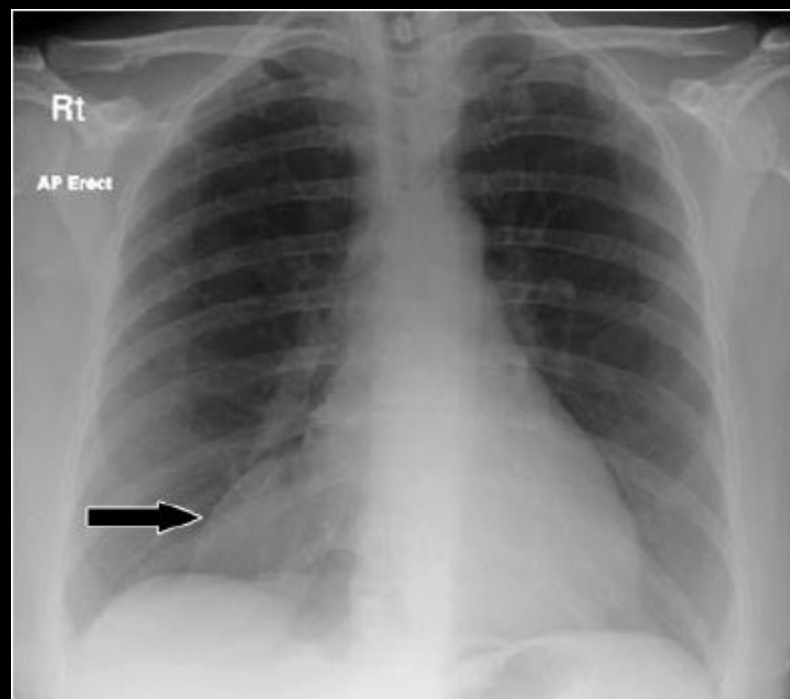


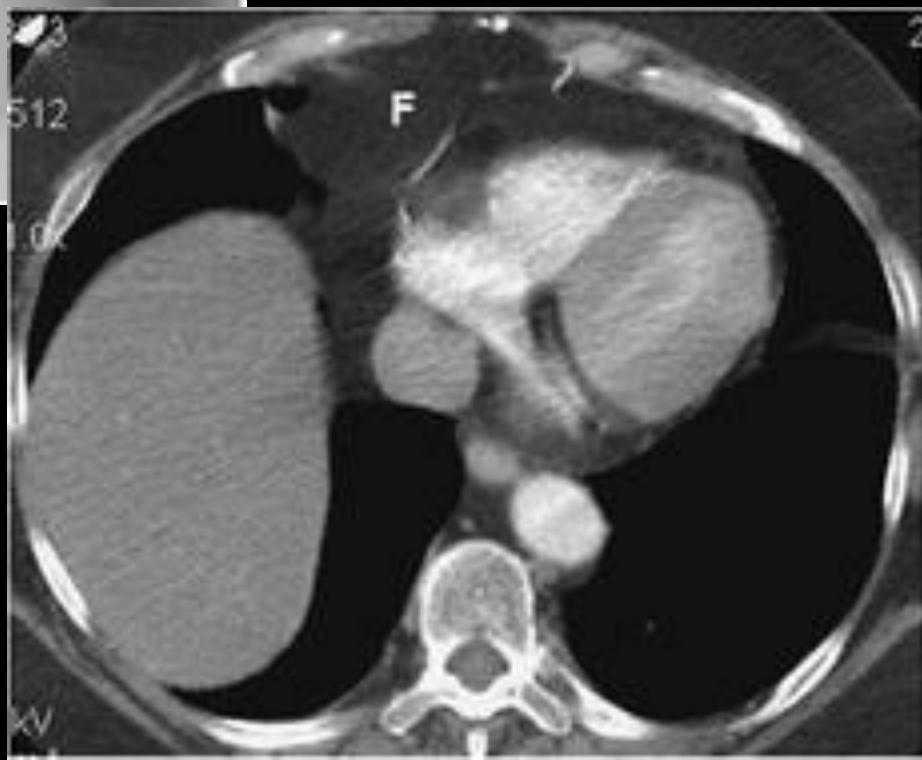


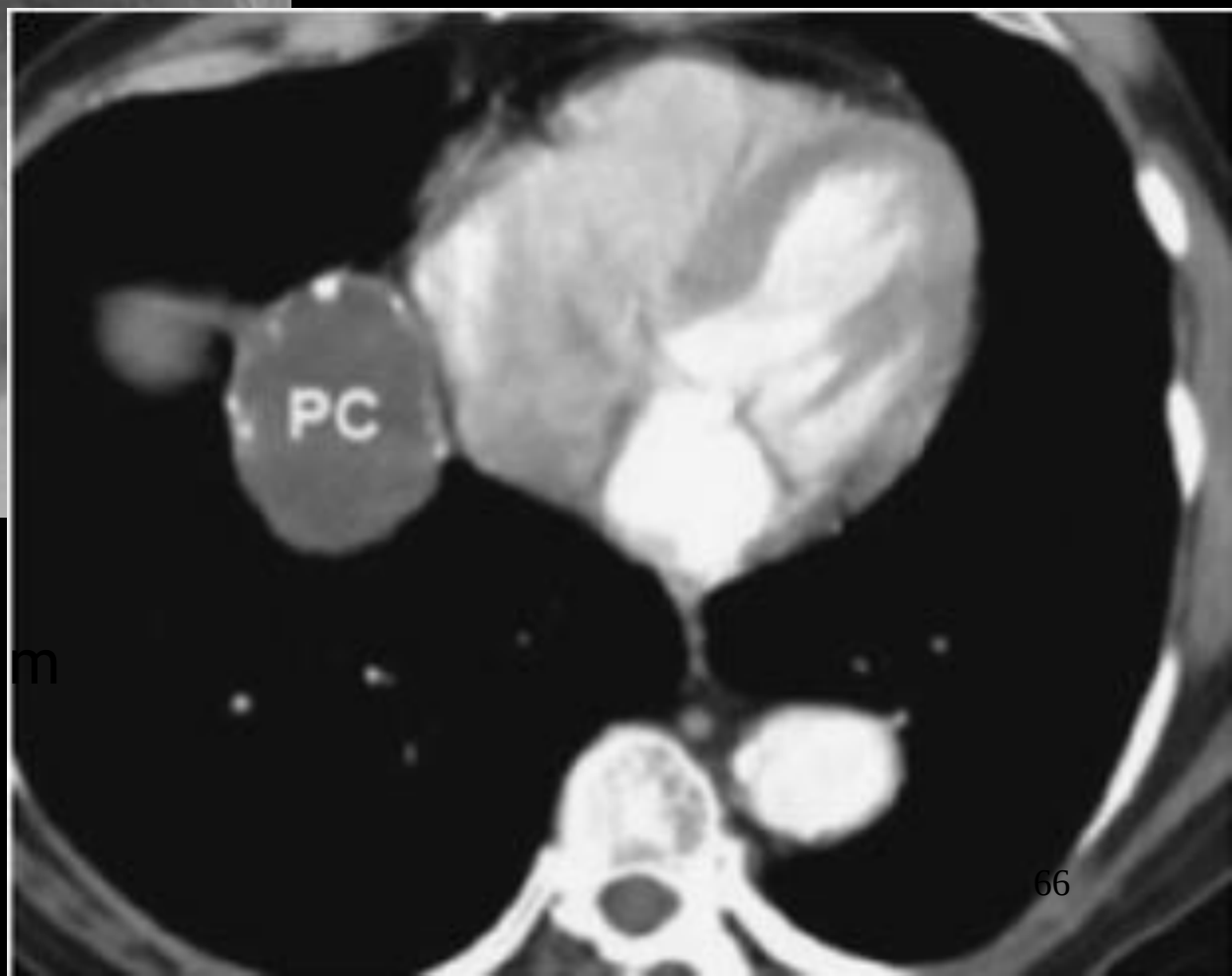




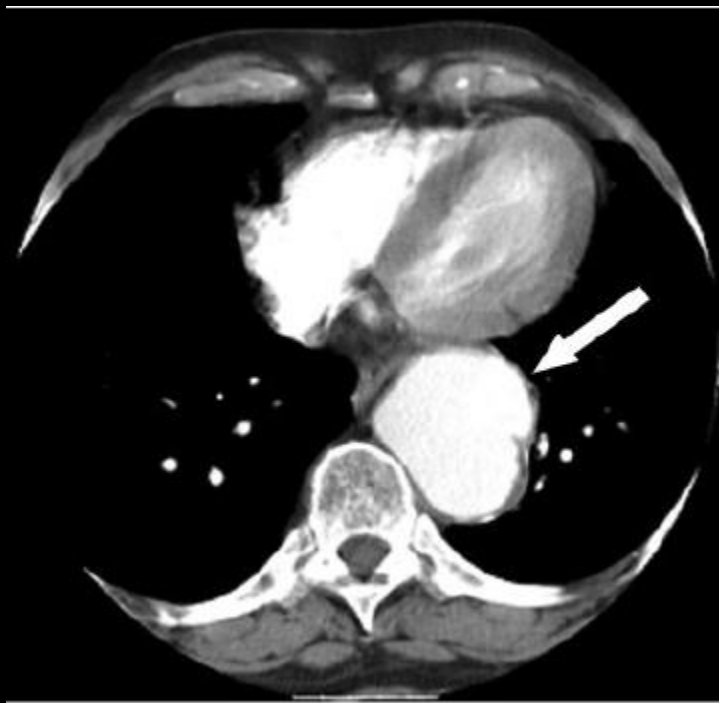
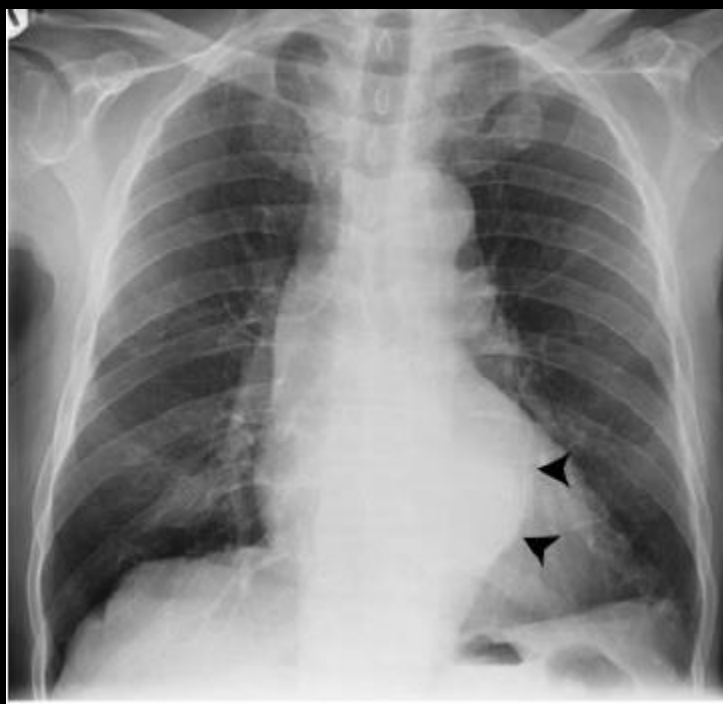


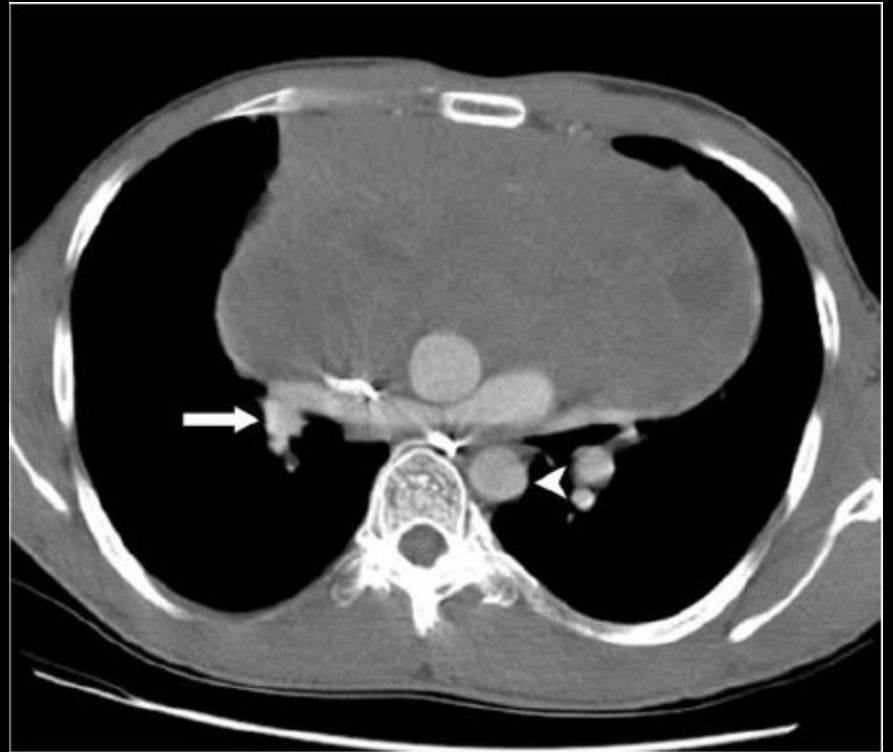
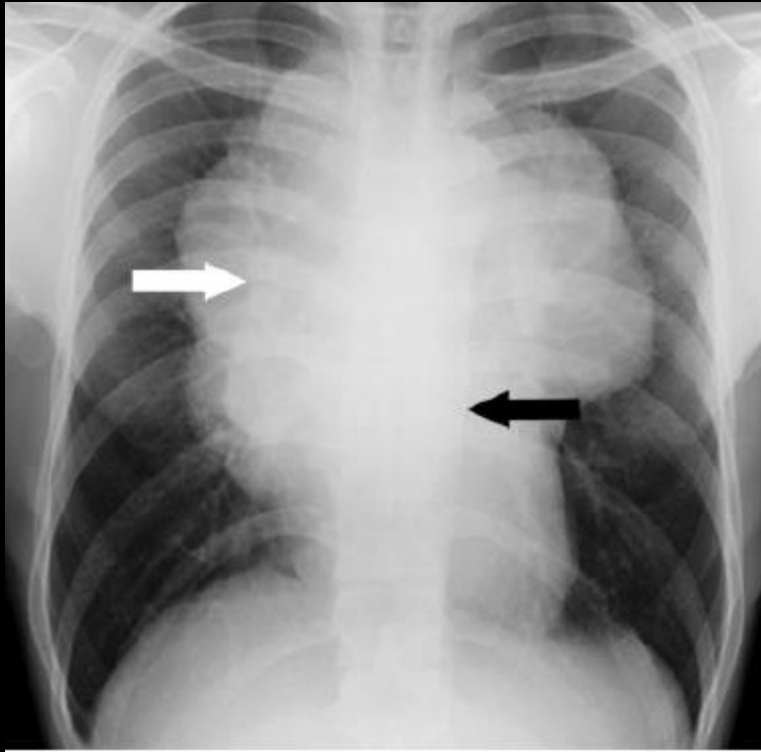




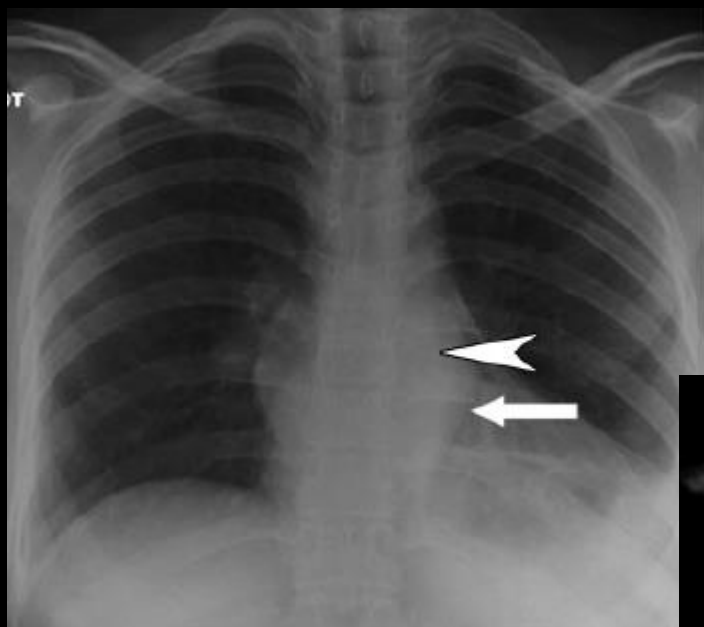


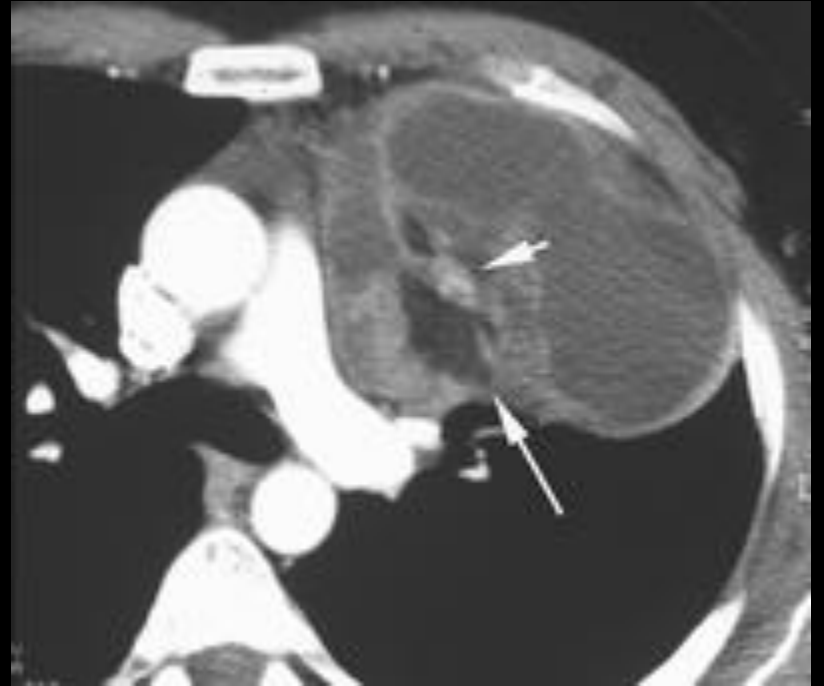
m



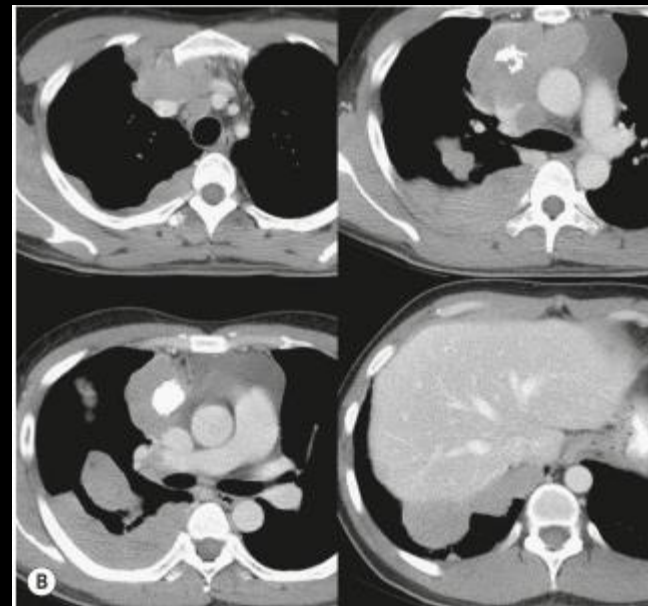
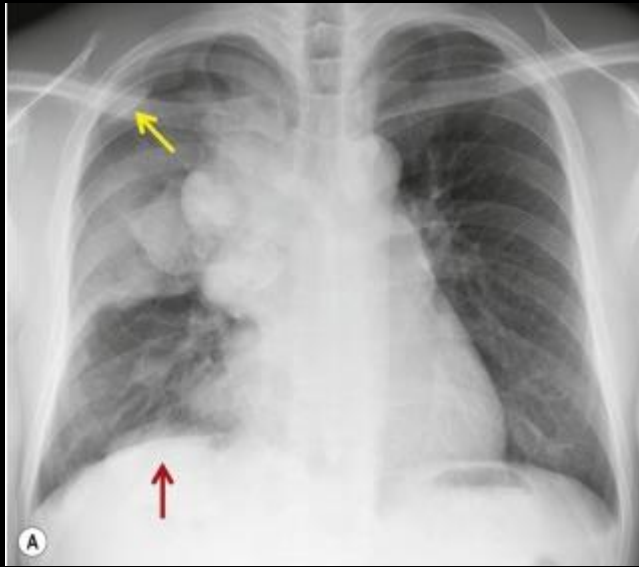


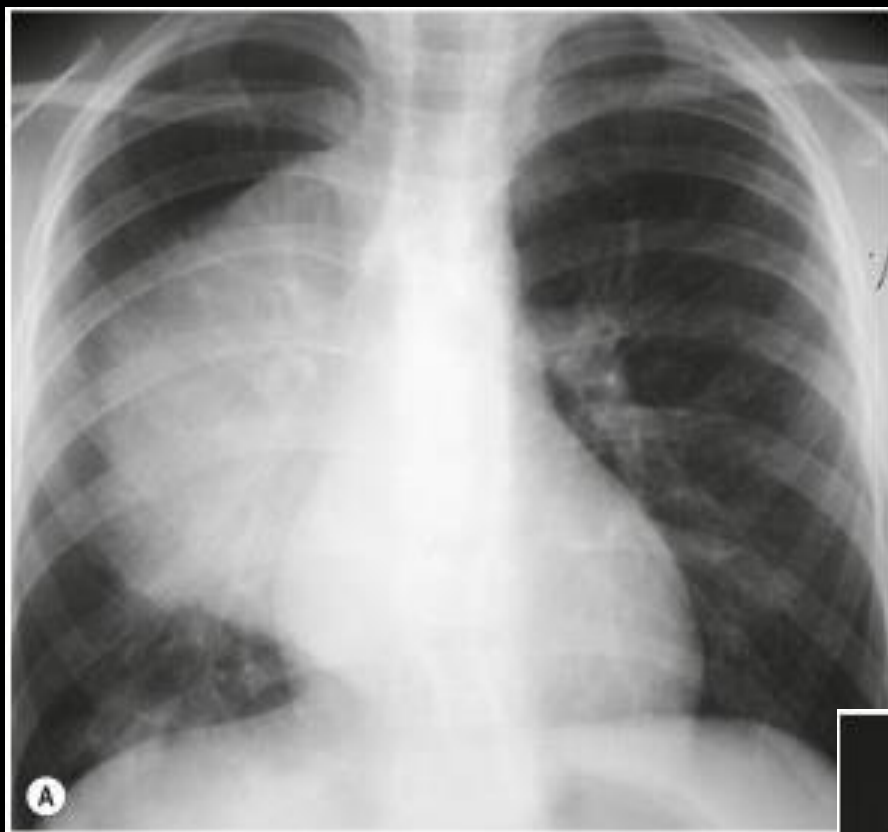


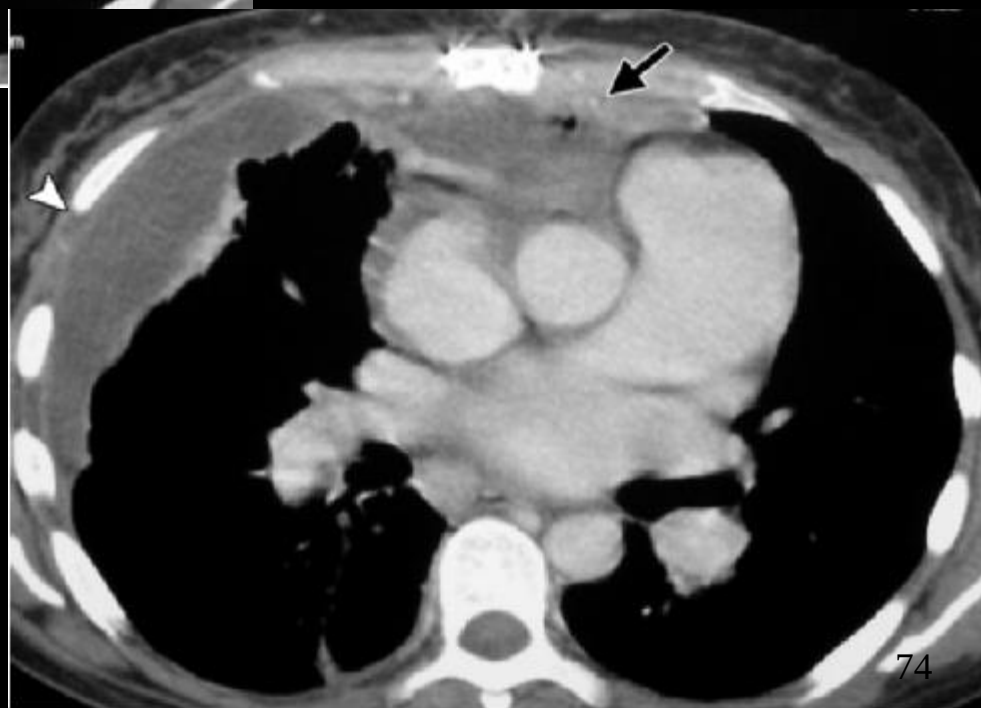




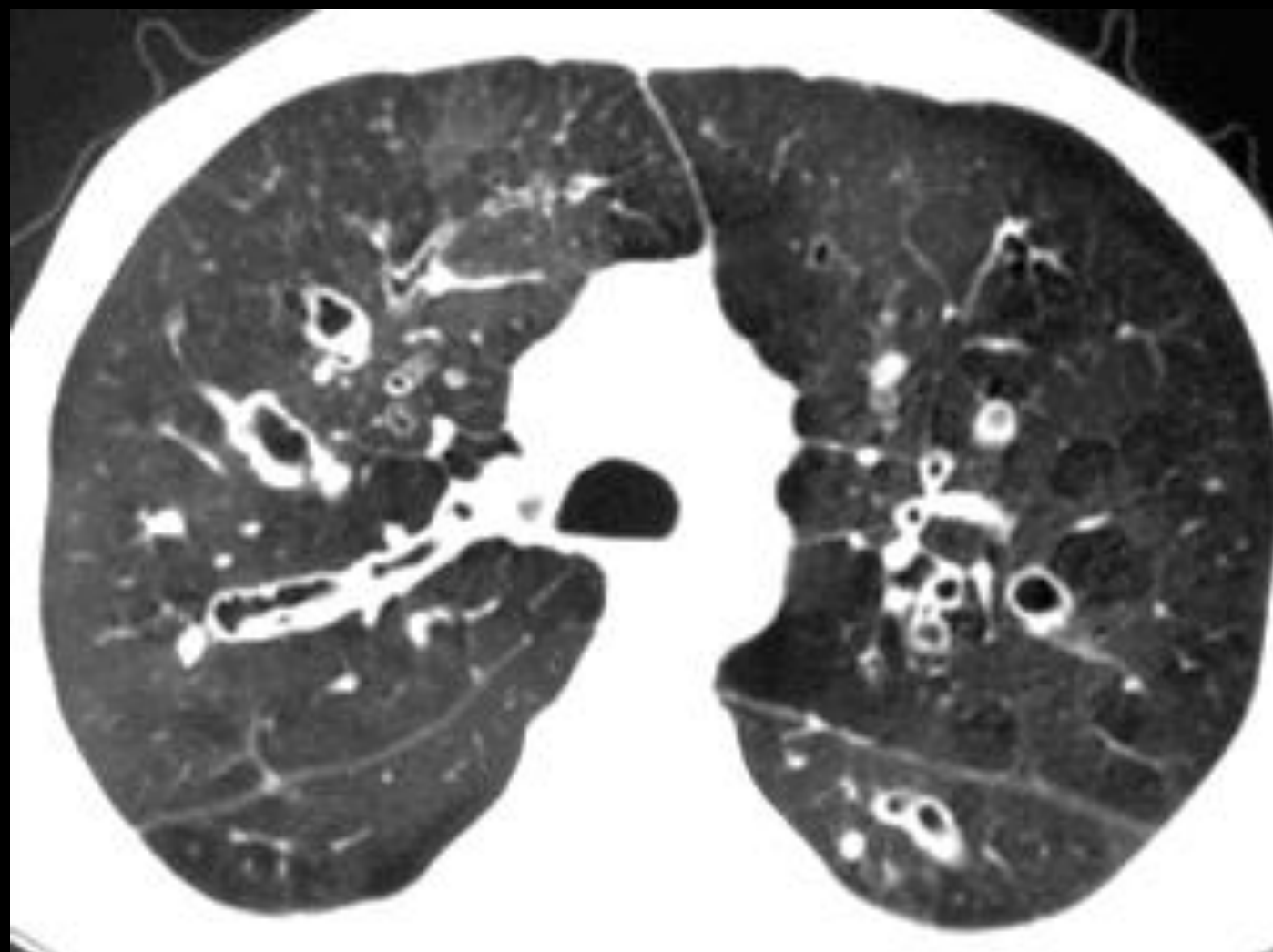










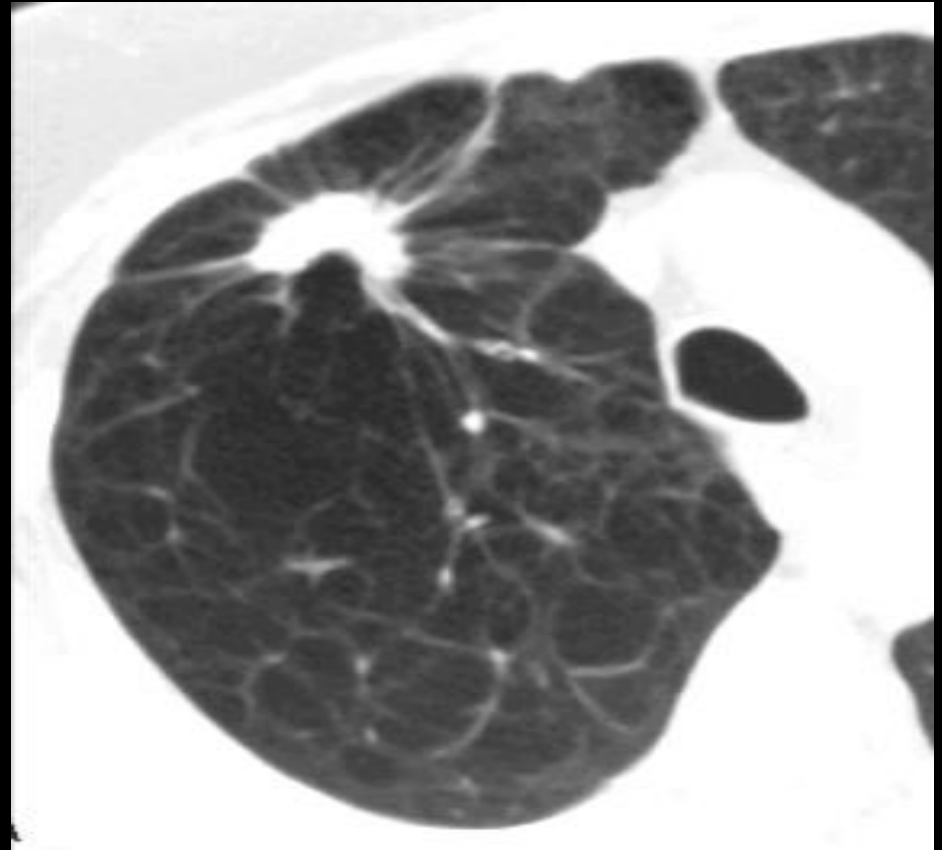


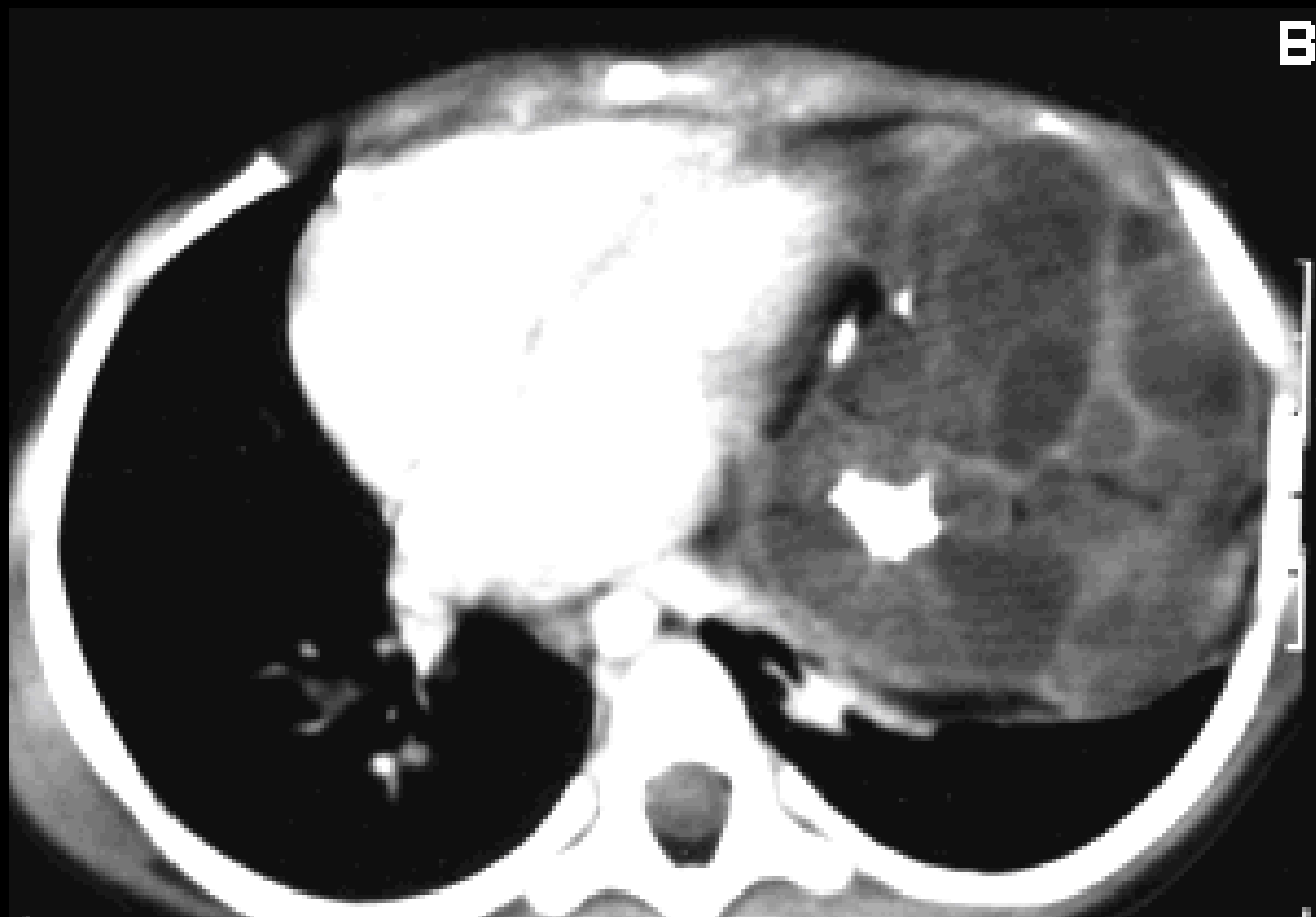


**Air-bronchogram(+)**

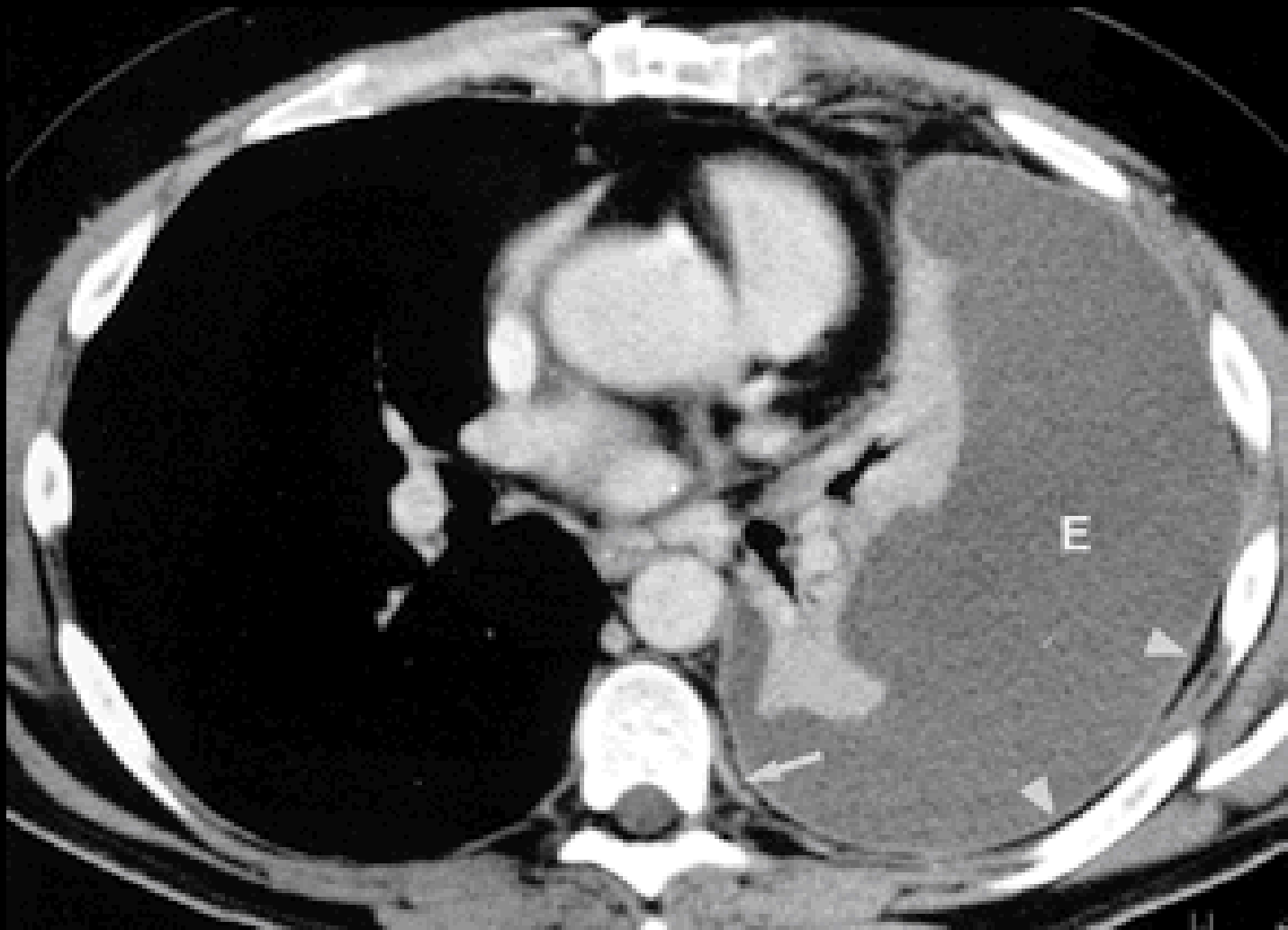


**Tổn thương vệ tinh**

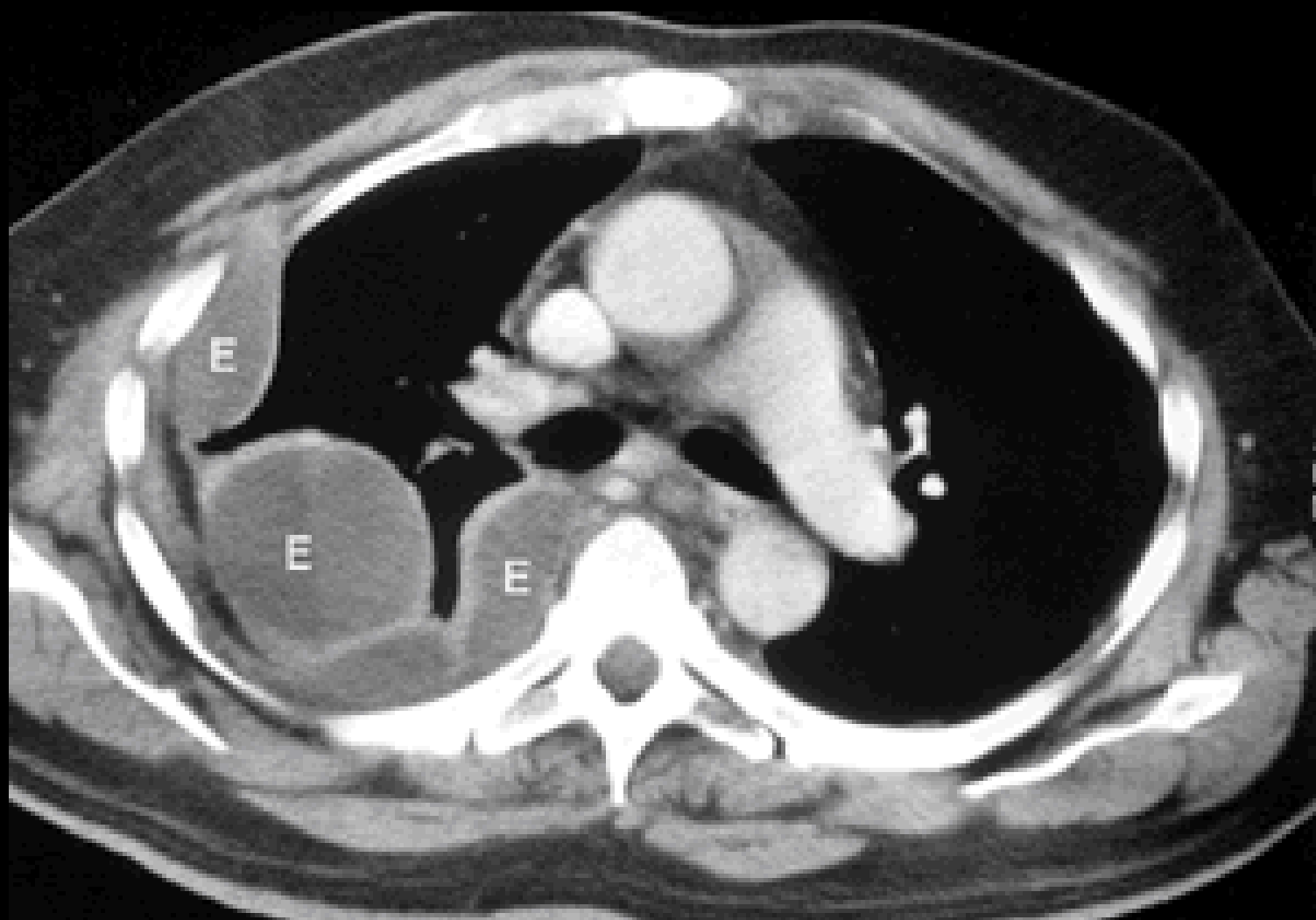




B



**Dịch tự do khoang màng phổi, gây xẹp phổi thụ động**



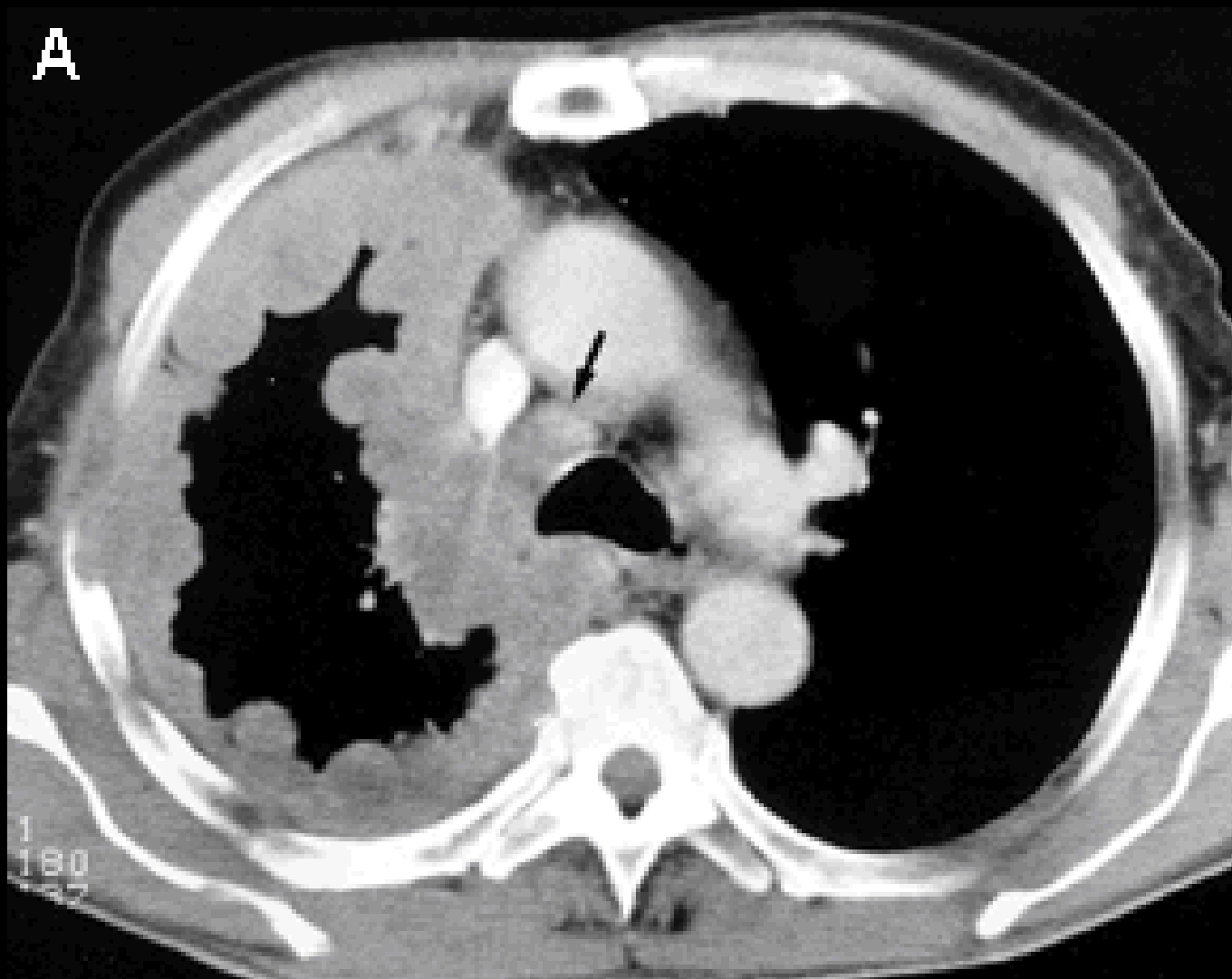
**Dịch khu trú ở các túi màng phổi dính nhau, tăng quang thành sau tiêm thuốc cản quang**

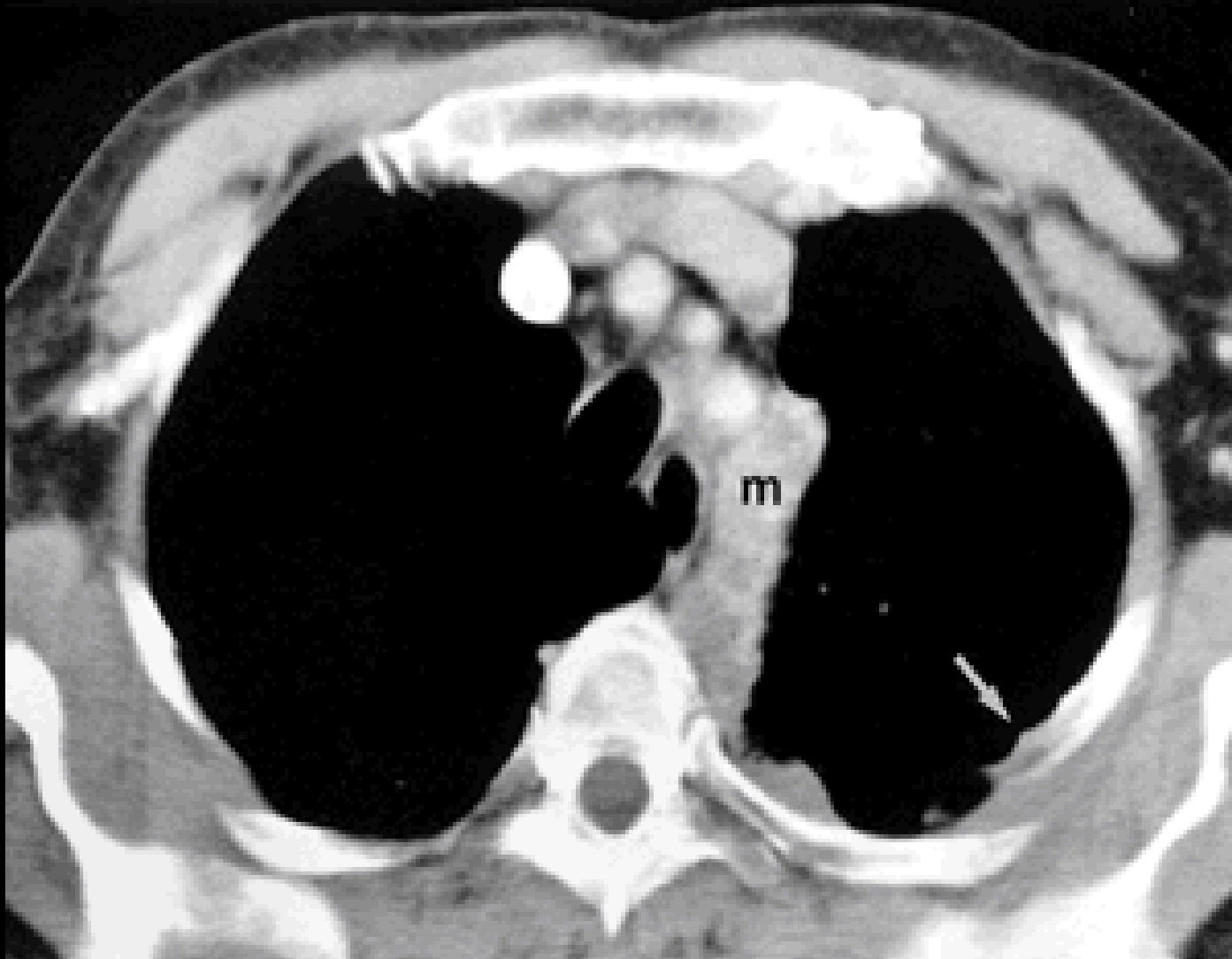




**Đậm độ thấp(khí), không có nhu mô phổi,  
phổi xẹp bị đẩy vào trong**

A

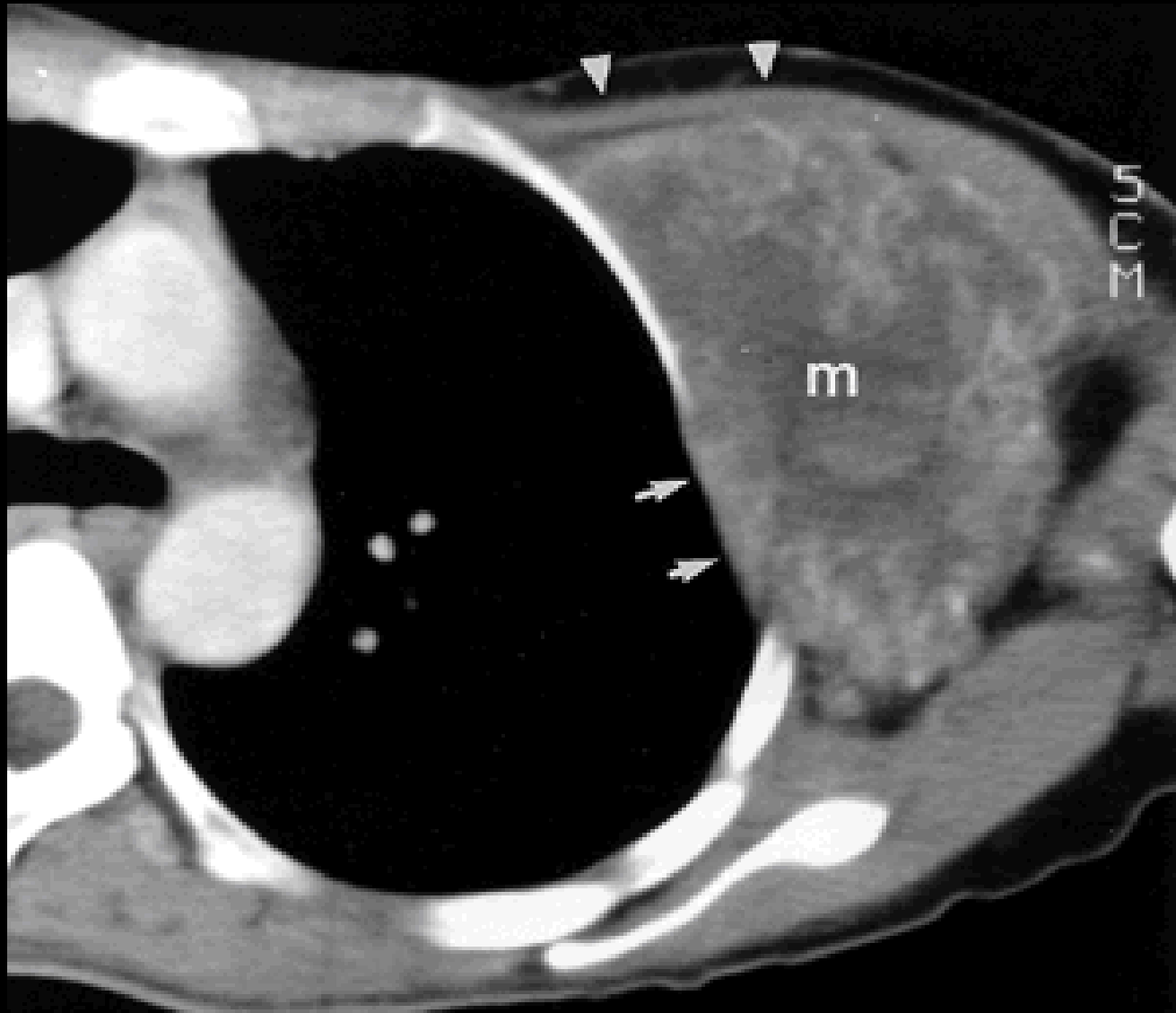


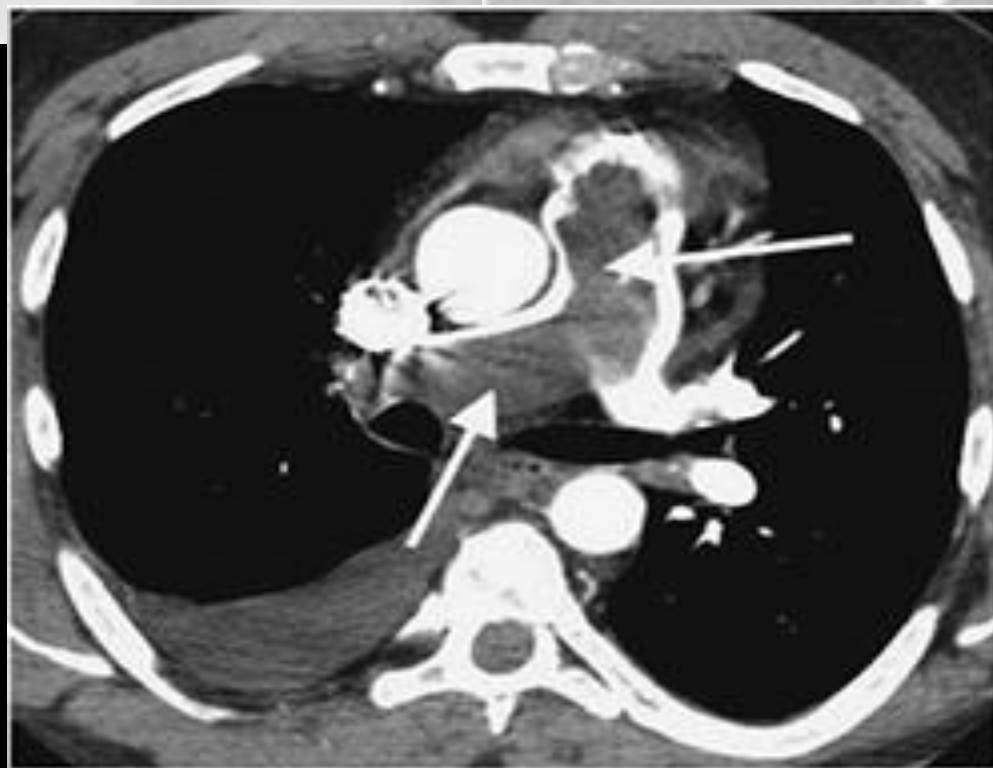
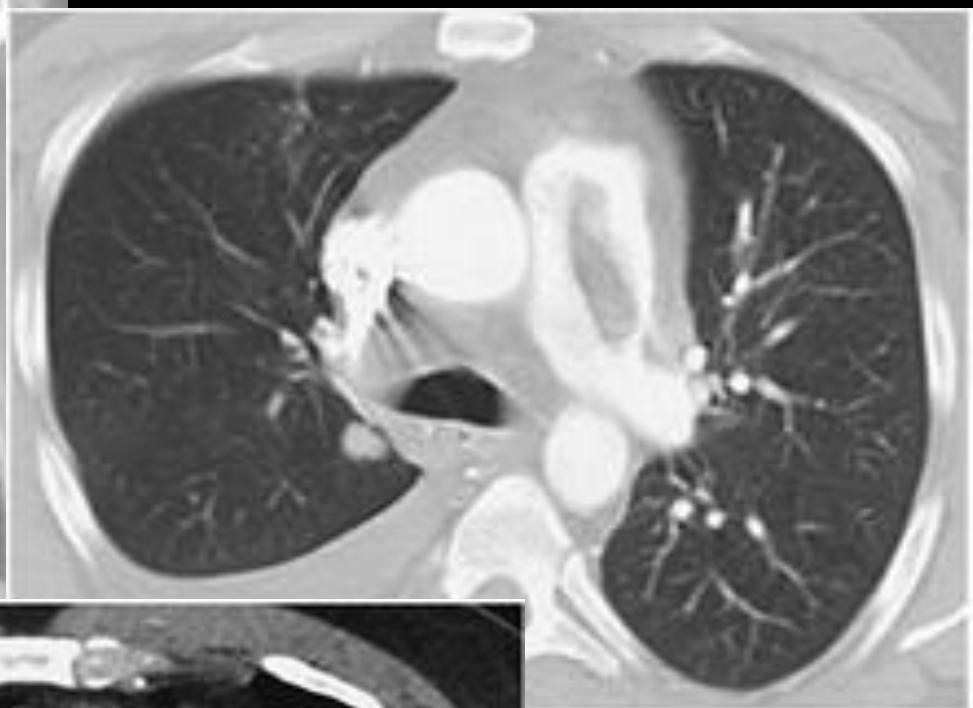


**K buồng trứng di căn màng phổi**

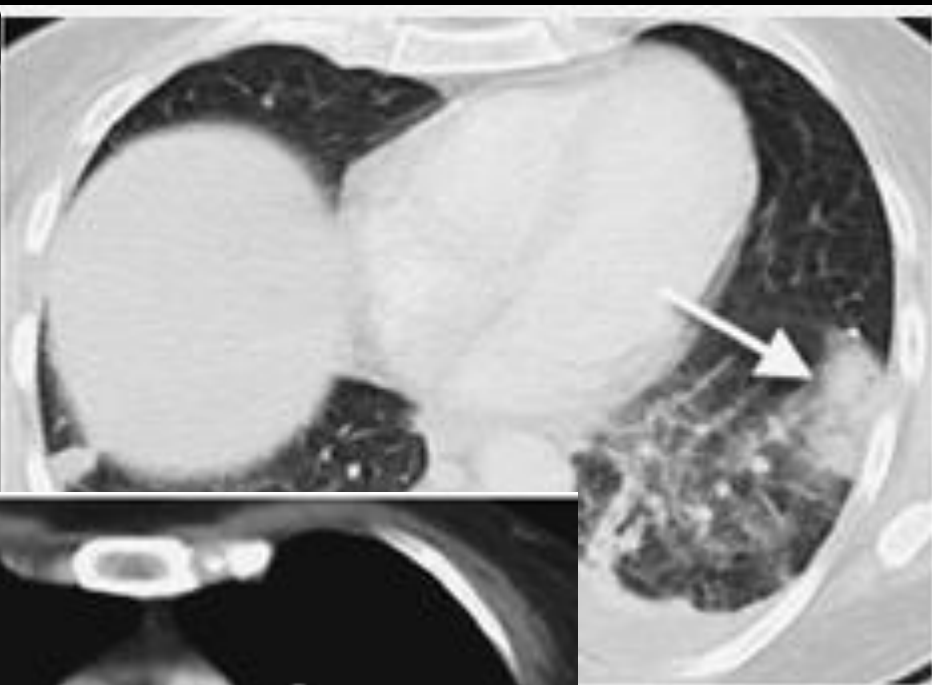


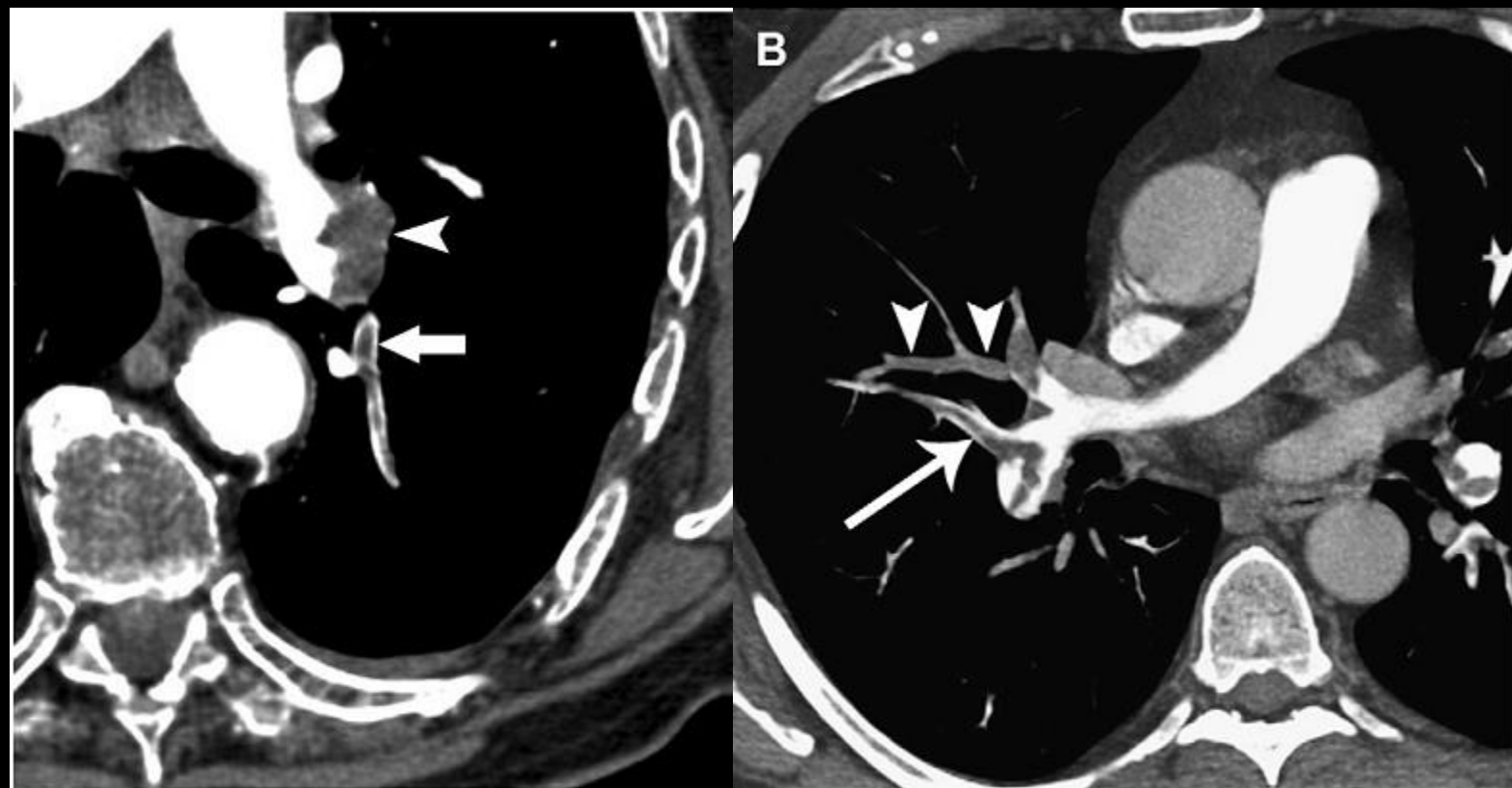
# Epithelioid sarcoma



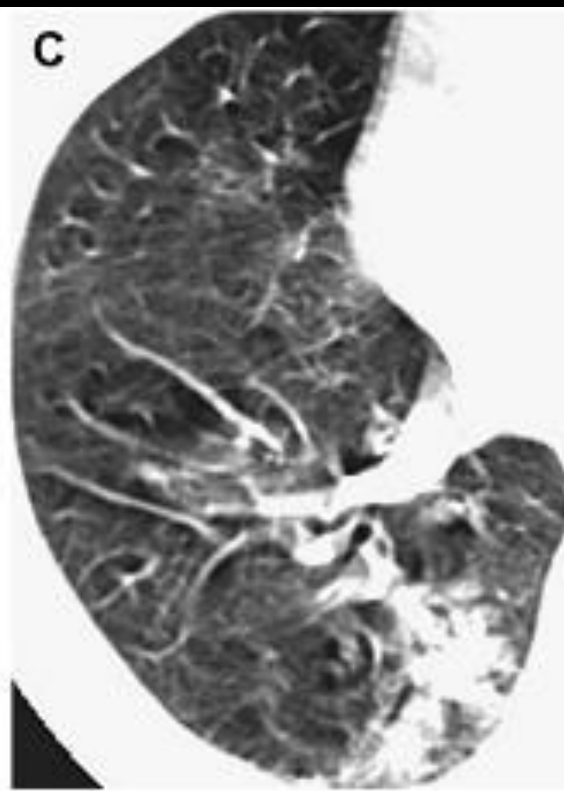
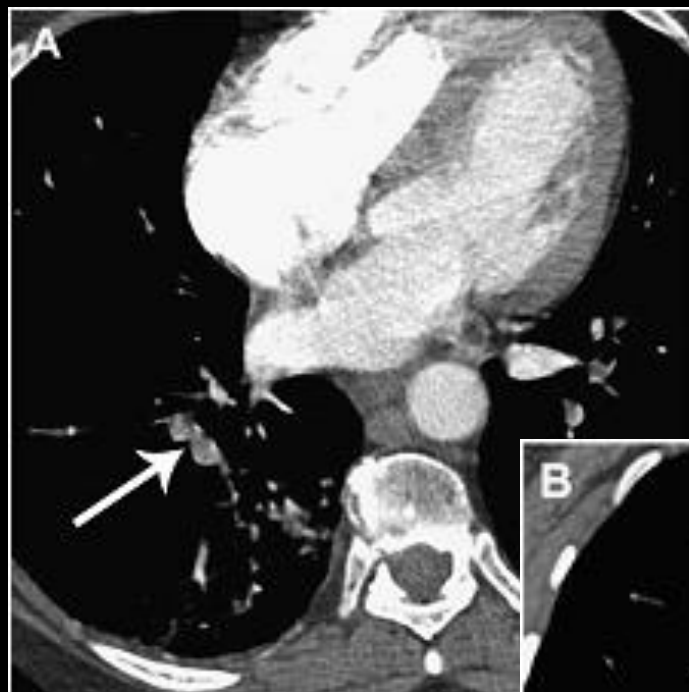


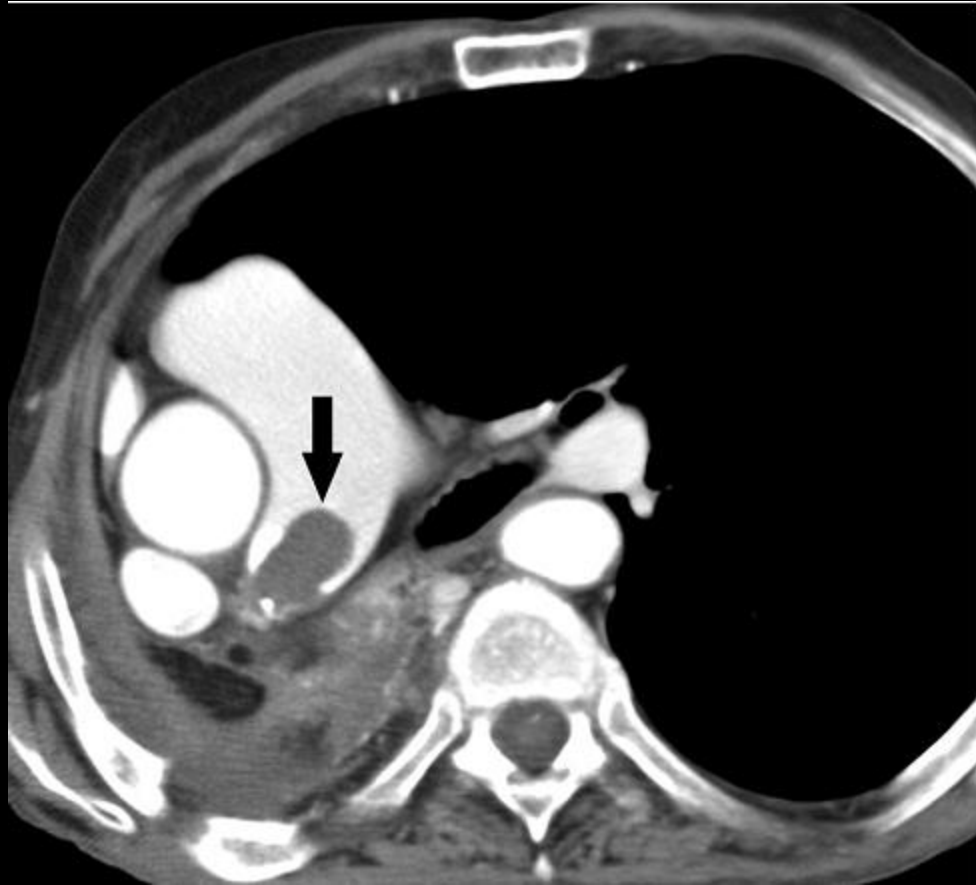


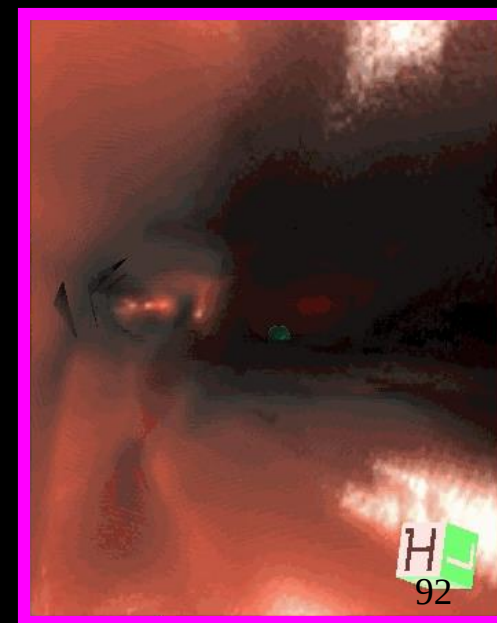
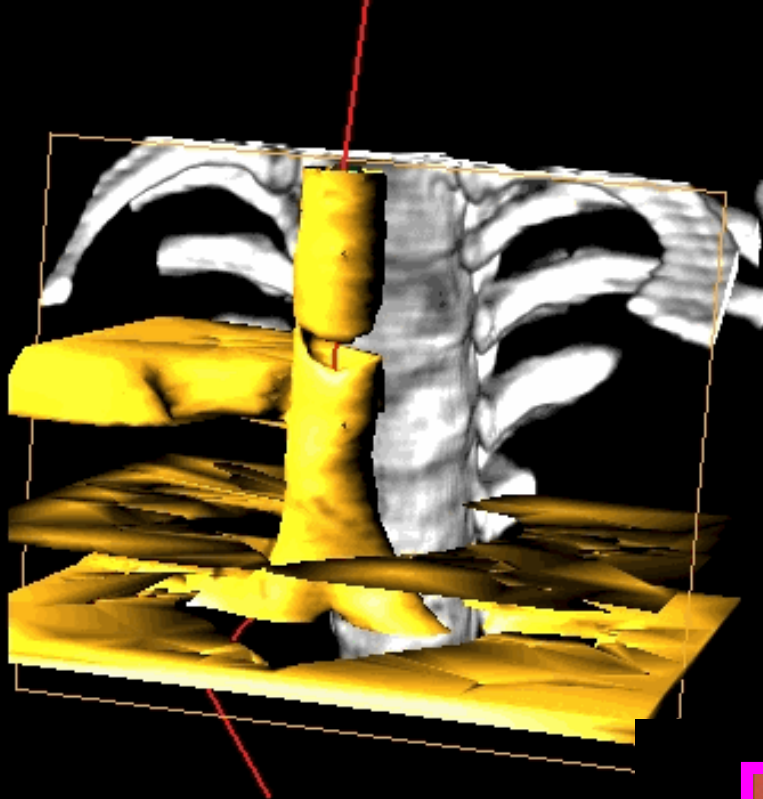






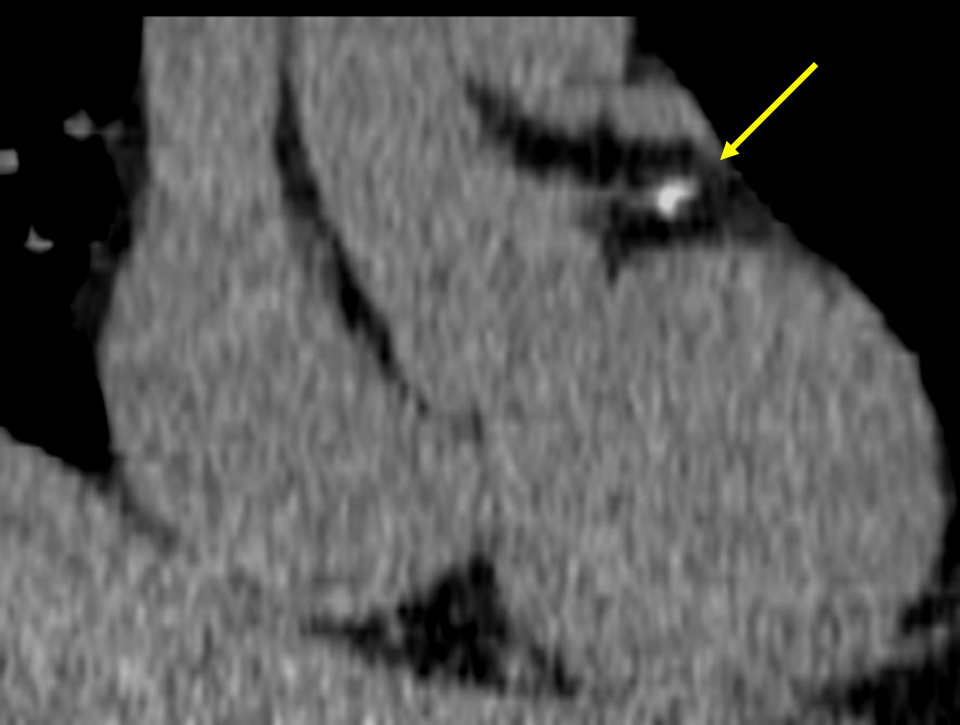




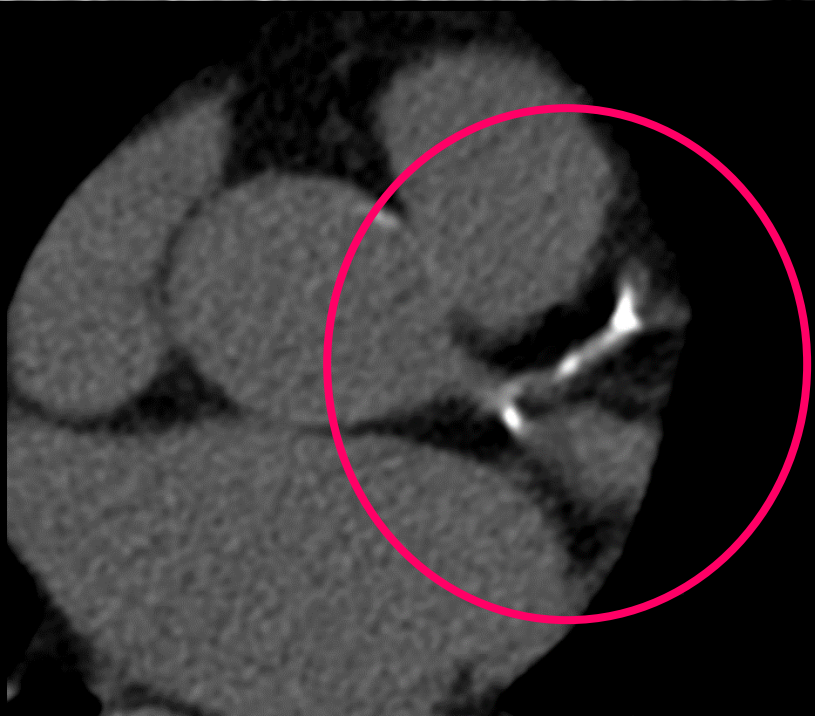


NỘI SOI ẢO PHẾ QUẢN  
(Virtual bronchoscopy)

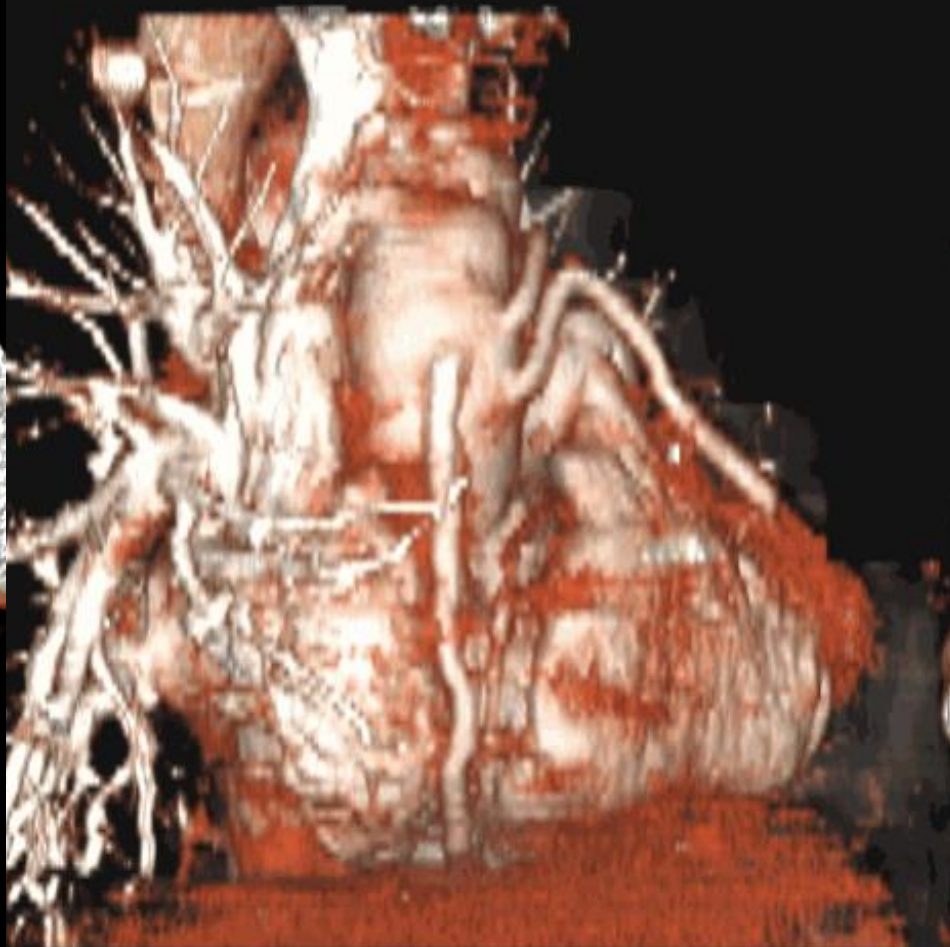
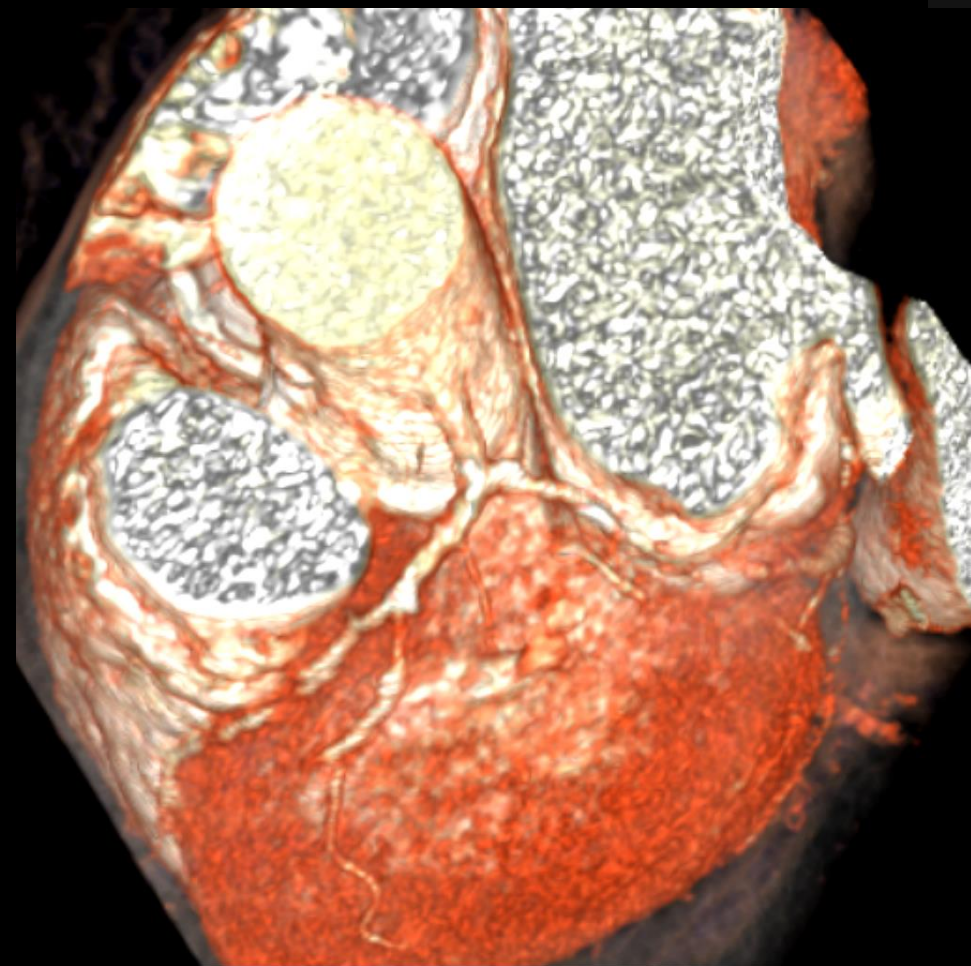


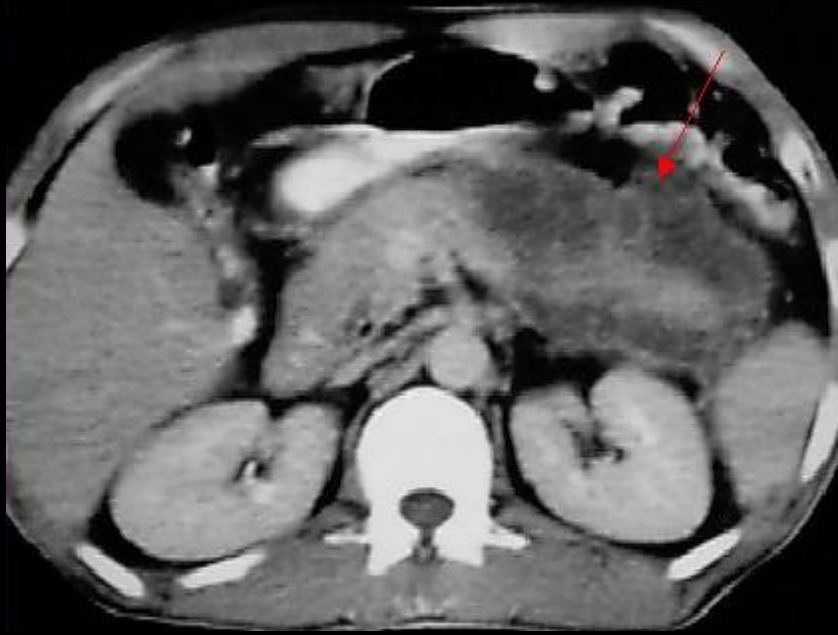


Đóng vôi mạch vành



## Khảo sát tim và chụp mạch vành



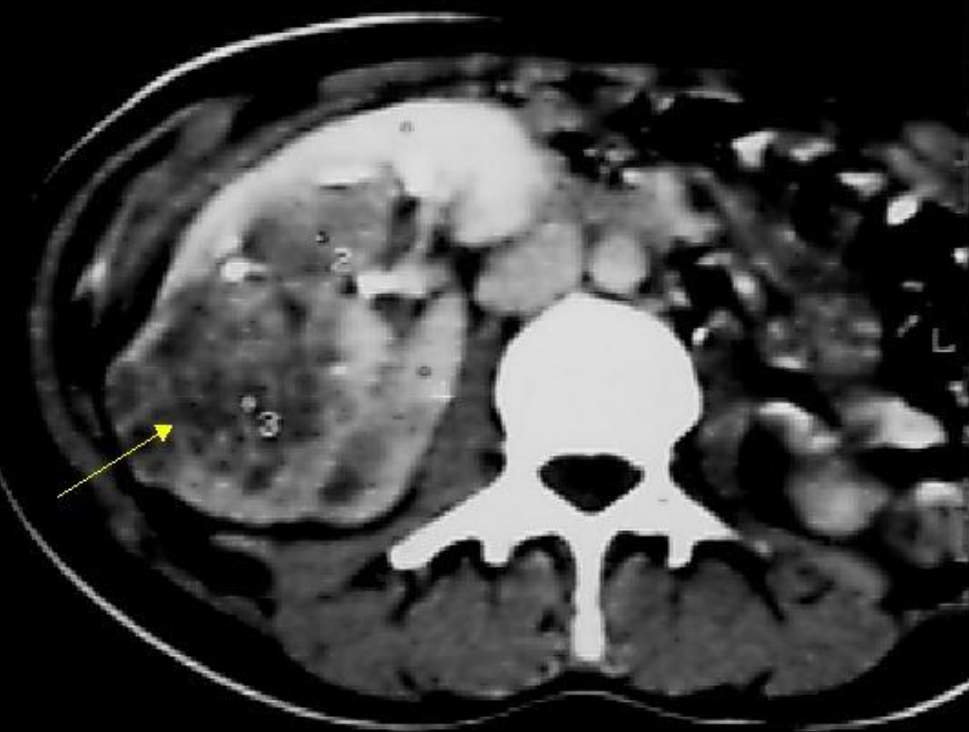


Viêm tụy cấp



Chấn thương thận





U thận

Ung thư  
bàng  
quang  
tái phát

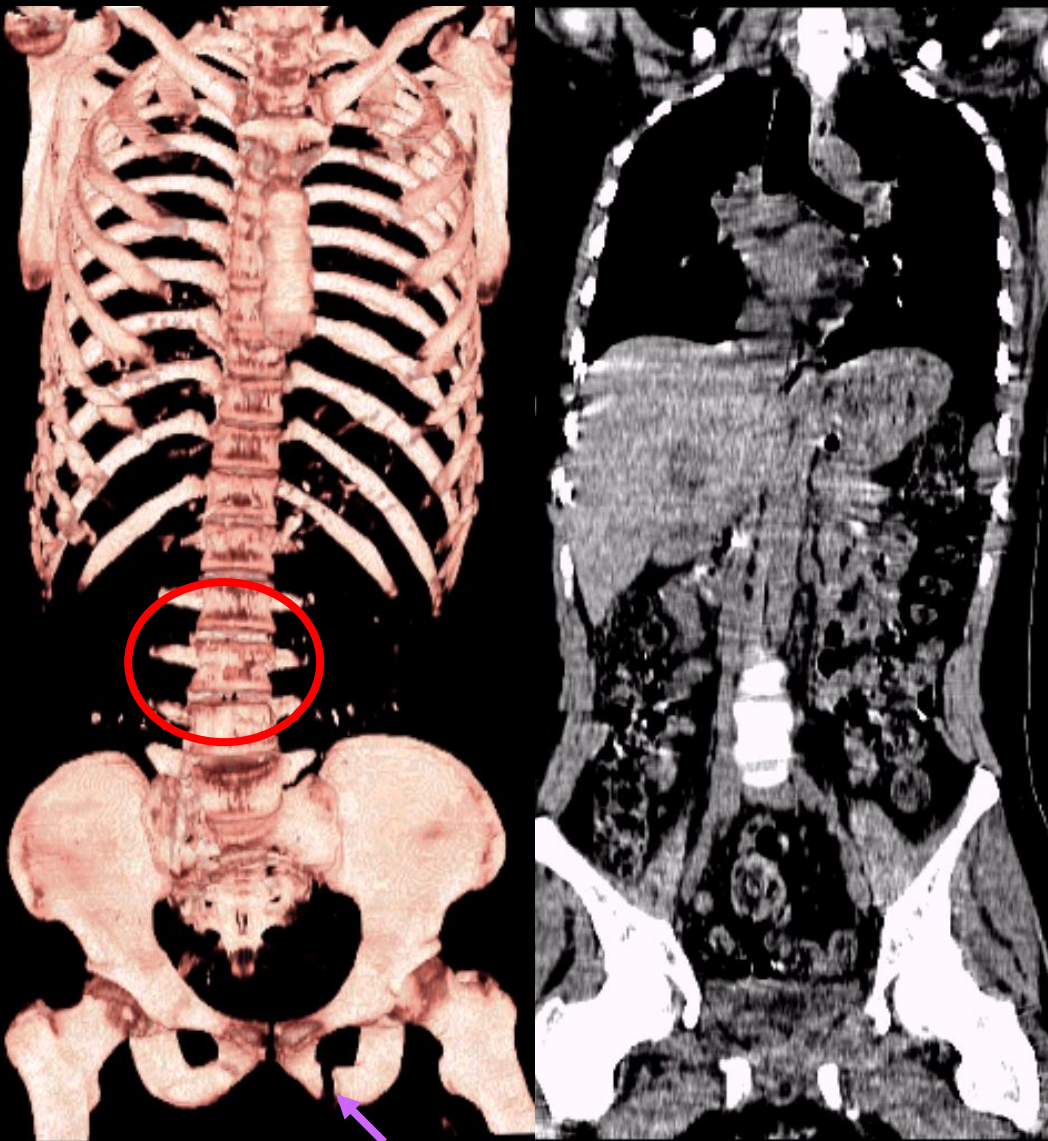




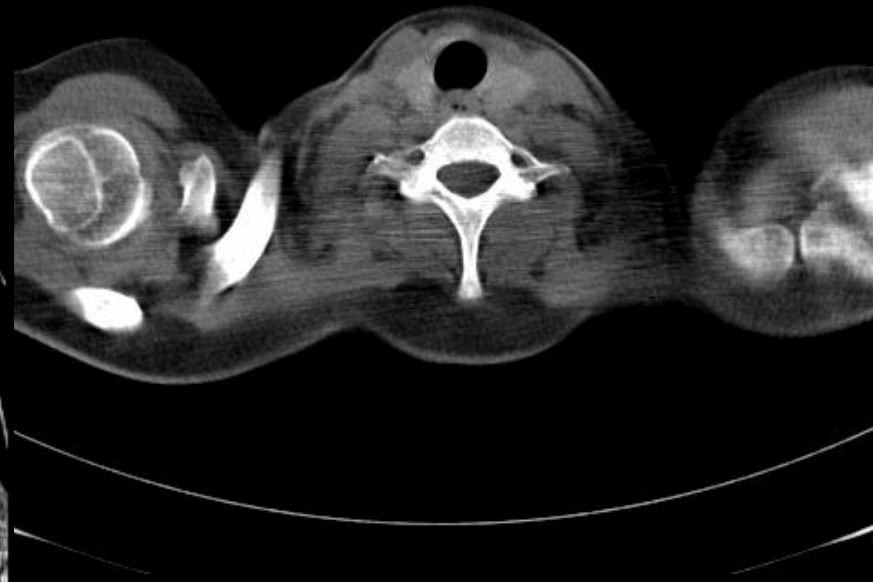
Thoát vị đĩa đệm



Áp-xe cạnh cột sống



Đa chấn thương  
Tầm soát toàn bộ cơ thể



Nam 28t/ Đa chấn thương  
Vỡ thân sống L4/ xương đùi (T)/ xương gót (P)/ Ụ ngồi



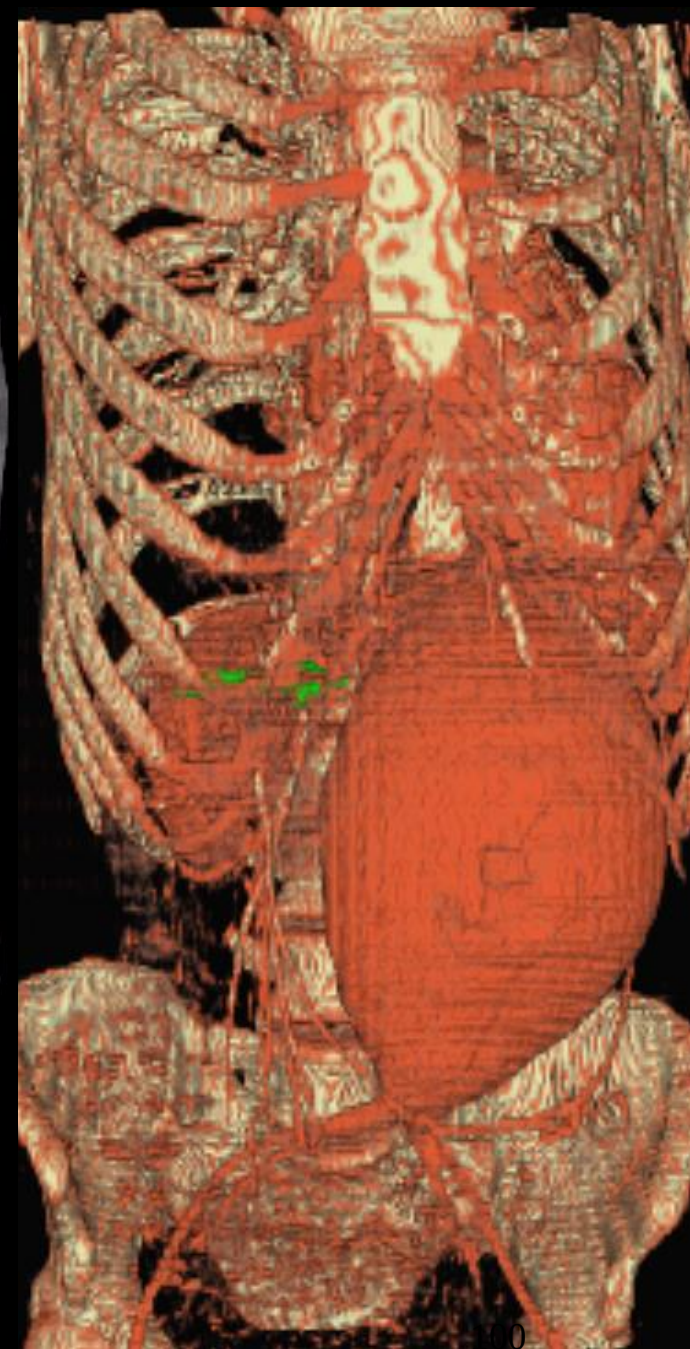


Nữ 78t / Thuyên tắc động mạch  
phổi-tĩnh mạch chi dưới

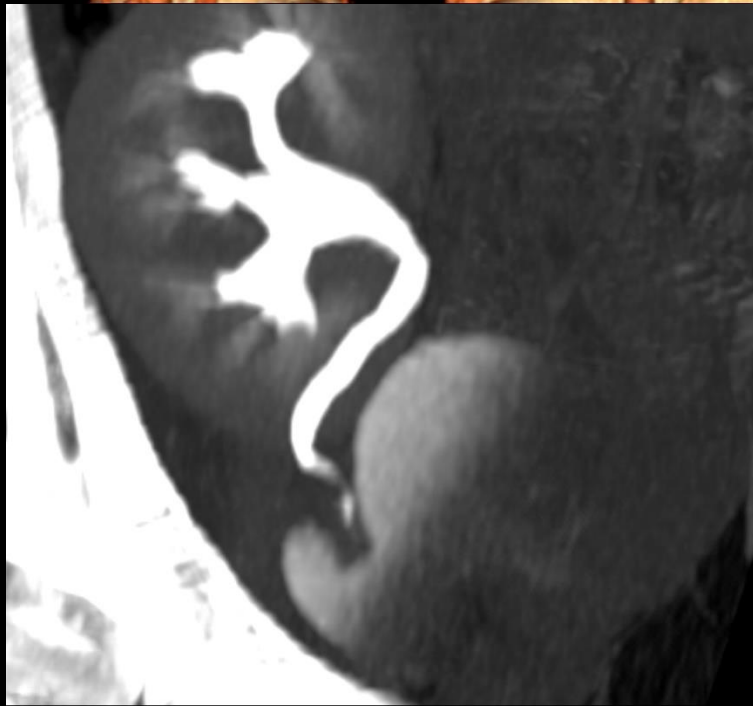
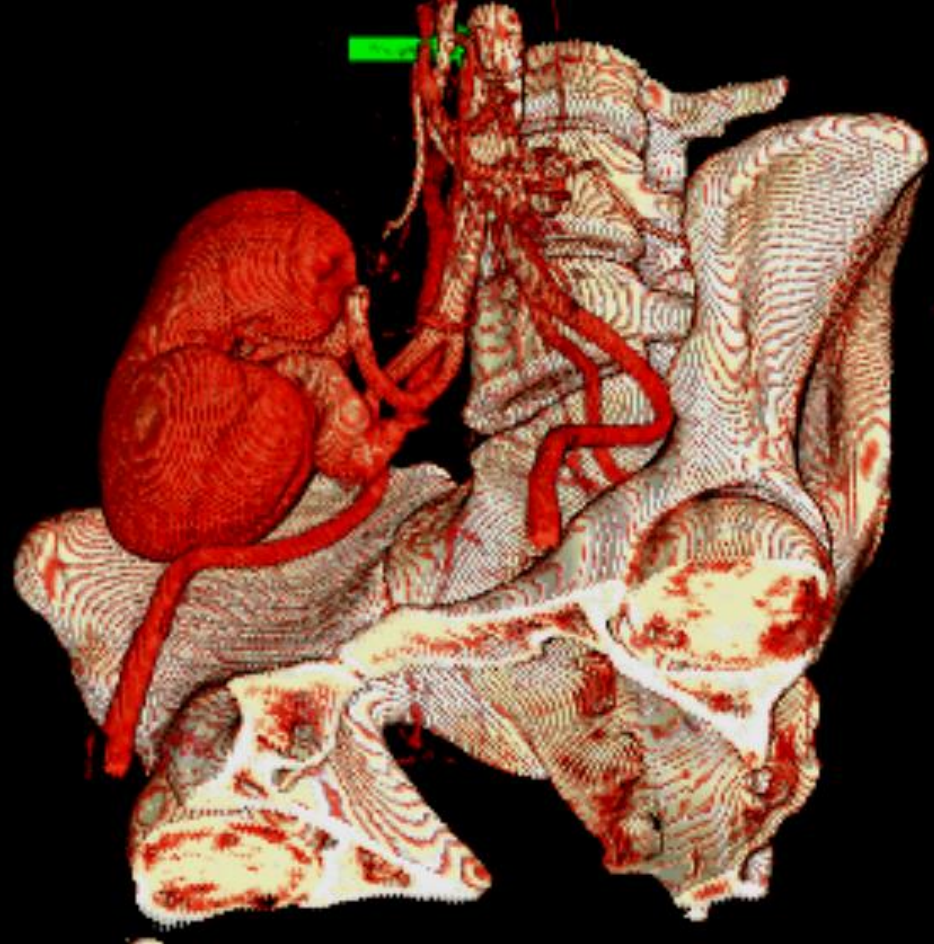




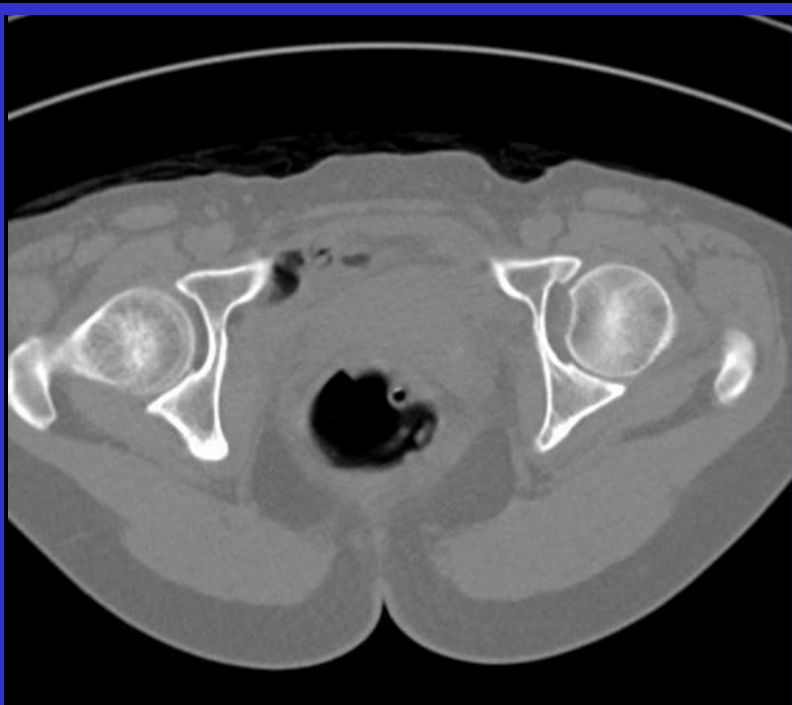
Phình động mạch chủ  
bụng





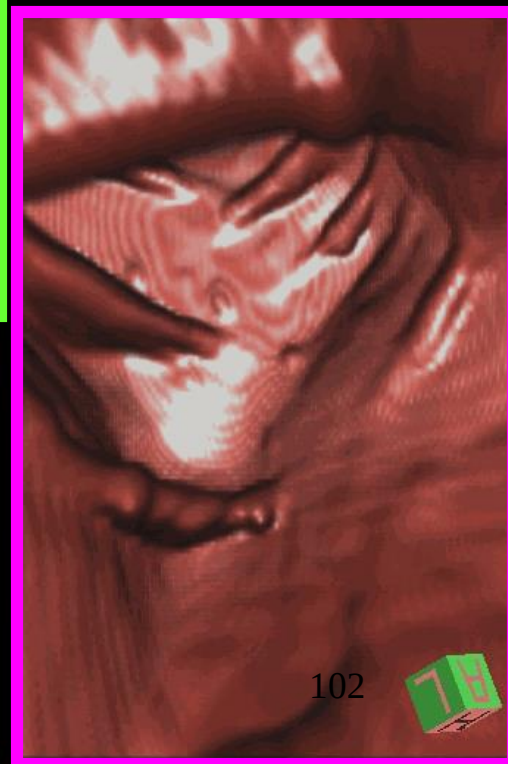


Nam 39t/ Đánh giá thận ghép



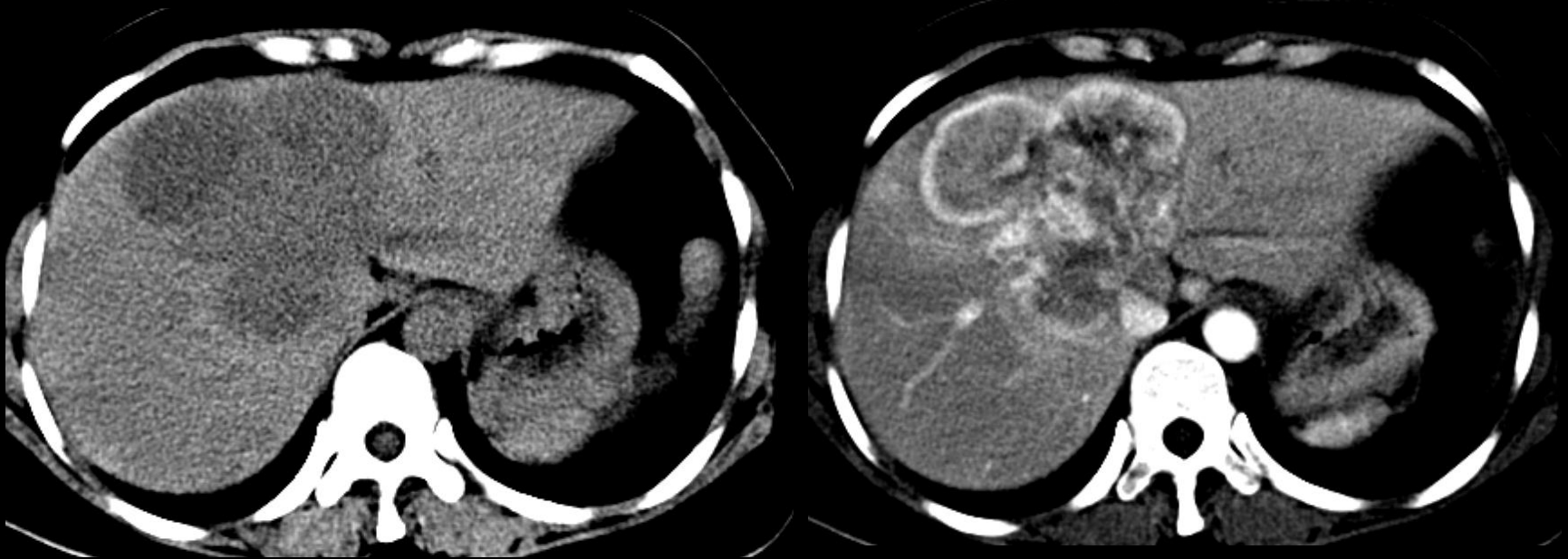
## NỘI SOI ẢO ĐẠI TRÀNG (Virtual colonoscopy)

Nữ, 65t, ung thư trực tràng/Đa polyp



# KHẢO SÁT KHÔNG VÀ CÓ CẢN QUANG

- Phim không dùng thuốc cản quang (PL) và phim có cản quang (CE)
- Vùng bình thường><bất thường, kén dịch><mô u?

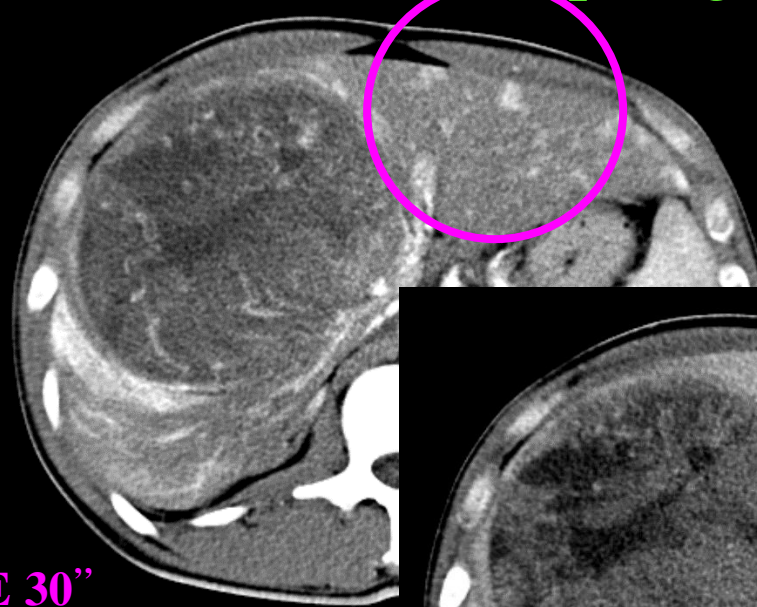




# Khảo sát huyết động sự tăng quang (Dynamic CECT )



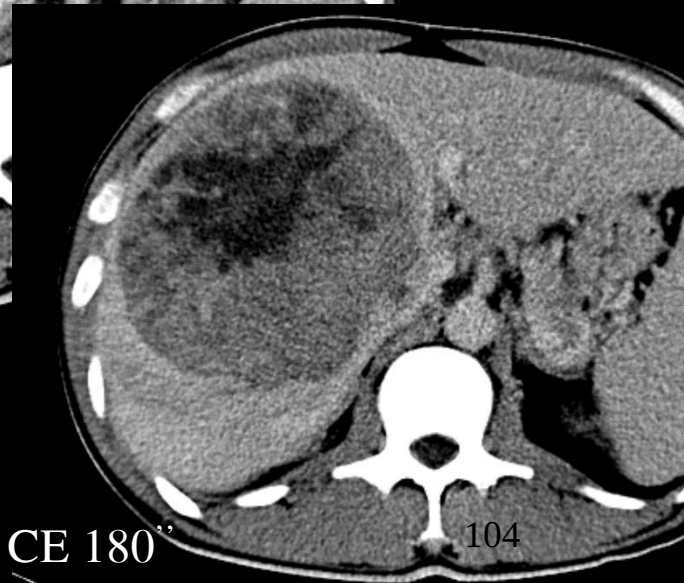
PreCE



Post CE 30''



Post CE 90''

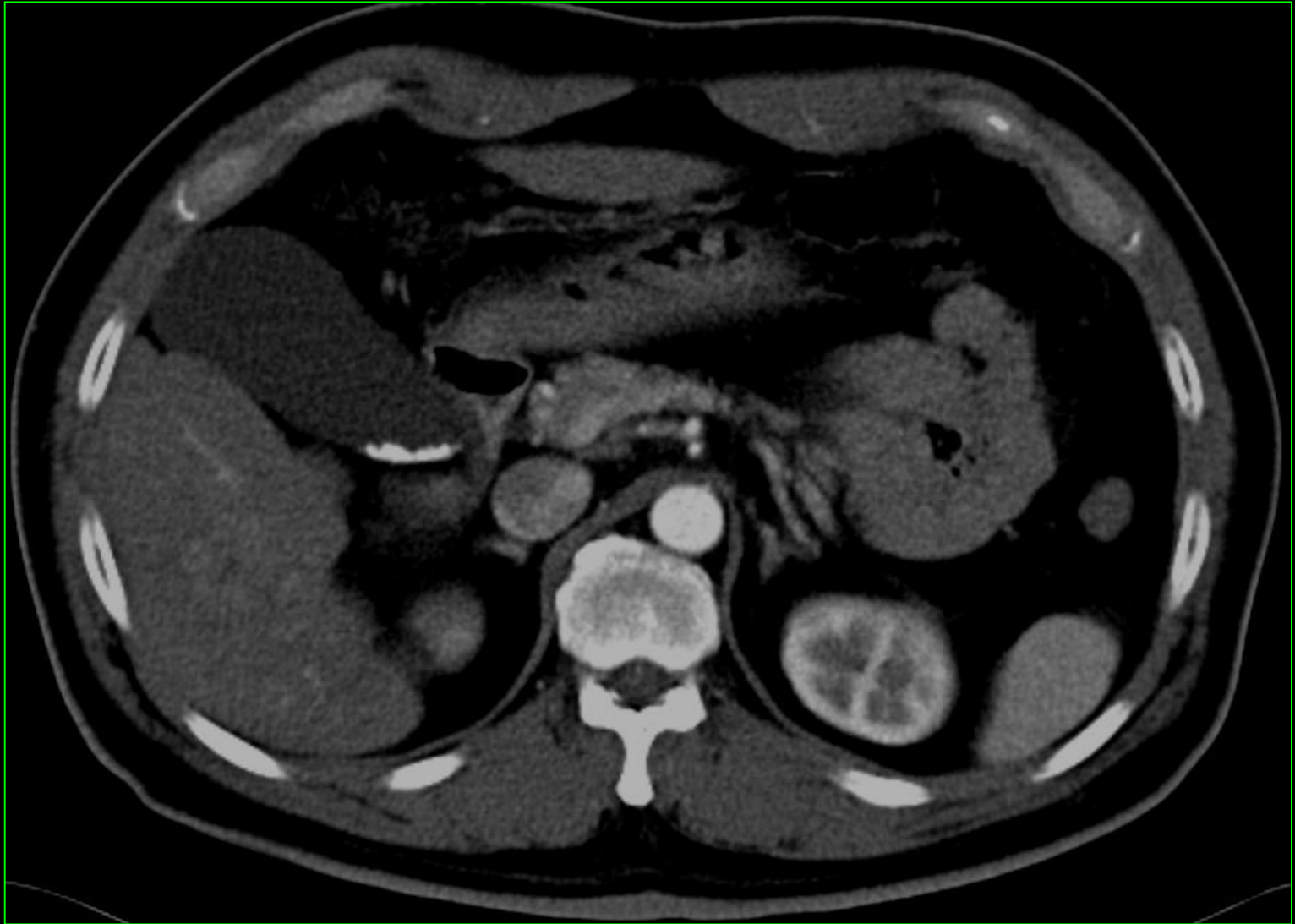


Post CE 180''

104

Tổn thương gan đơn độc?

→ Phẫu thuật?



Trên hình có tổn thương gan? U đầu tụy? sỏi túi mật? u thận?  
phình động mạch chủ?





**Gan nhiễm mỡ lan tỏa**

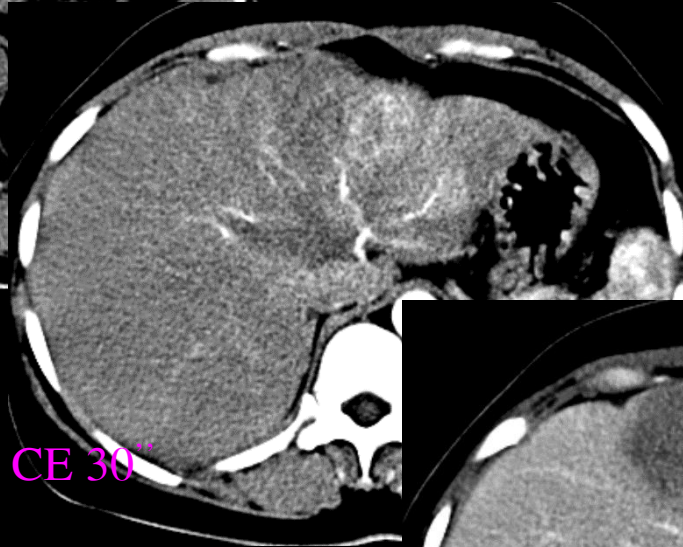


**Kén gan không thấy tăng quang  
sau tiêm cản quang**

# Hình ảnh HCC trên Dynamic CT



Post CE 30''



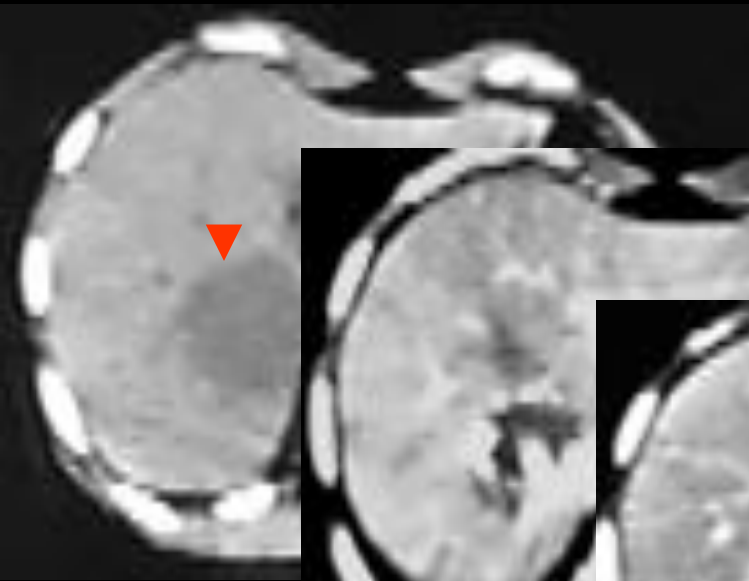
Post CE 90''



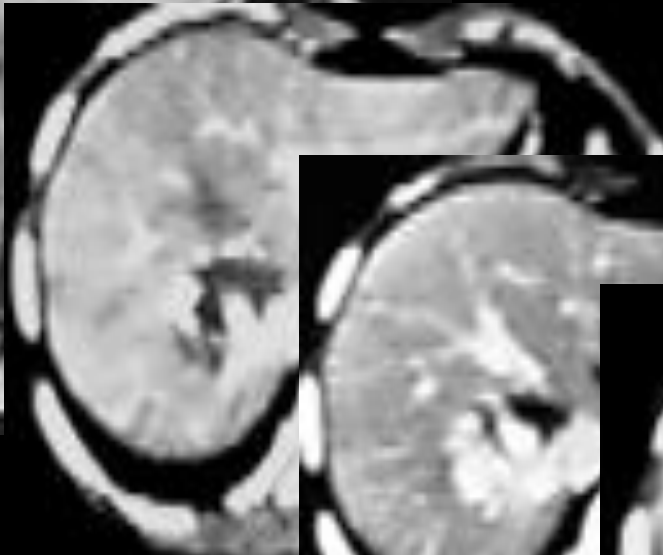
Post CE 180''



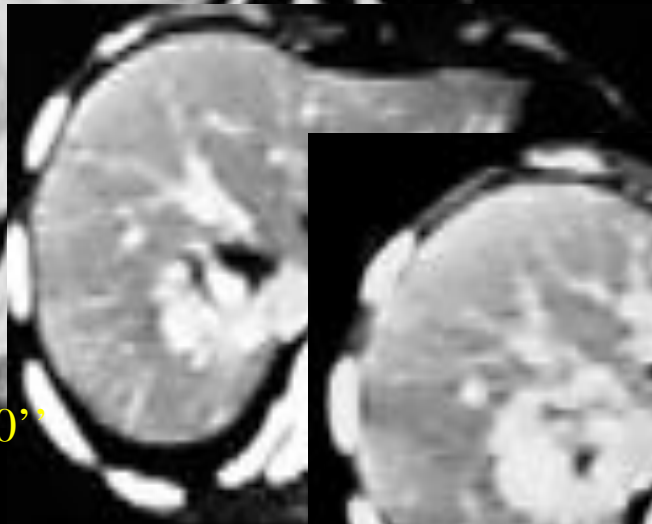
# U MÁU GAN (HEMANGIOMA)



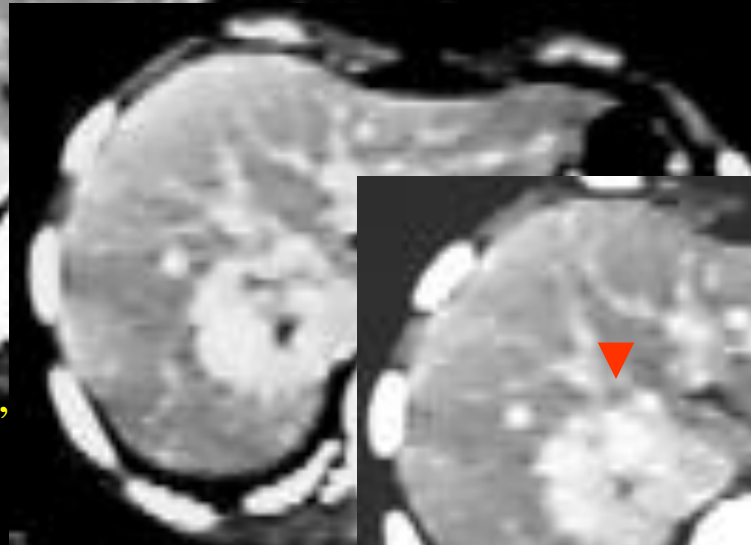
Pre CE



Post CE 30''



Post CE 90''



Post CE 120''



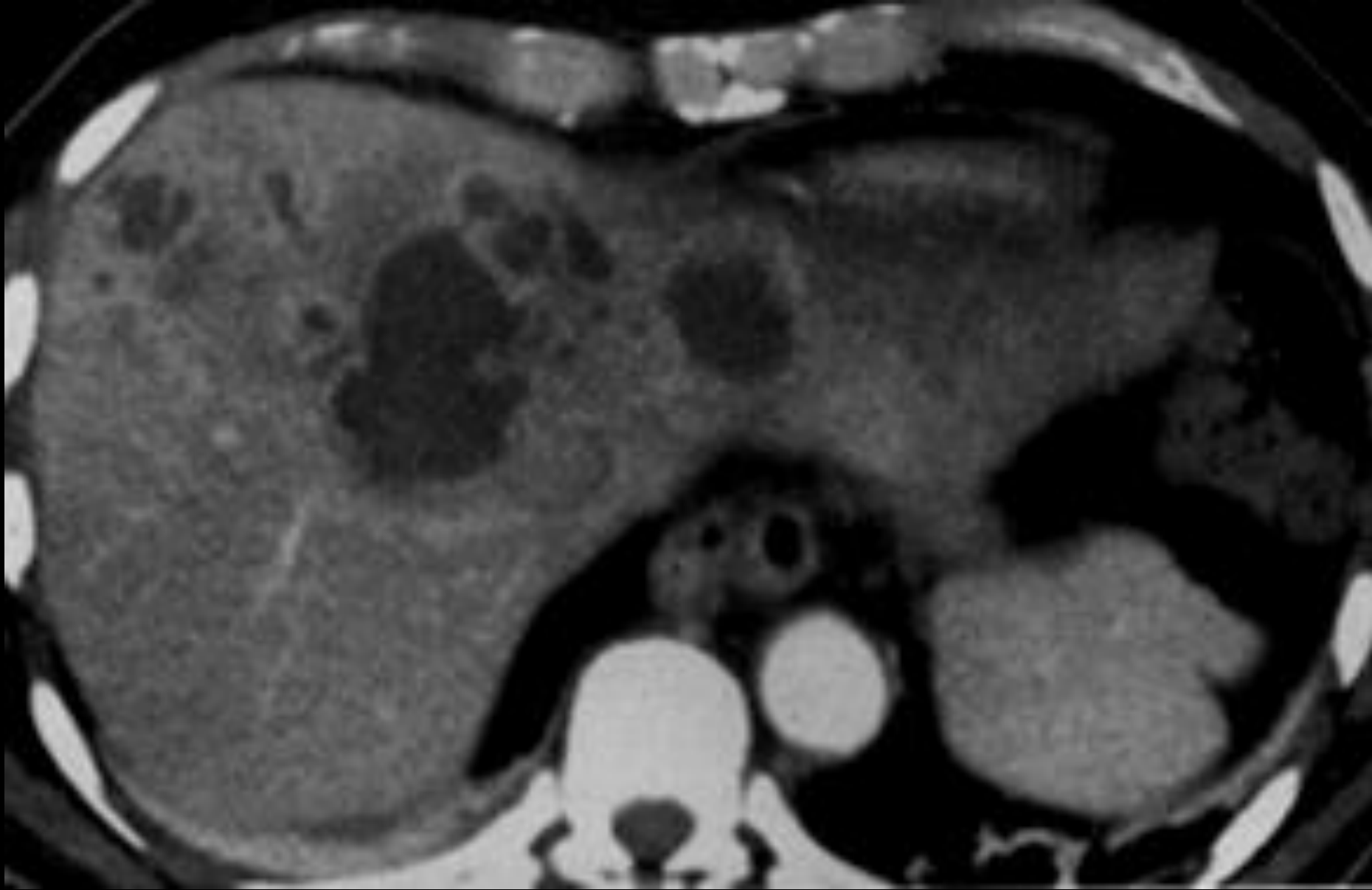
Post CE 5'

(PV<sup>+</sup>: 0.93)\*





Di căn gan **từ ung thư đại tràng**



**Áp-xe gan vi trùng** nhiều ổ, tăng quang  
thành không đều

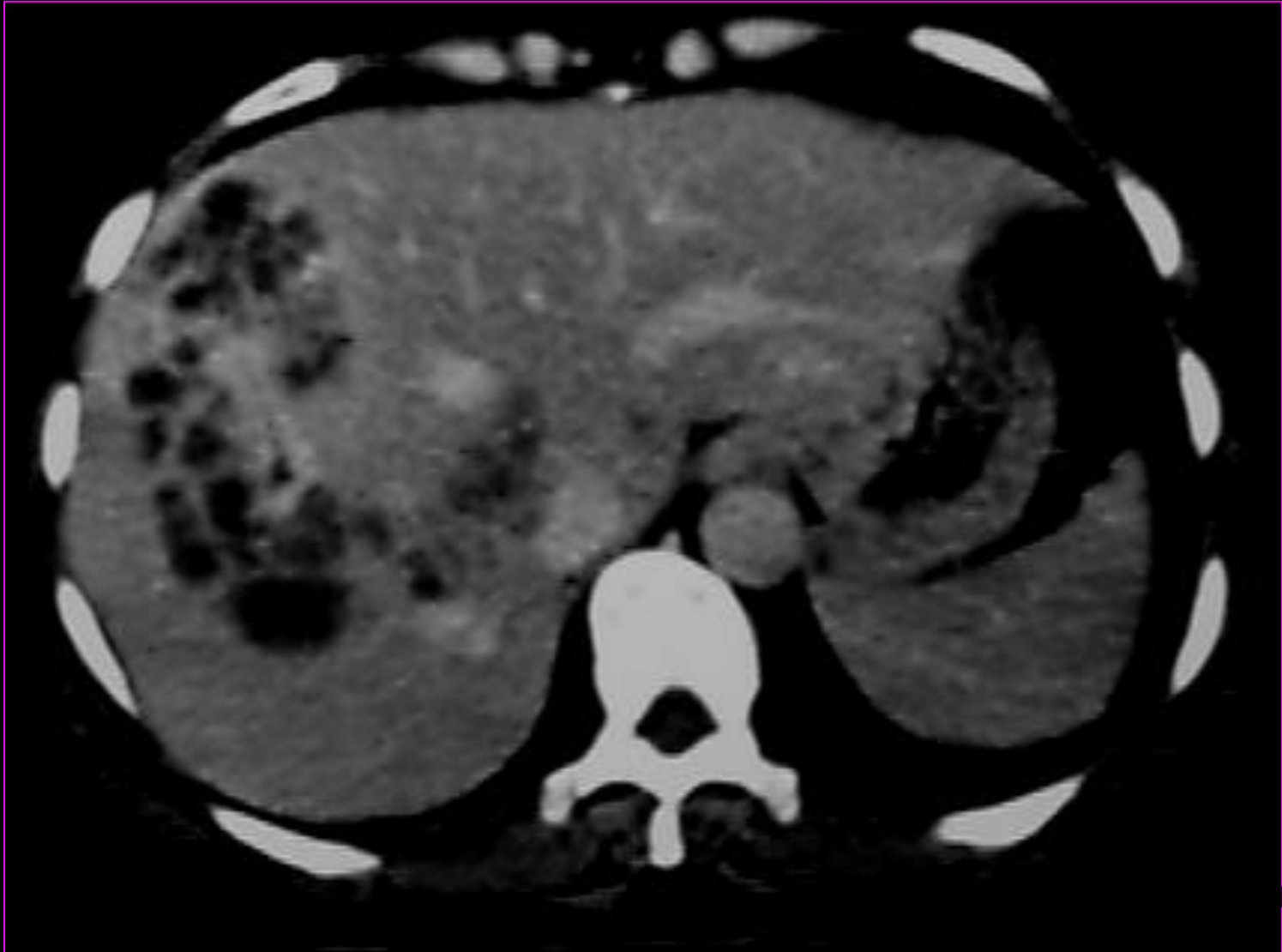




**Hình ảnh** mức khí-dịch **bên trong ổ áp-xe**

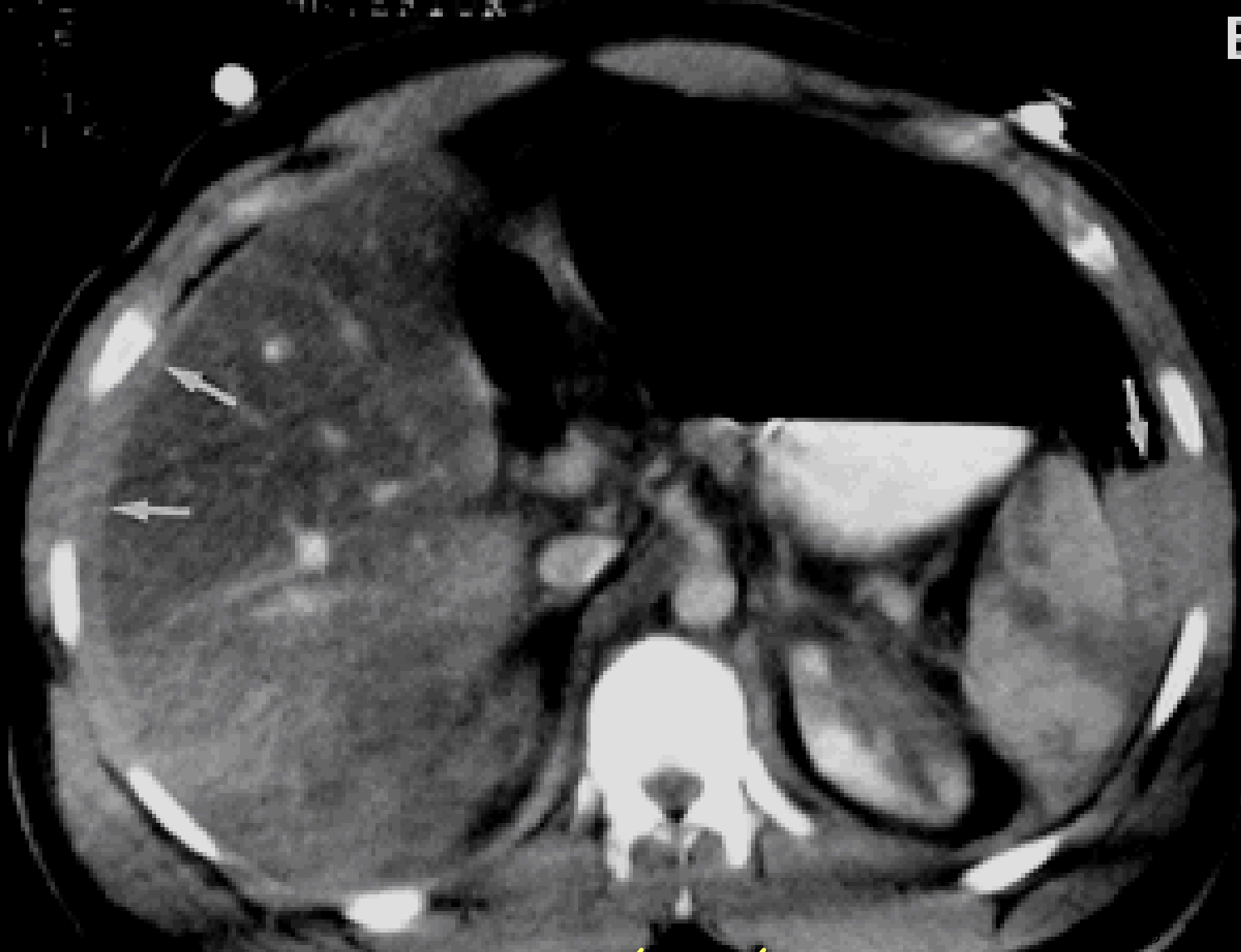
# Ăp-xe gan

Sán lá gan lớn (Fasciola hepatica)





**Rách nhu mô gan biểu hiện hình giảm đậm độ, không đồng nhất**



**Tụ máu quanh gan, dập-xuất huyết gan, vỡ lách, dập thận**



**U túi mật và dẫn đường mật**



NGUYEN THI THANH, NC

ID: 64847L3

\* 1/30/1954

Study 1

1/31/2012

11:58:15 AM

1 IMA

H

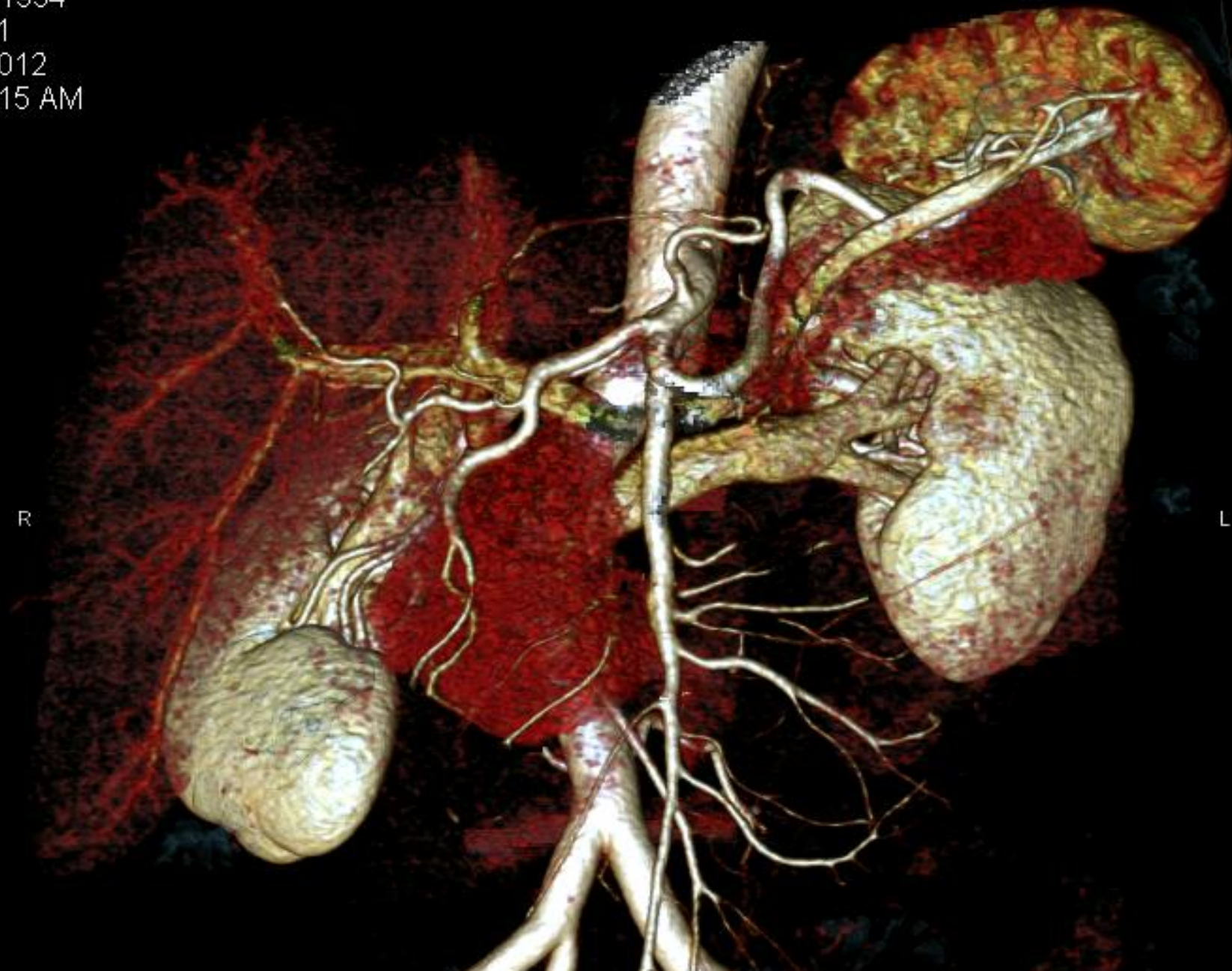
CHO RAY HOSPITAL

Definition AS

CROP/SHADE/SURF  
6  
CRAN/CAUD 0

R

L





DOAN THI TANH, F/4B3

HPR

CHO RAY HOSPITAL

Definition AS

ID: 65731A3

\* 2/15/1951

Study 1

2/15/2012

10:48:39 AM

1 IMA

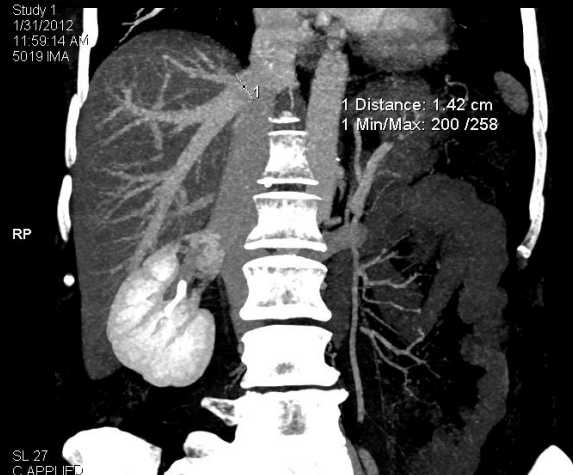
RAH



NGUYEN THI THANH,NC  
ID: 64847L3  
\* 1/30/1954  
Study 1  
1/31/2012  
11:59:14 AM  
5019 IMA

H

CHO RAY HOSPITAL  
Definition AS



RP

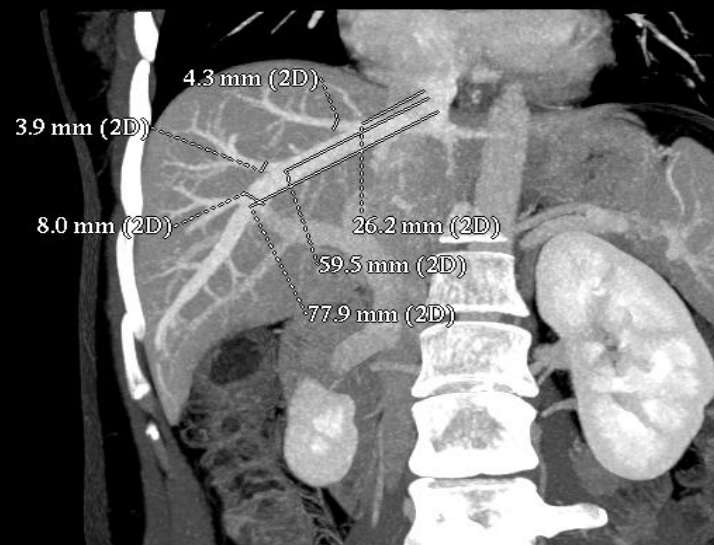
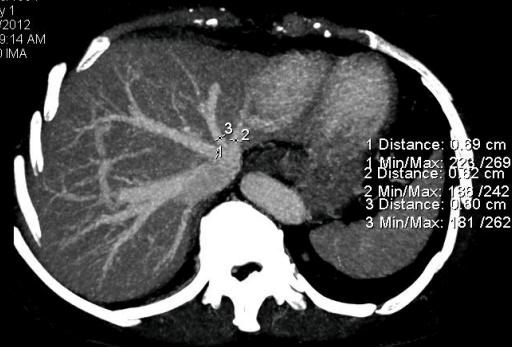
SL 27  
C APPLIED  
SP 1  
Comment: rhv2

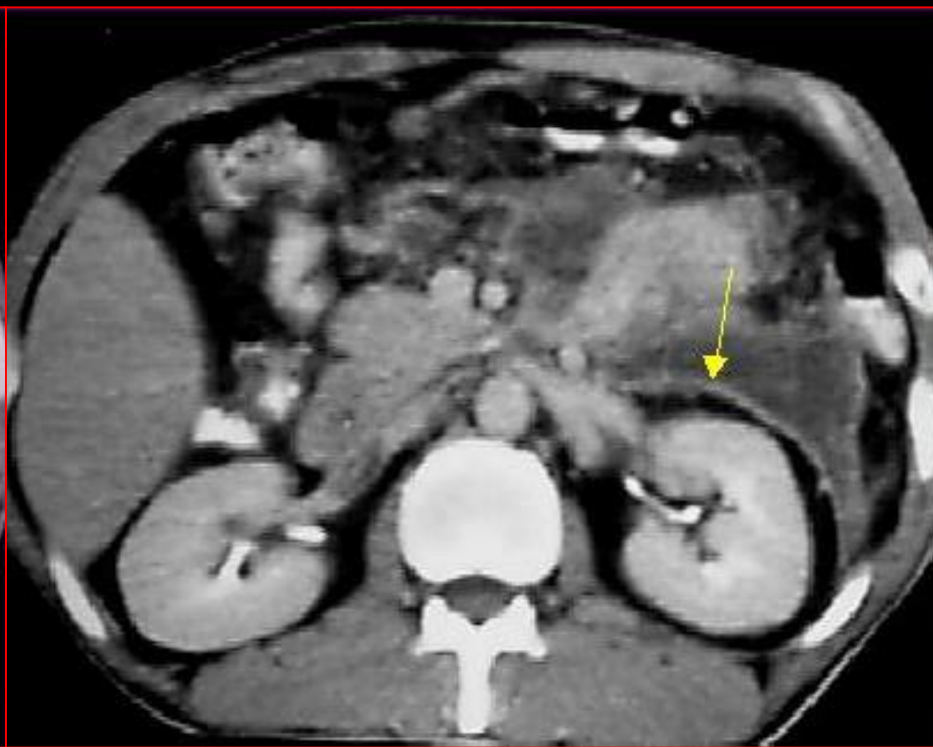
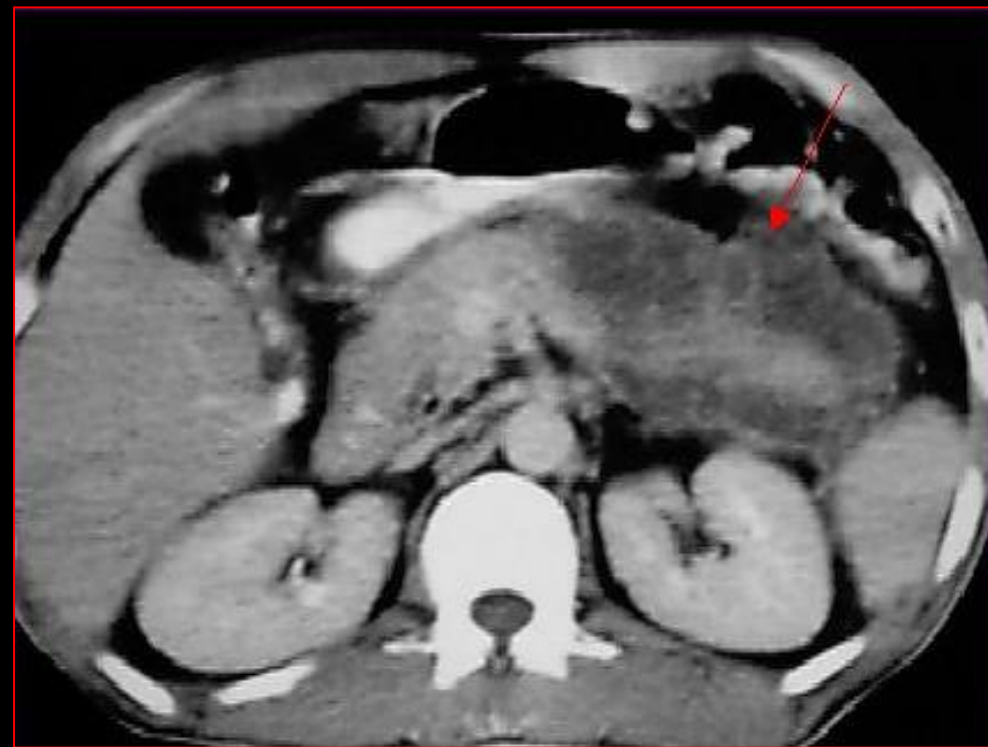
NGUYEN THI THANH,NC  
ID: 64847L3  
\* 1/30/1954  
Study 1  
1/31/2012  
11:59:14 AM  
5020 IMA

ARH

CHO RAY HOSPITAL  
Definition AS

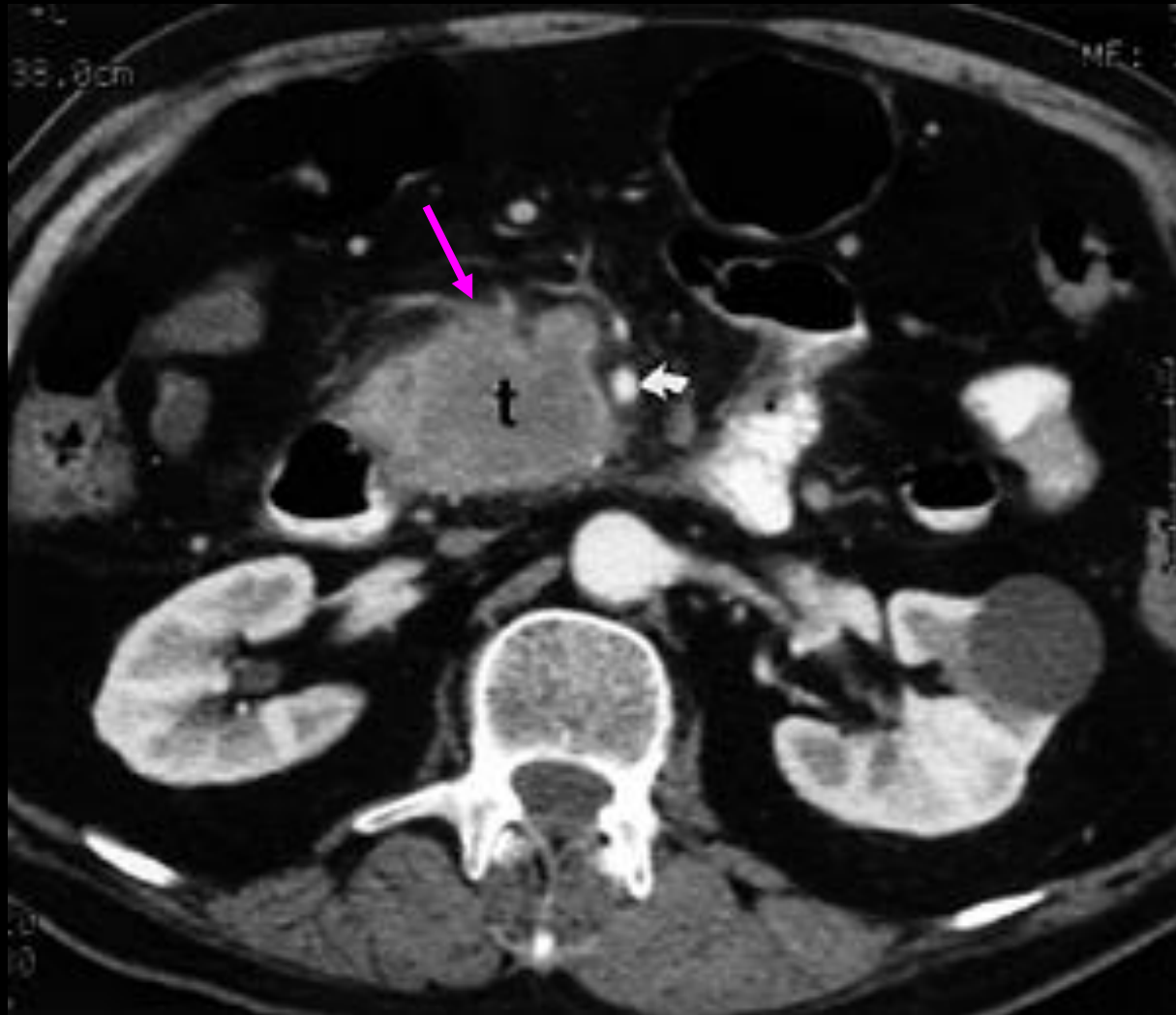
RFP





Tụy lớn lan tỏa, tăng quang không đồng nhất

Dày mạc trước thận



U đầu tụy, giảm đậm độ trên phim CE, không thấy xâm lấn động mạch mạc treo tràng trên





Viêm tụy



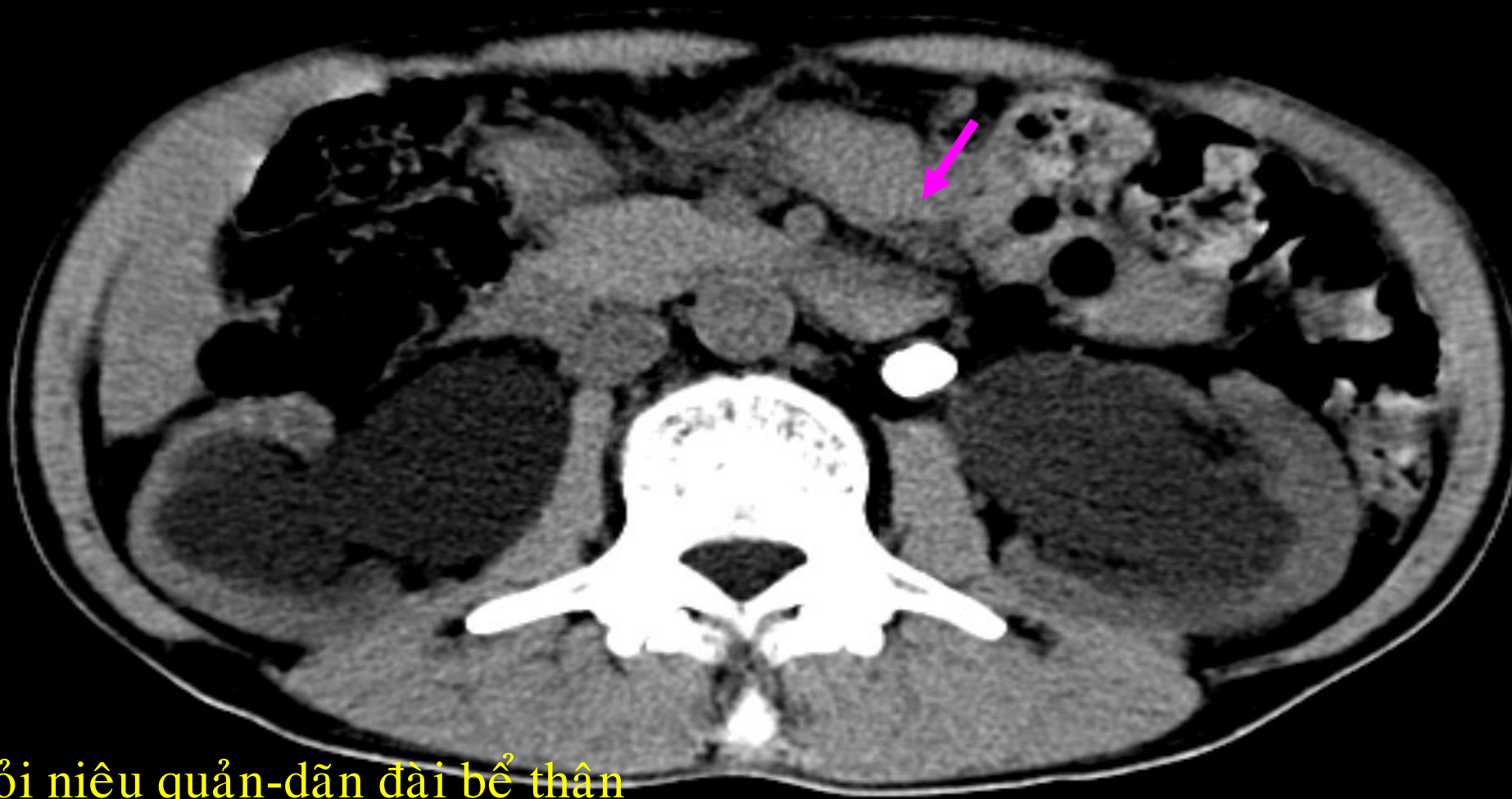
U tụy

Chú ý:

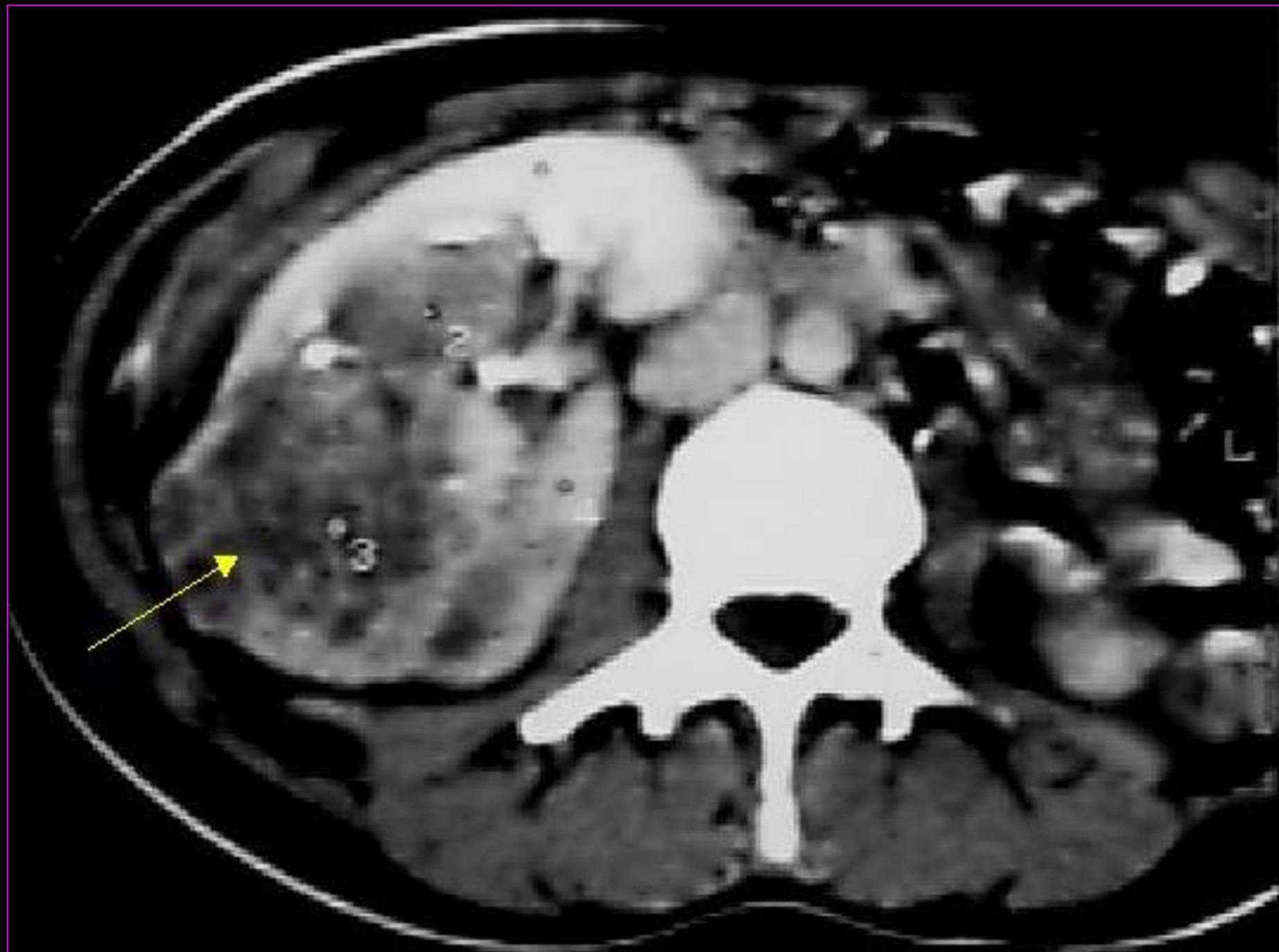
Mỡ quanh động tĩnh mạch mạc treo tràng thường không bị xâm lấn trong viêm tụy (CĐPB: Ung thư tụy)

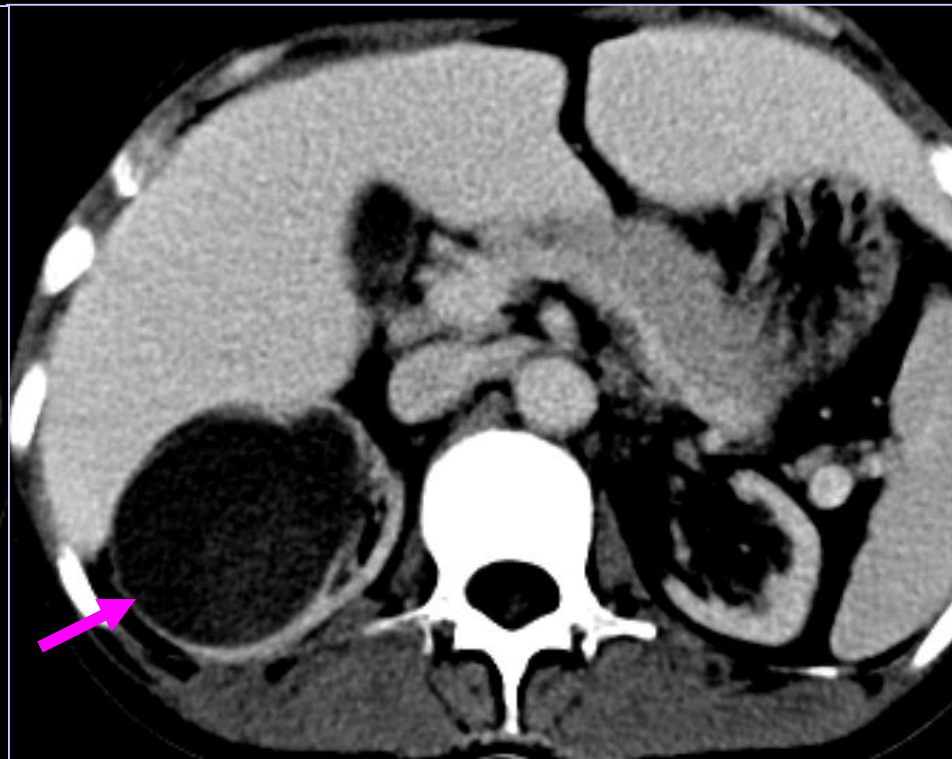
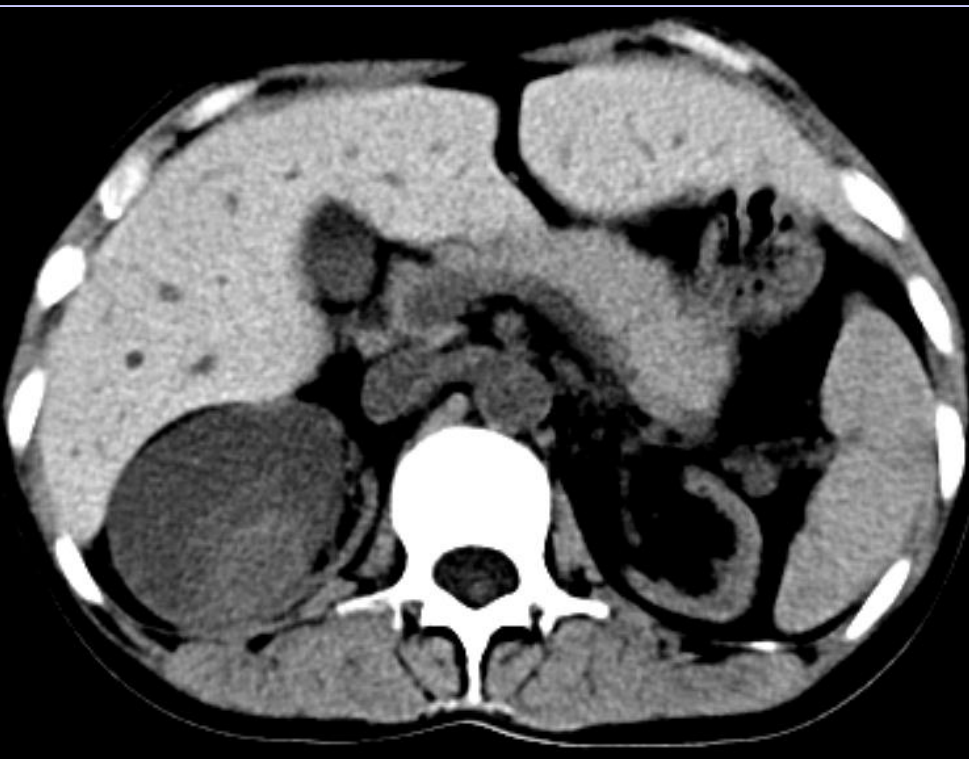






Sỏi niệu quản-dẫn đài bể thận

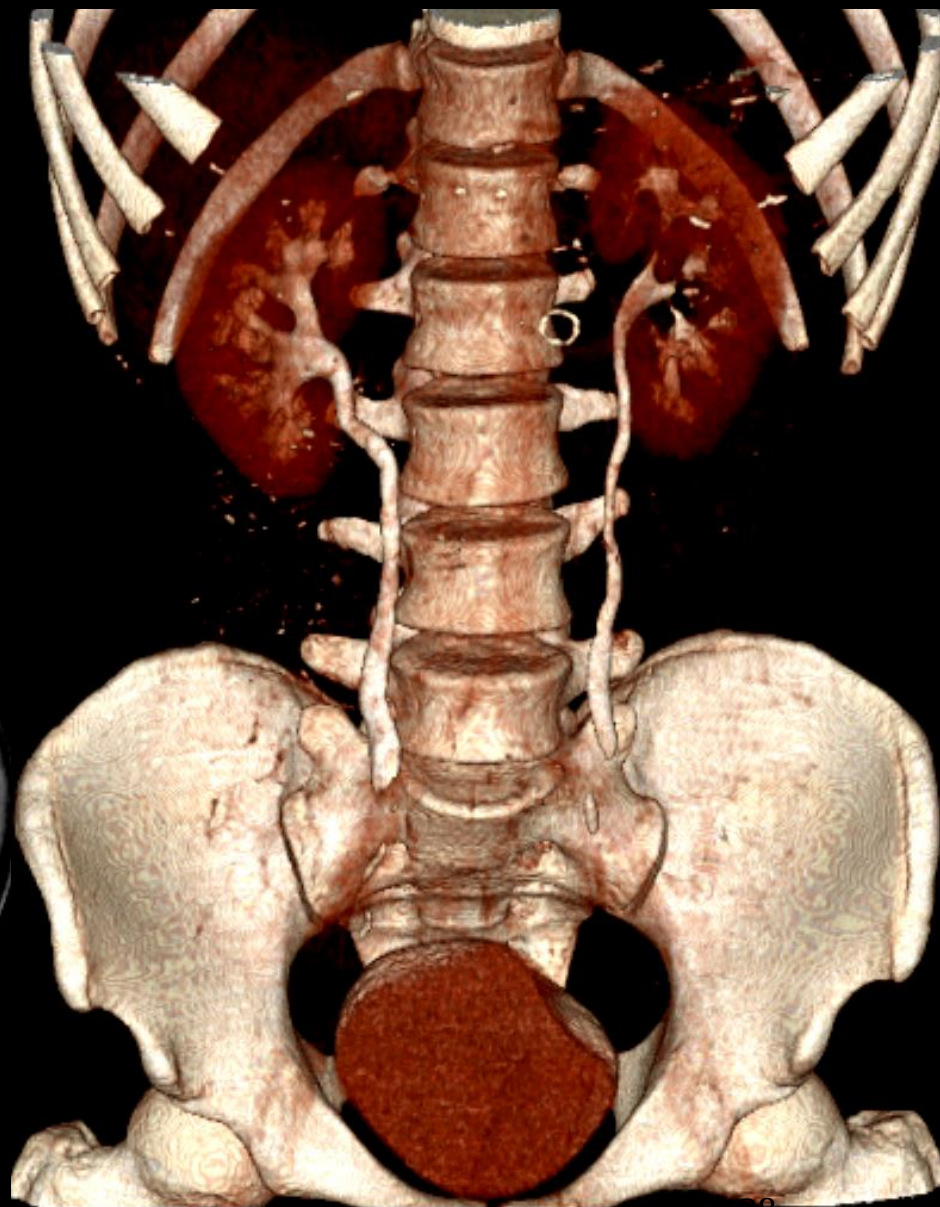
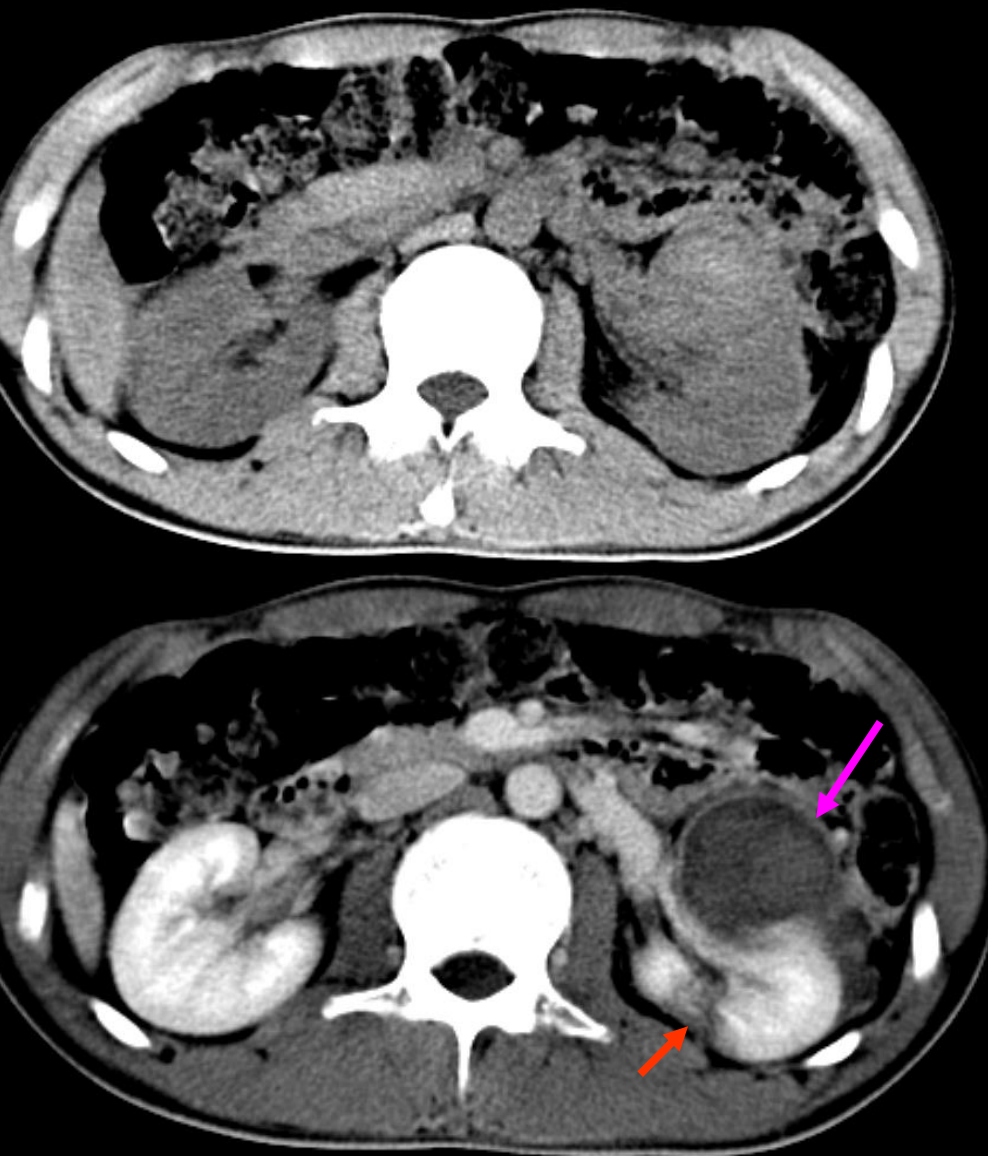




Kén thận





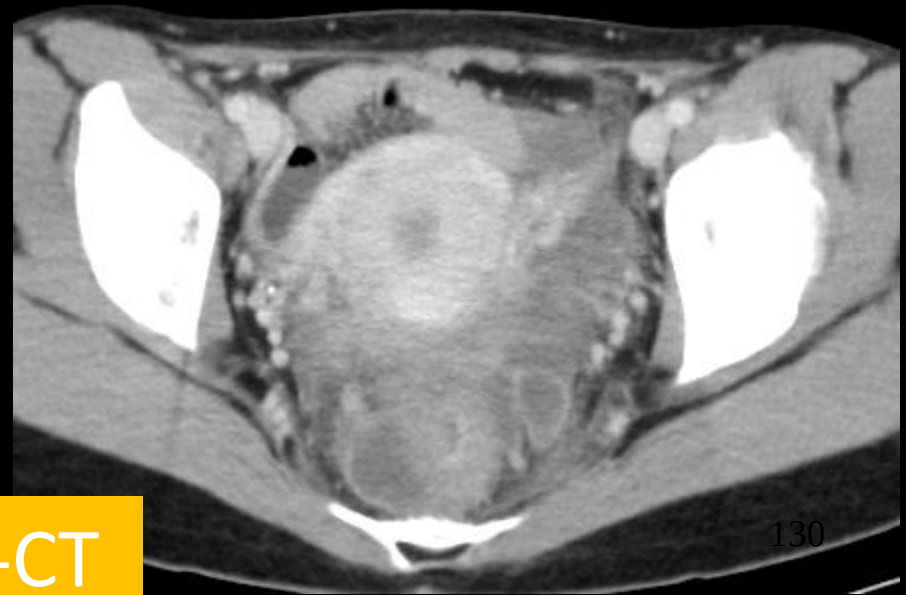
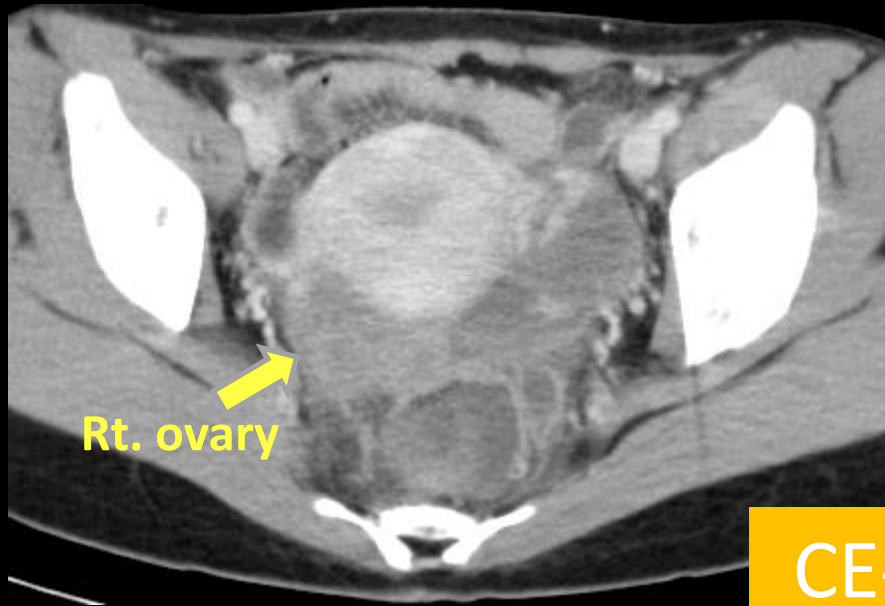
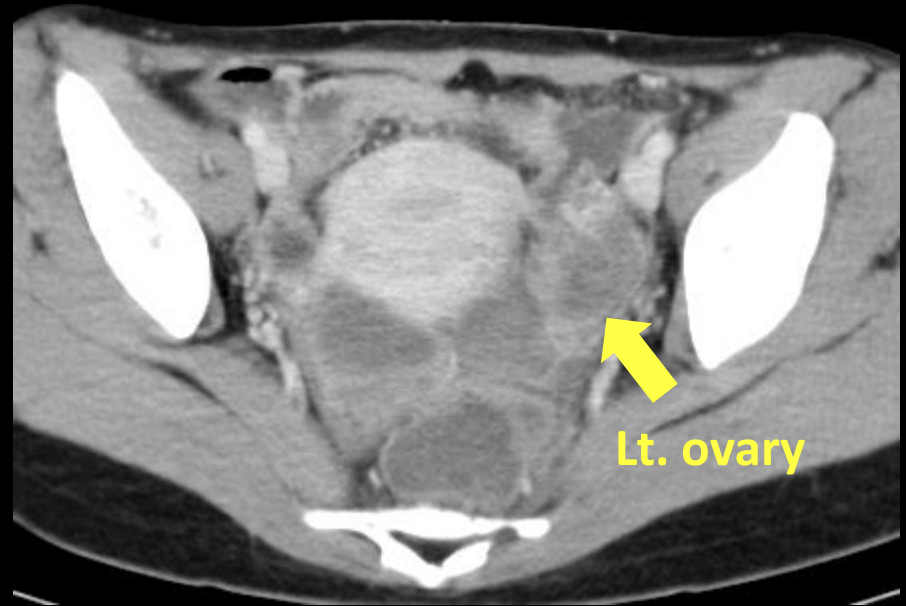


Nam, 33t, chấn thương thận  
(dập, rách, tụ máu)



U bàng quang tái phát sau phẫu thuật

# PID tiến triển: CE-CT

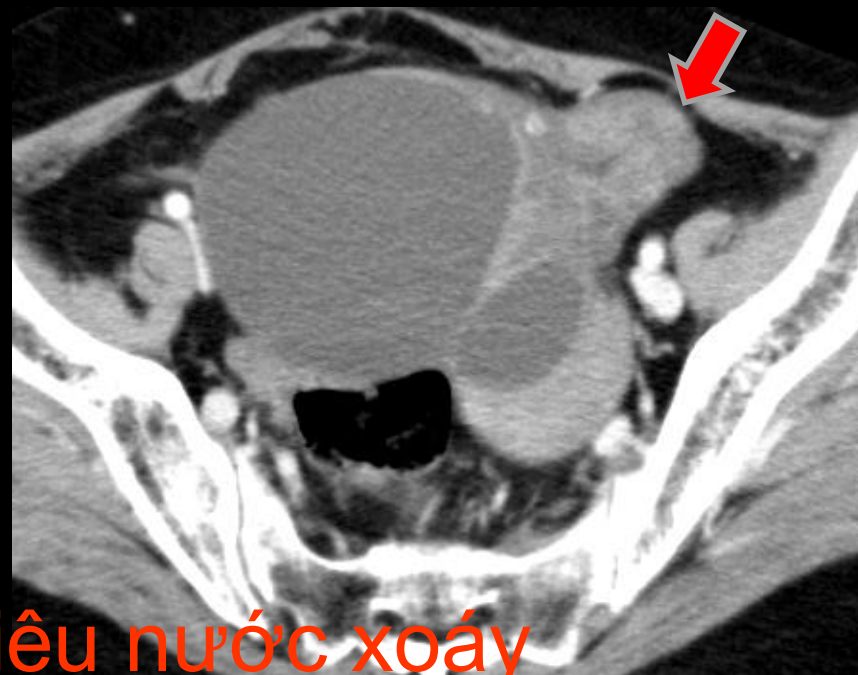
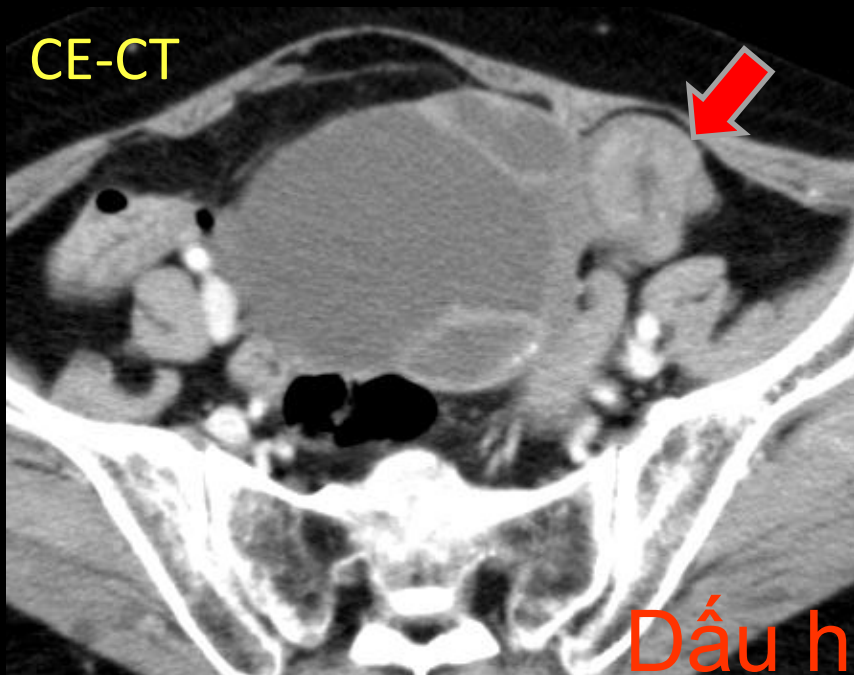


CE-CT

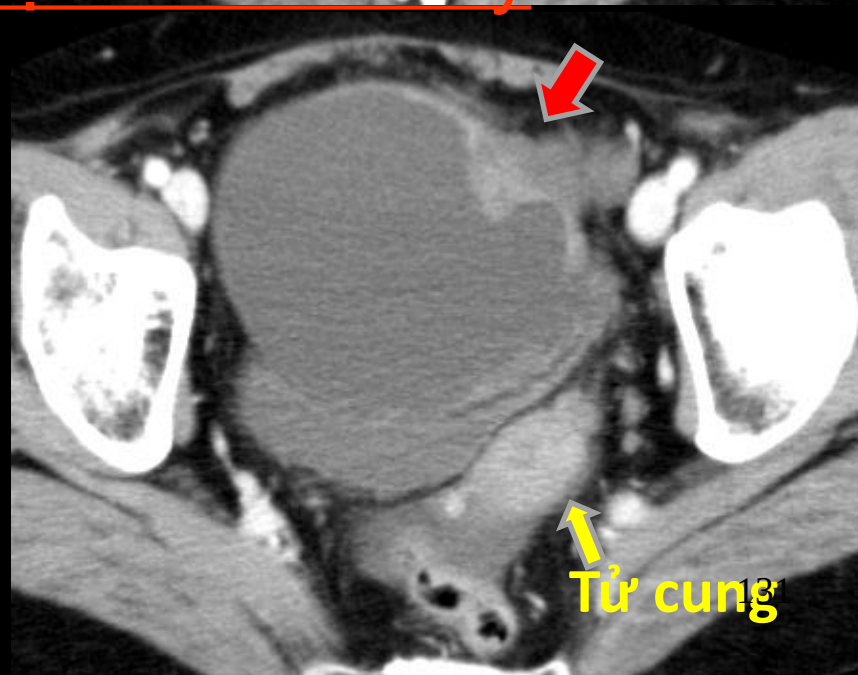
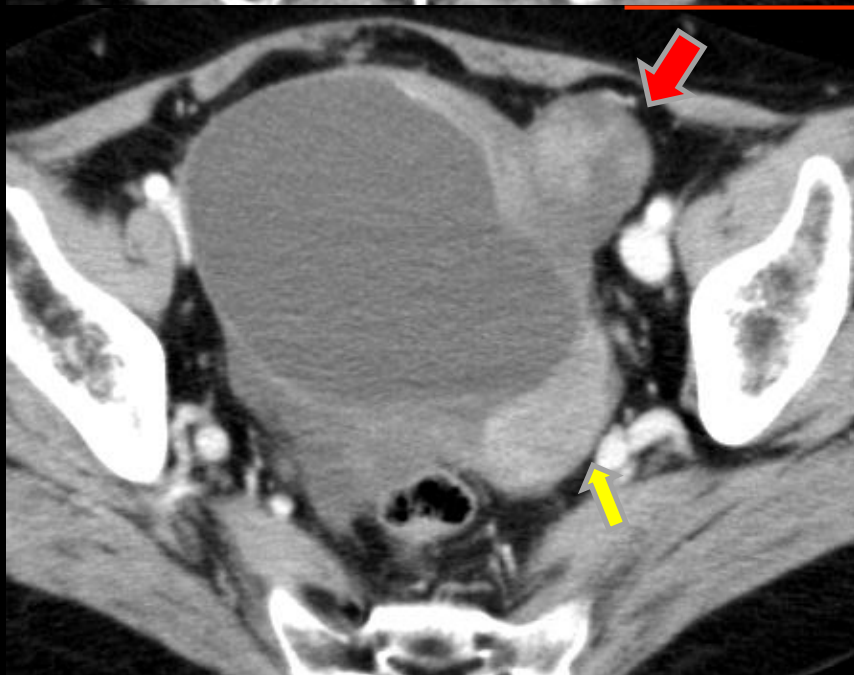


# Xoắn phần phụ: serous cystadenoma

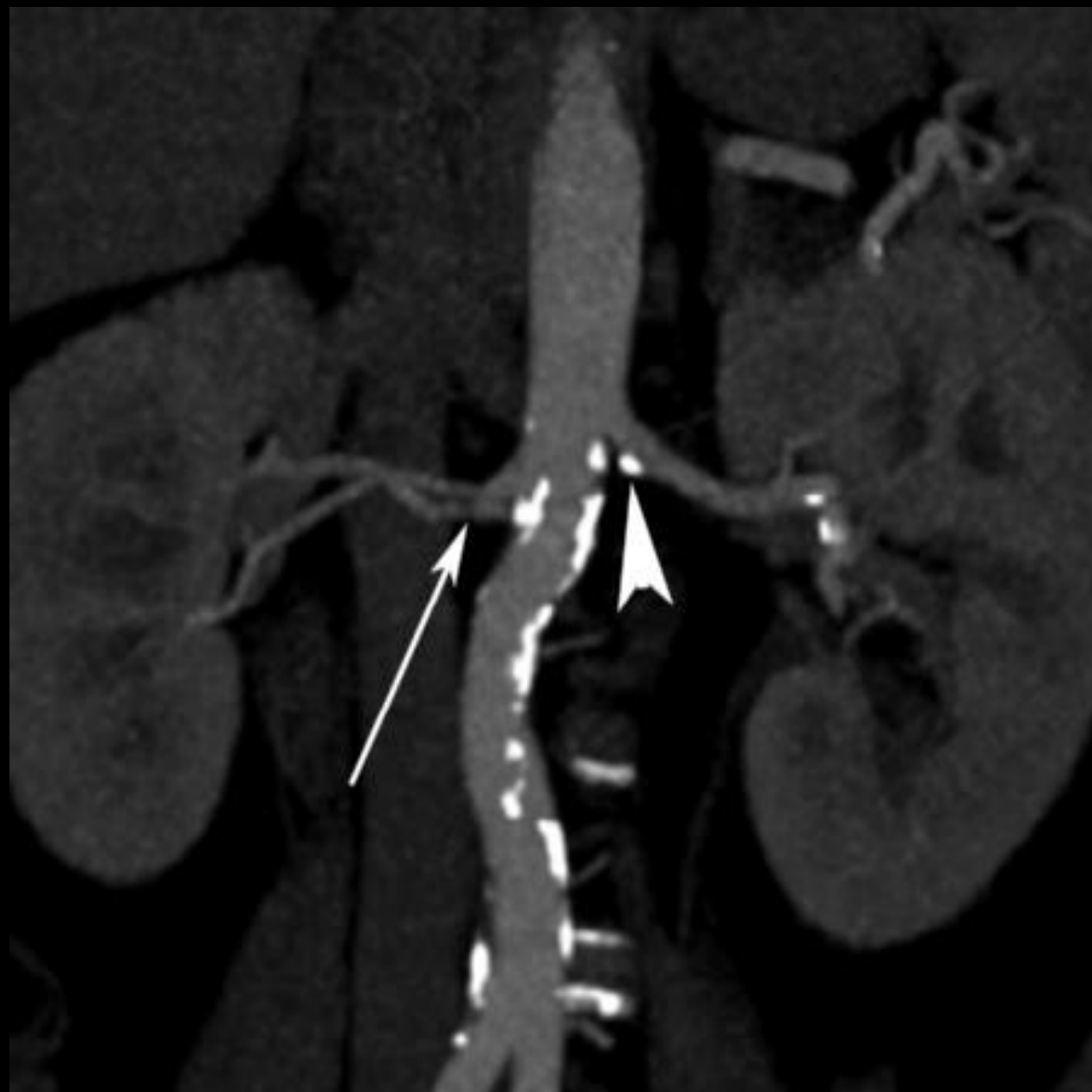
CE-CT



Dấu hiệu nước xoáy



Tử cung





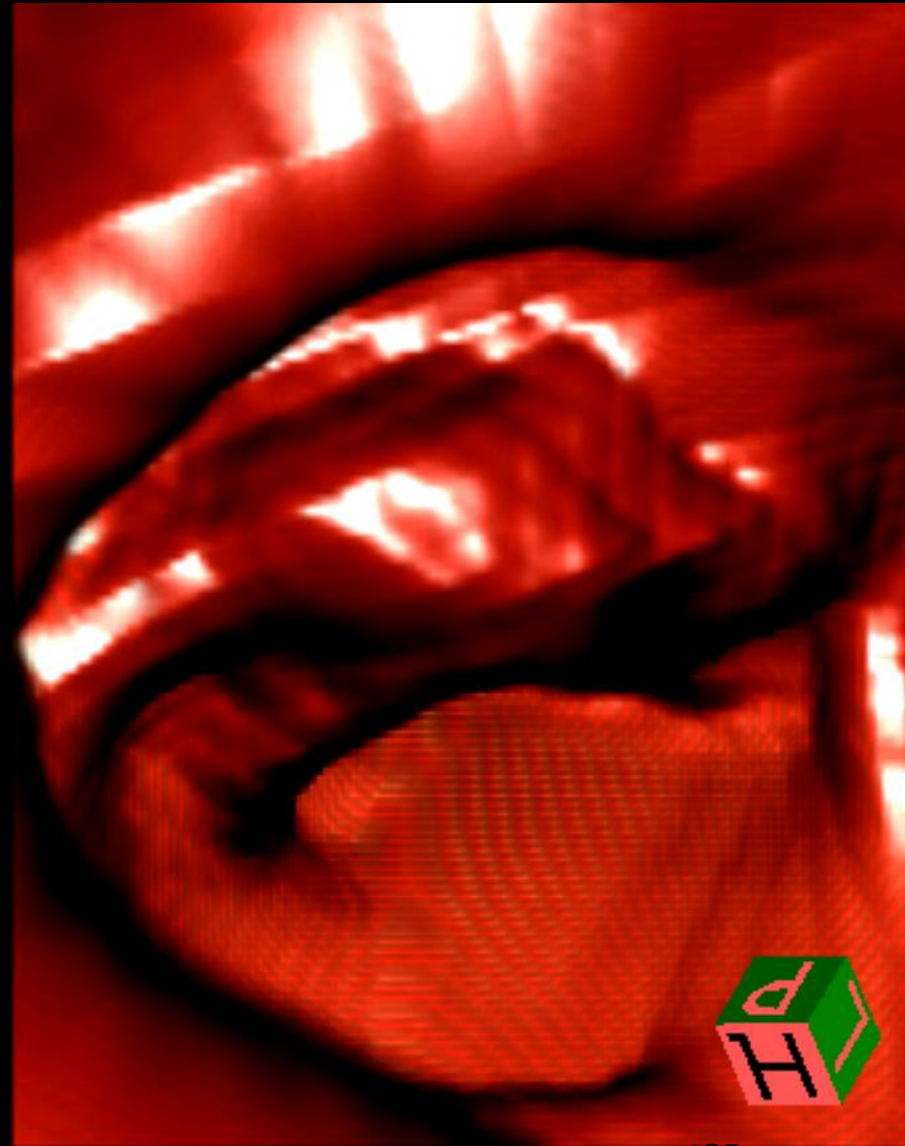


Nam, 53t, K dạ dày, di căn gan



Nữ/1978-Thuyên tắc tĩnh mạch mạc treo, lách, cửa, gan/ Nhồi máu ruột non

## Ung thư đại tràng





U tuyến thượng thận



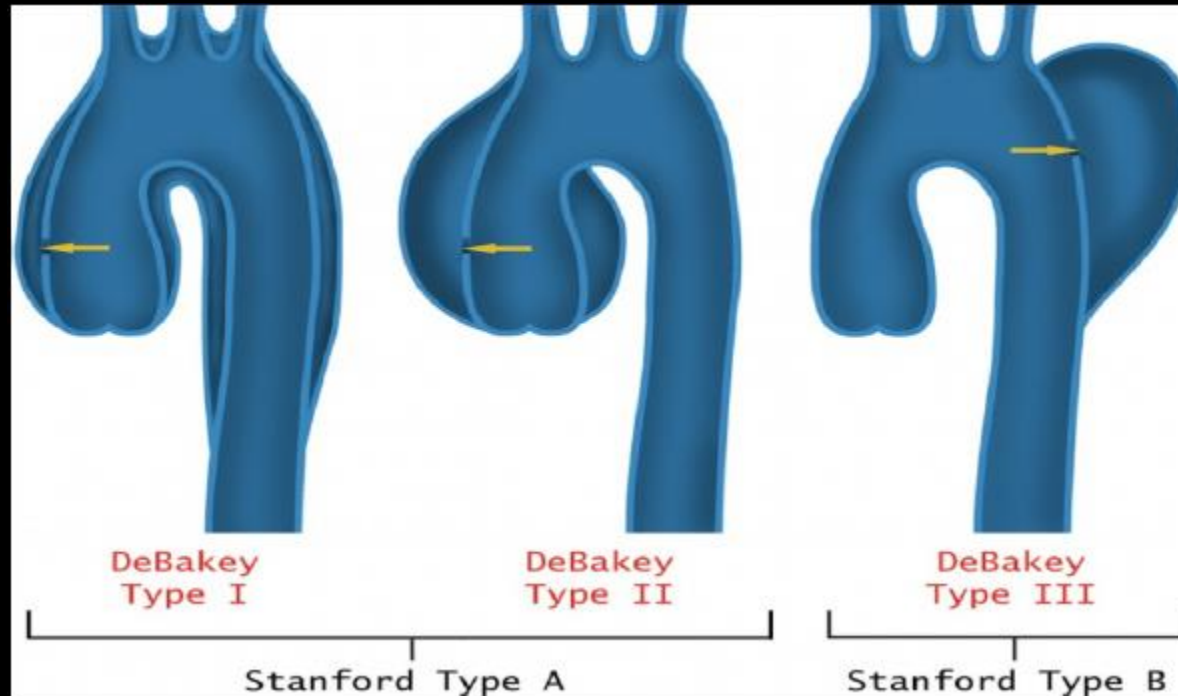
Lao cột sống và áp-xe cơ thắt lưng





Nam/1930-Phình động mạch chủ bụng

# Phân loại



Phân loại Stanford được sử dụng rộng rãi nhất

Động mạch chủ lên ± động mạch chủ xuống -75%  
Tử vong 58%, không xử trí

Chỉ động mạch chủ xuống -25%  
Có thể liên quan quai động mạch chủ  
Tử vong 11%, không xử trí

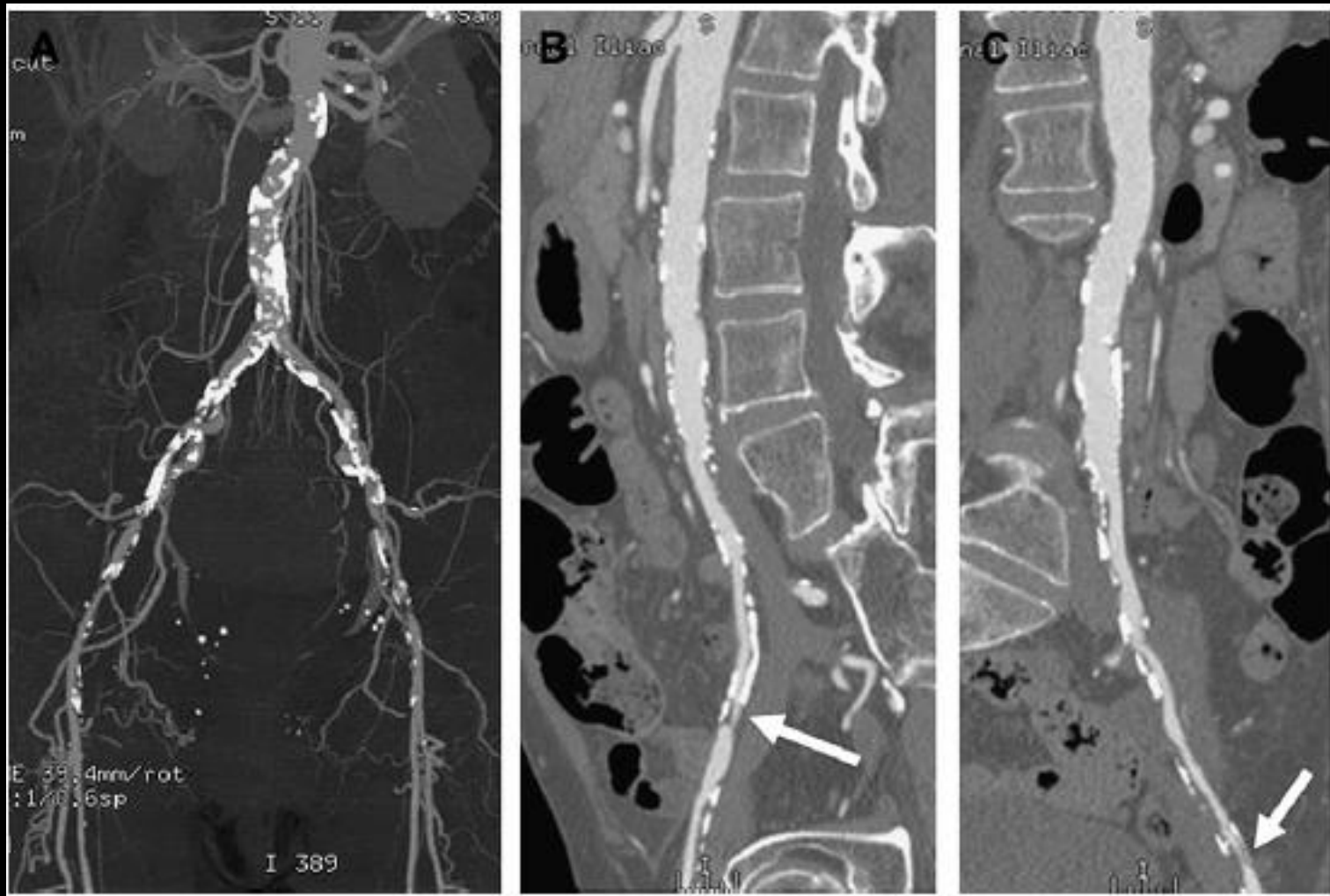
# Bóc tách hoàn toàn lớp áo trong

Dấu hiệu Windssock



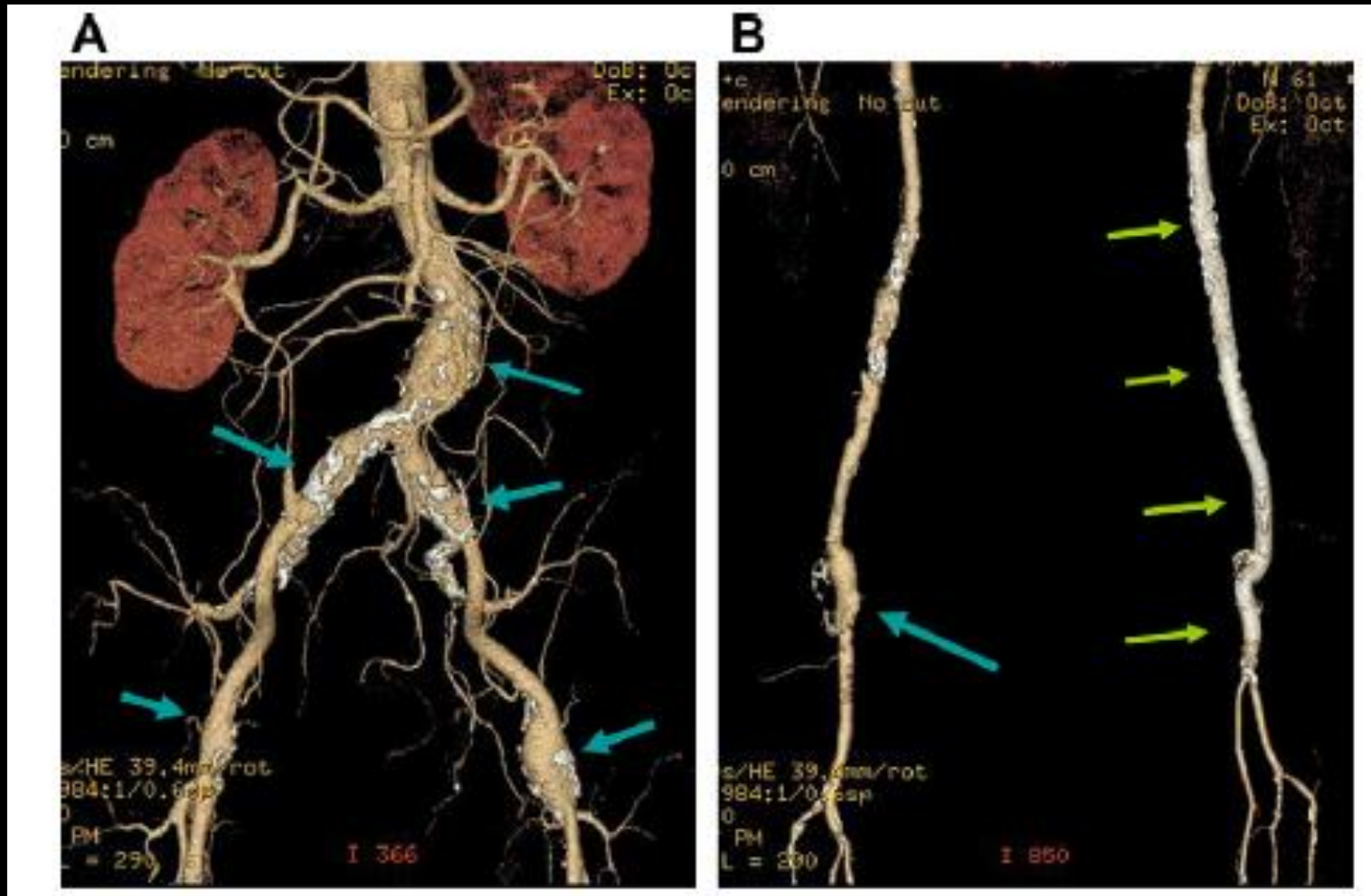
Lòng giả bao bọc toàn bộ lòng thật





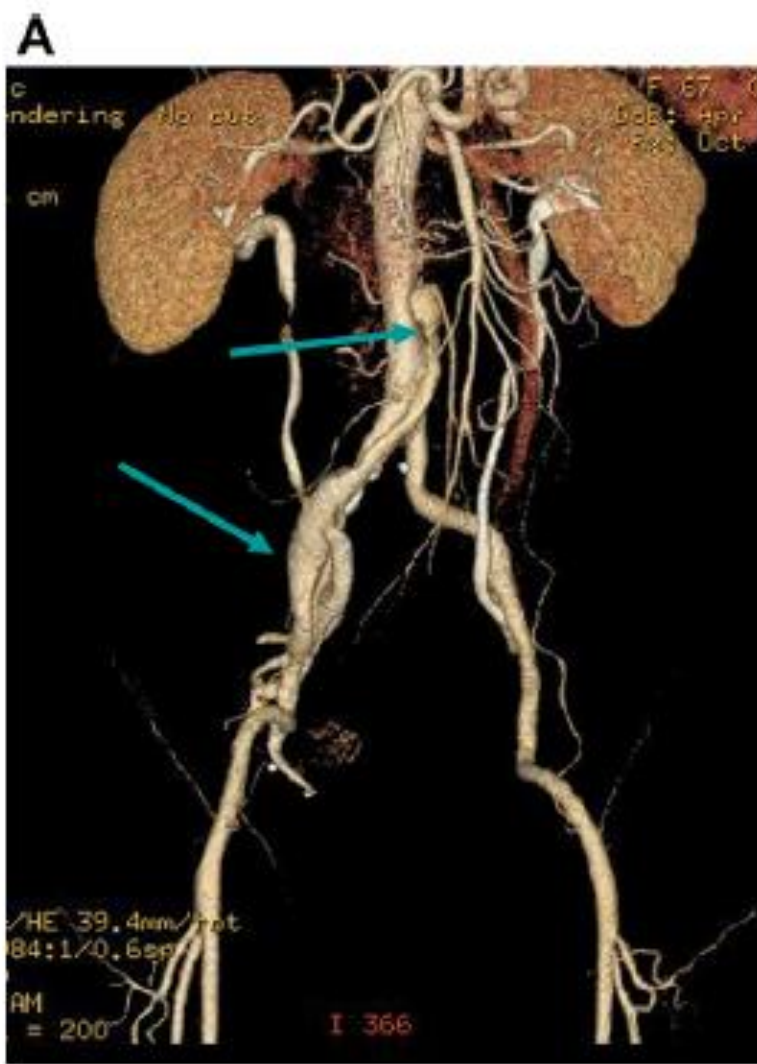
- A: xơ vữa động mạch lan tỏa, mức độ hẹp không rõ
- B: hẹp khít động mạch chậu ngoài (P)
- C: hẹp nặng phần xa động mạch chậu ngoài (T)



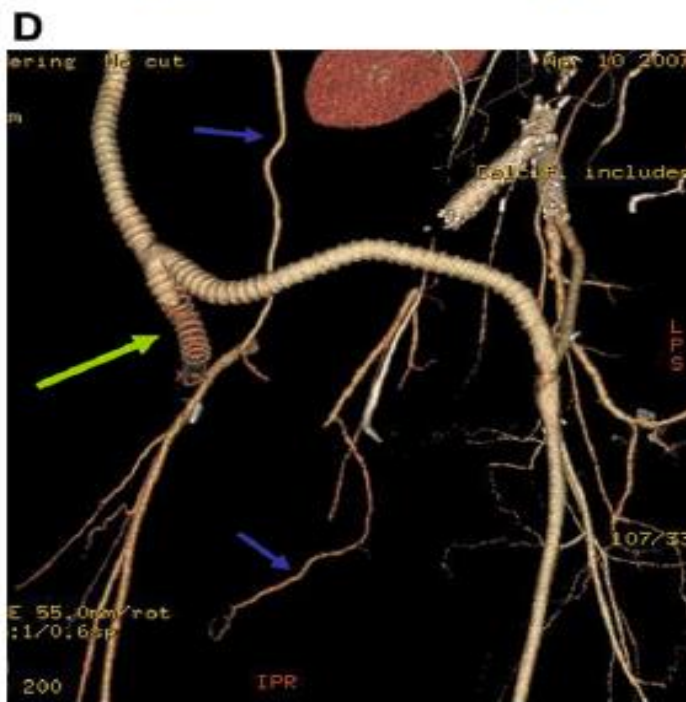
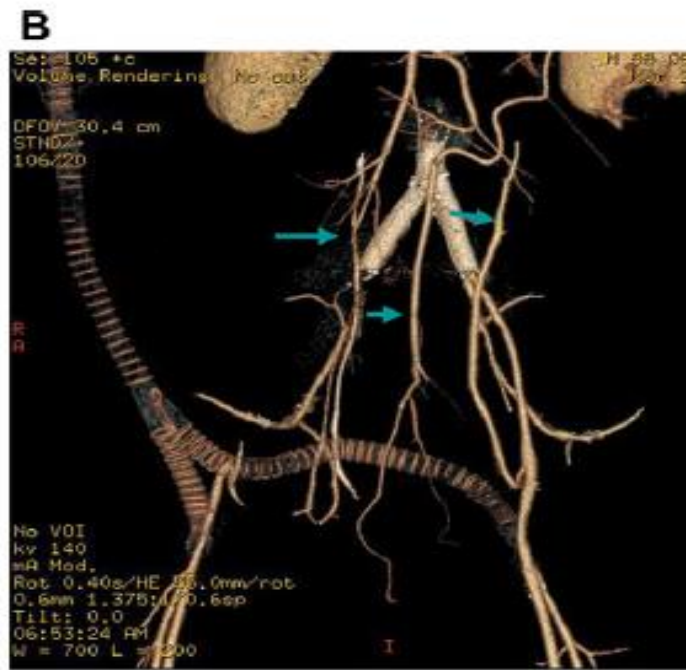
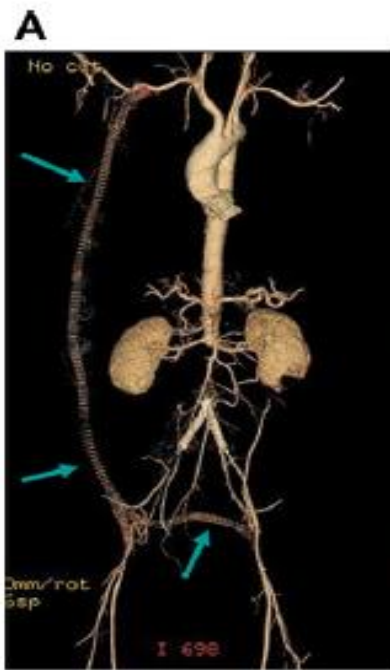


- A: Các phình đm
- B: Phình đm đùi xa- đm khoeo (P) có đóng vôi. Giá đỡ nội mạch đm đùi khoeo (T)





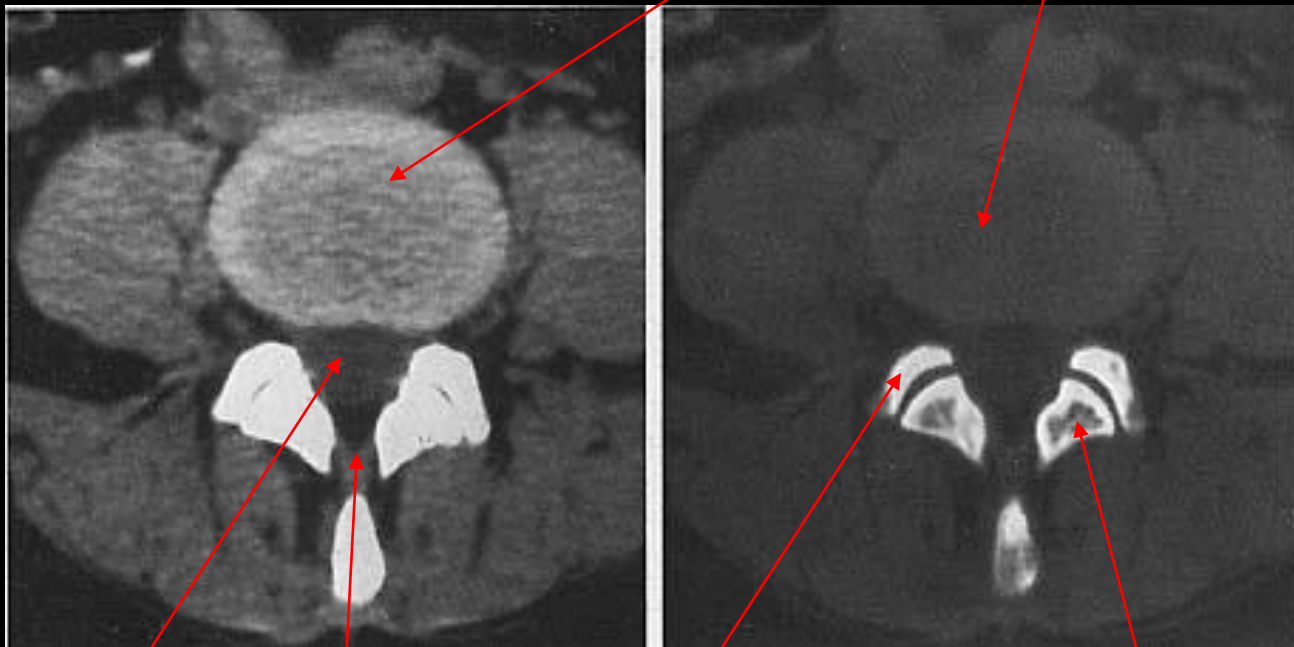
- Bóc tách đm chủ bụng dưới thận lan vào đm chậu chung (P) và phần gần đm chậu ngoài (P)



A, B: tắc mảnh  
ghép bắt cầu  
đm nách –  
đùi, đùi-đùi.  
THBH tái  
thông đm đùi  
C, D: Mảnh  
ghép nách-  
đùi-đùi tốt.  
Tắc phần xa  
mảnh ghép  
nách – đùi (P)

## ĐĨA ĐỆM

Chiều cao: thắt  
lưng 8-12 m m  
> cổ > ngực

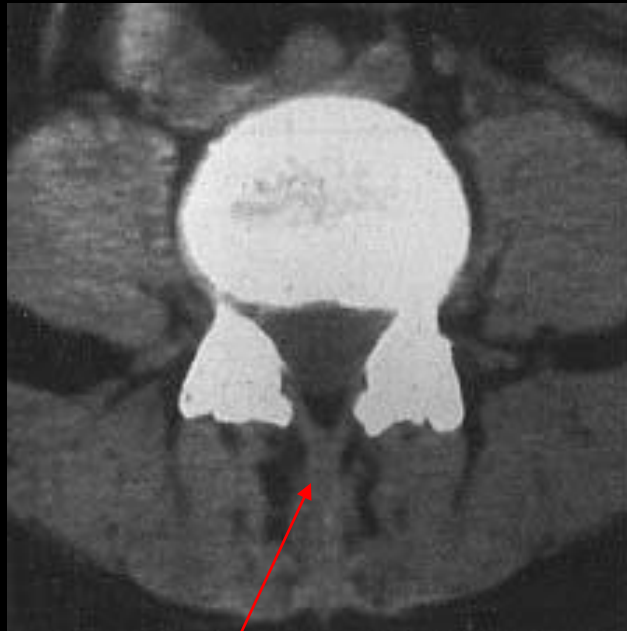


BAO  
MÀNG  
CỨNG

DÂY  
CHẰNG  
VÀNG

MẮU KHỚP  
DƯỚI

MẮU KHỚP  
TRÊN

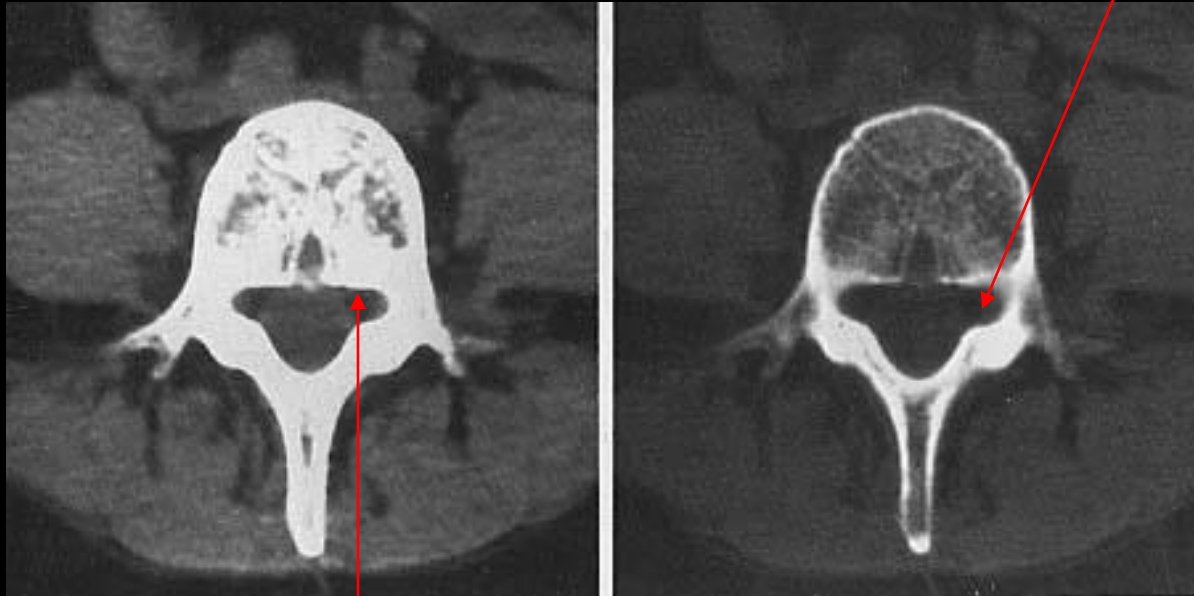


DÂY CHẰNG  
GIAN GAI



BAO KHỚP GIAN  
ĐỐT SỐNG

BAO RỄ THẦN  
KINH



NGÁCH BÊN BT > 5 m m,  
Hẹp  $\leq$  3 m m



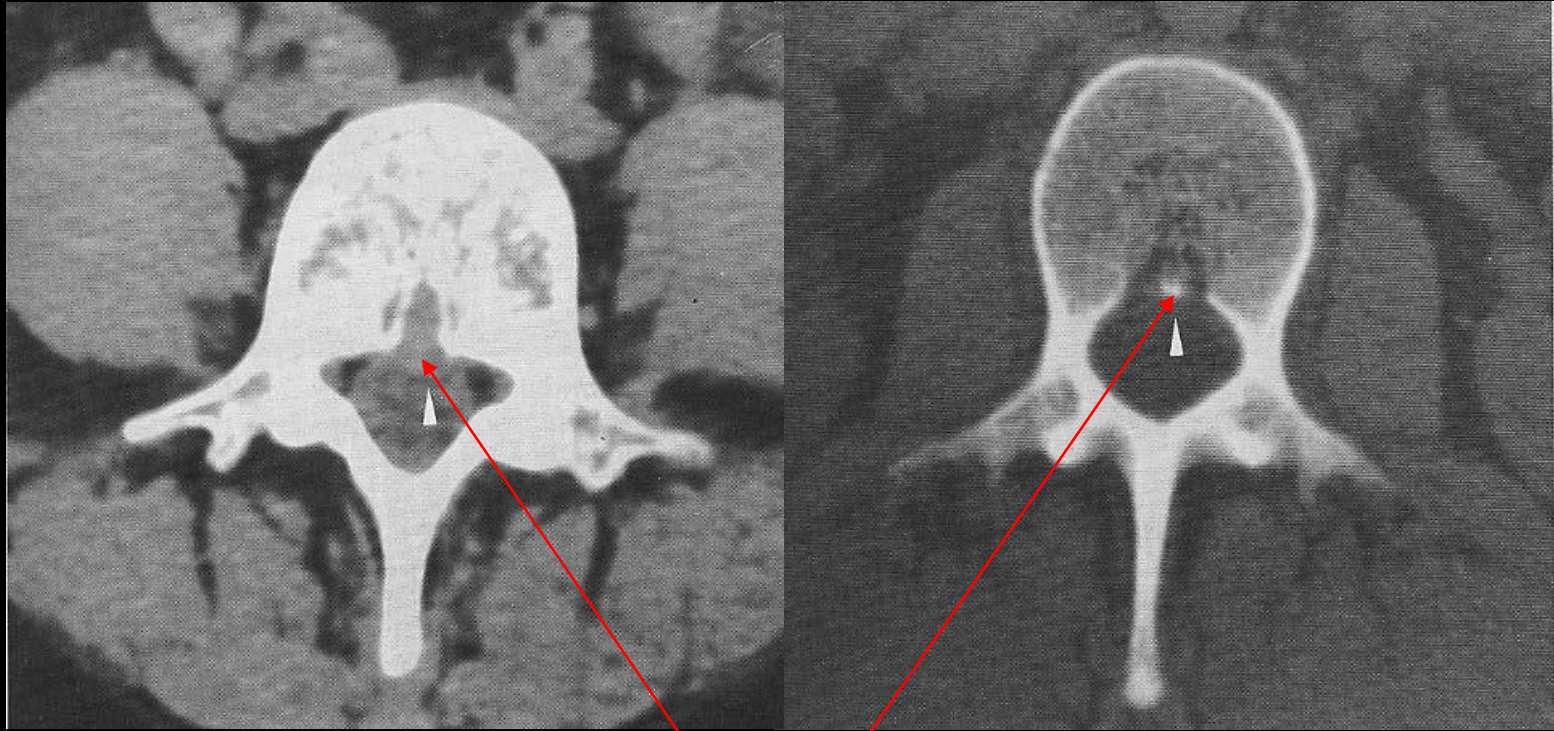
THÂN SỐNG



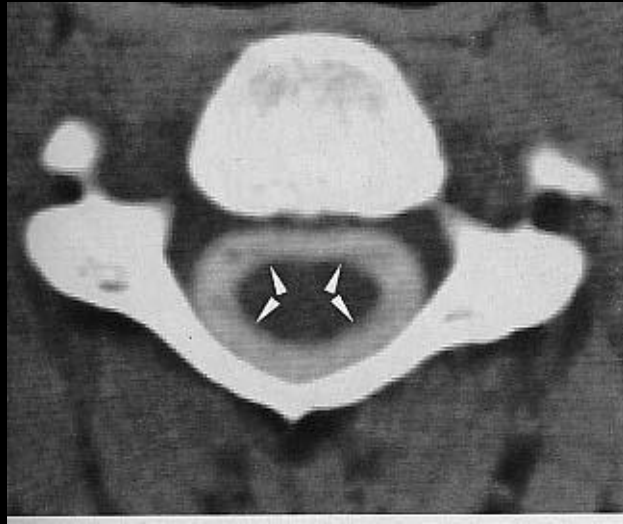
CUỐNG SỐNG

MỎM NGANG

MỎM GAI



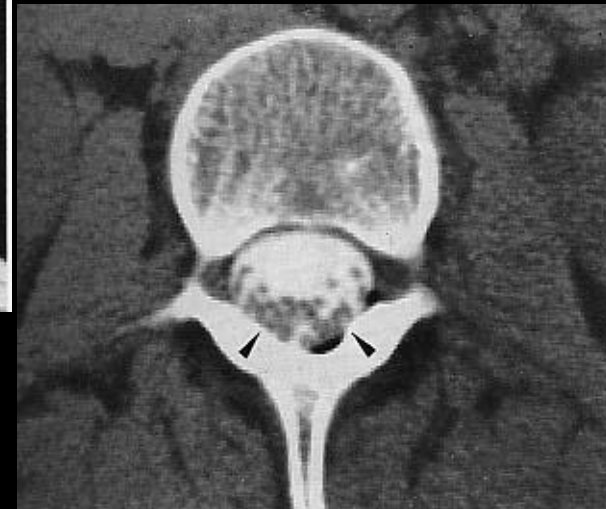
TÍNH MẠCH NỀN  
ĐỐT SỐNG



CỔ

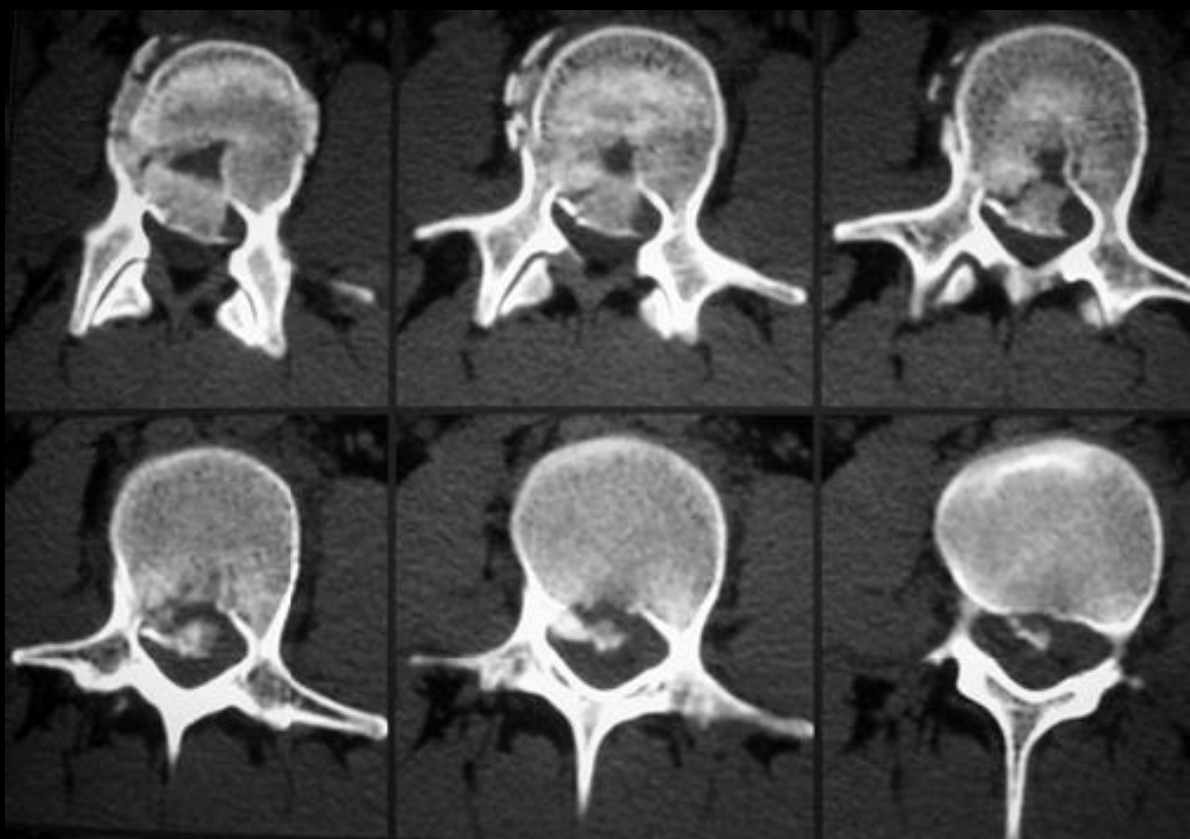


NGỰC

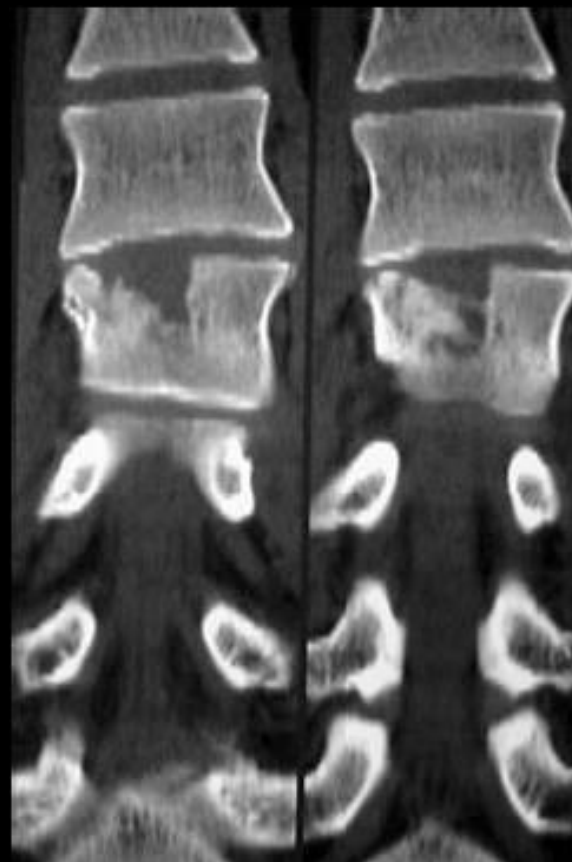
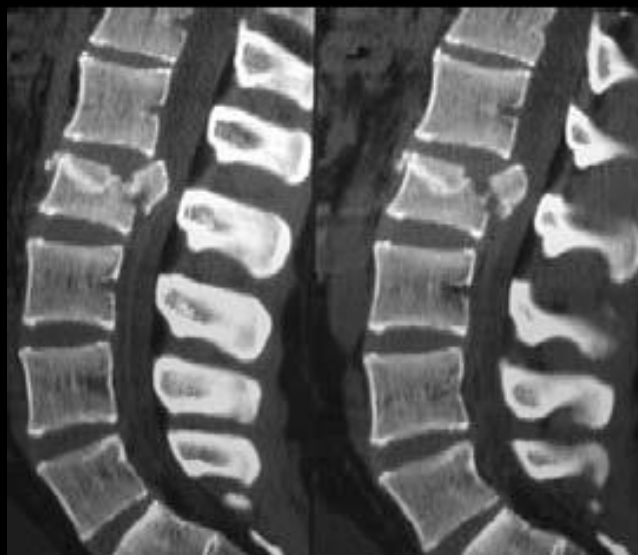


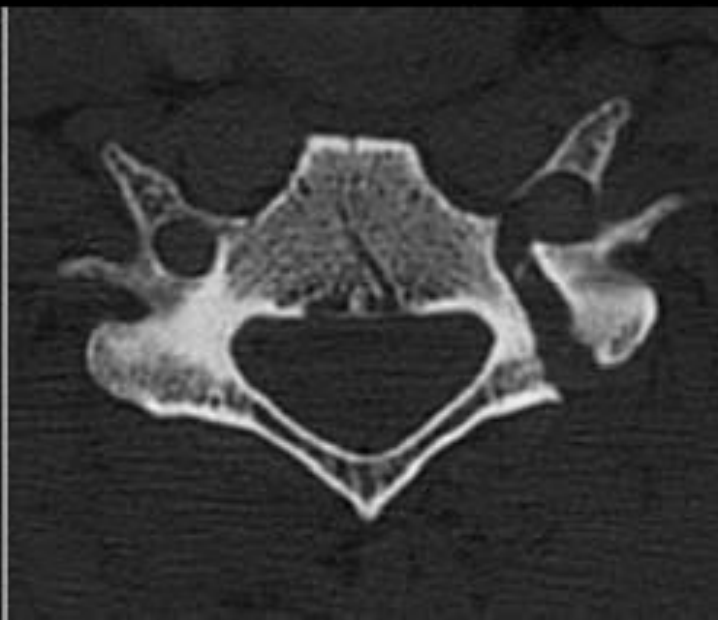
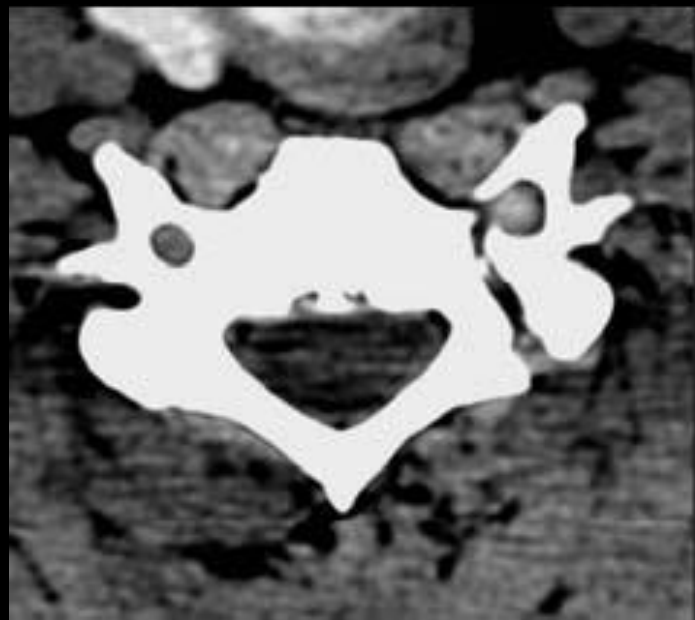
THẮT LƯNG

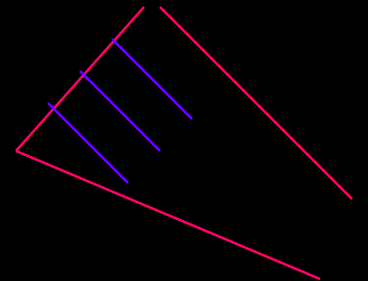
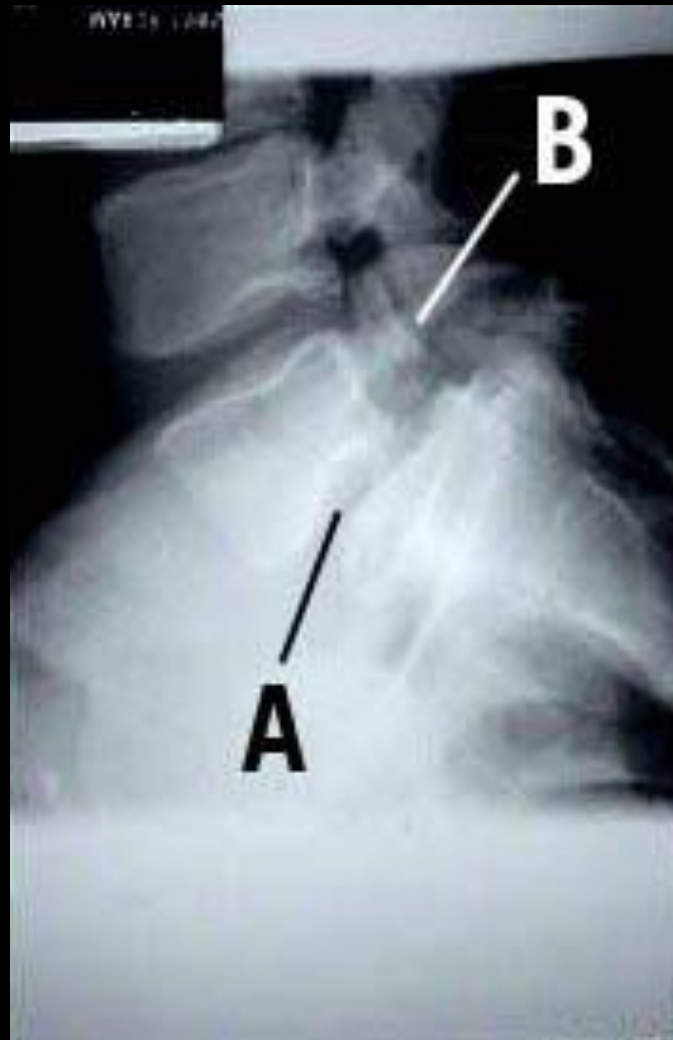


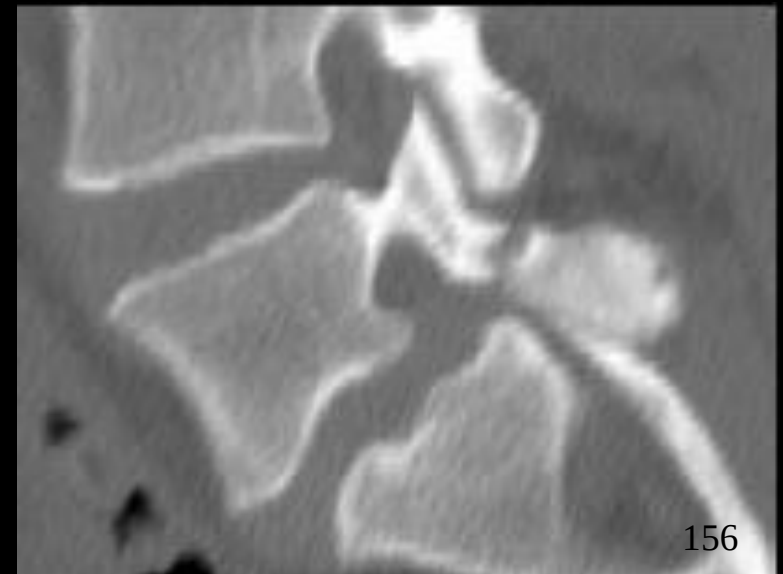
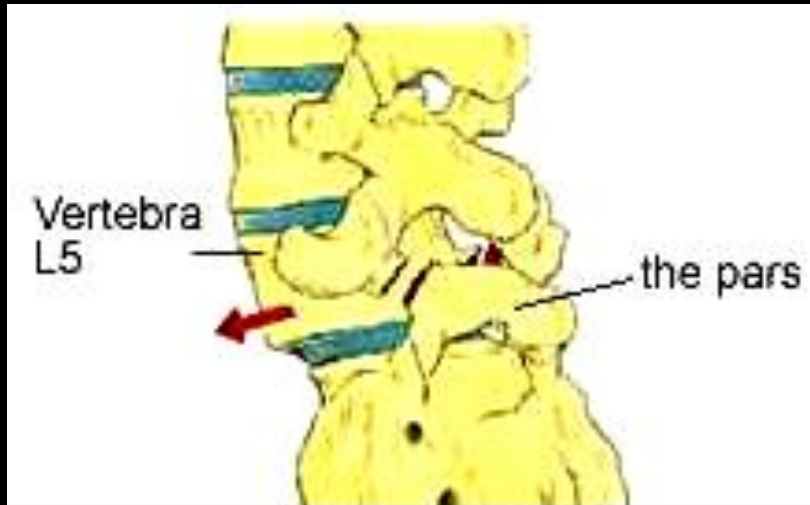












NGUYEN THI MUOI, NC  
10064A3  
\*20-Oct-1984  
M, 26Y  
\*20-Oct-1984, M, 26Y  
20-Oct-2010  
15:25:27.57  
1 IMA 1  
TOP 1  
SP 46.5

CHO RAY HOSPITAL  
Definition AS  
CT 2010B  
F-SP





NGUYEN THI MUOI, NC  
 10064A3  
 \*20-Oct-1984  
 M, 26Y  
 \*20-Oct-1984, M, 26Y  
 20-Oct-2010  
 15:26:11.01  
 2 IMA 28  
 SPI 2  
 SP 308.5

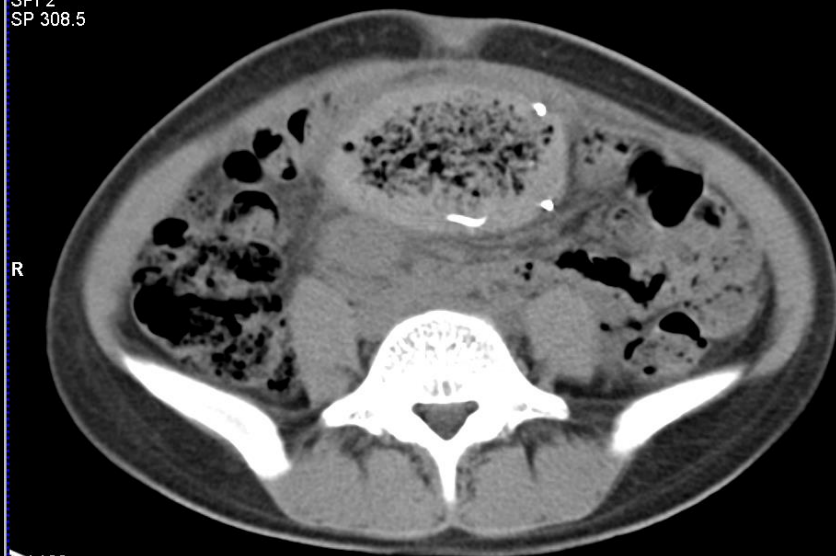
A

CHO RAY HOSPITAL  
 Definition AS  
 CT 2010B  
 F-SP-CR

NGUYEN THI MUOI, NC  
 10064A3  
 \*20-Oct-1984  
 M, 26Y  
 \*20-Oct-1984, M, 26Y  
 20-Oct-2010  
 15:27:38.87  
 3 IMA 28  
 SPI 3  
 SP 308.5

A

CHO RAY HOSPITAL  
 Definition AS  
 CT 2010B  
 F-SP-CR



R  
 KV 120  
 eff.mAs 134  
 ref.mAs 220  
 TI 0.5  
 GT 0.0  
 SL 8.0/64x0.6/p1.2  
 305 1/0  
 B40f S3CU A3d

Non Contrast



R  
 +C  
 KV 120  
 eff.mAs 136  
 ref.mAs 220  
 TI 0.5  
 GT 0.0  
 SL 8.0/64x0.6/p1.2  
 305 1/0  
 B40f S3CU A3d

Portal-venous Phase

W 35  
 C 3

W 26.4  
 C 60

NGUYEN THI MUOI, NC  
10064A3  
\*20-Oct-1984, M, 26Y

20-Oct-2010  
15:27:34.25  
I No: 1  
MPR

CHO RAY HOSPITAL  
Definition AS  
syngo CT 2010B

NGUYEN THI MUOI, NC  
10064A3  
\*20-Oct-1984, M, 26Y

20-Oct-2010  
15:27:34.25  
I No: 2  
MPR

Spin: 0  
Tilt: 0



A



SP A169.5  
W 420  
C 45

SL 1.0

R

SL 1.0

APPLIED  
COR

CHO RAY HOSPITAL  
Definition AS  
syngo CT 2010B

Spin: -90  
Tilt: 0

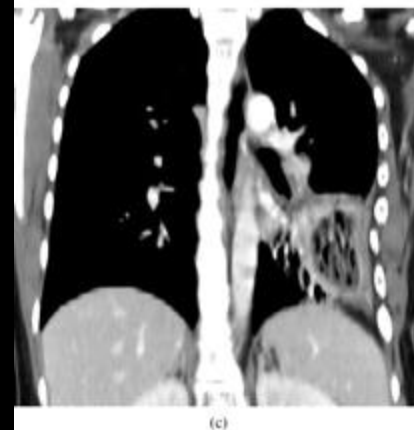
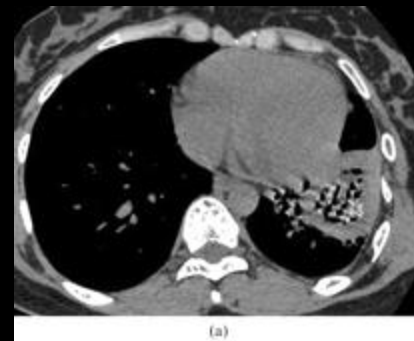
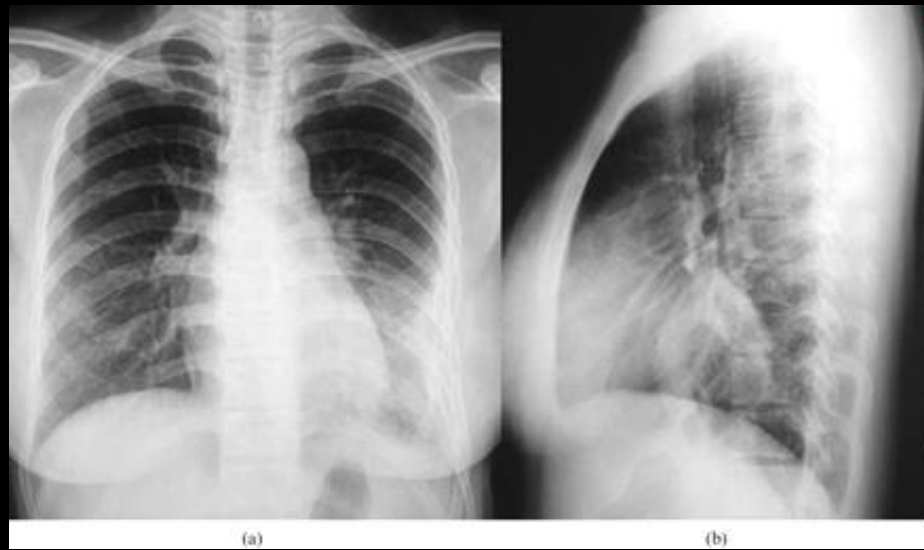


SP R1.0  
W 420  
C 45

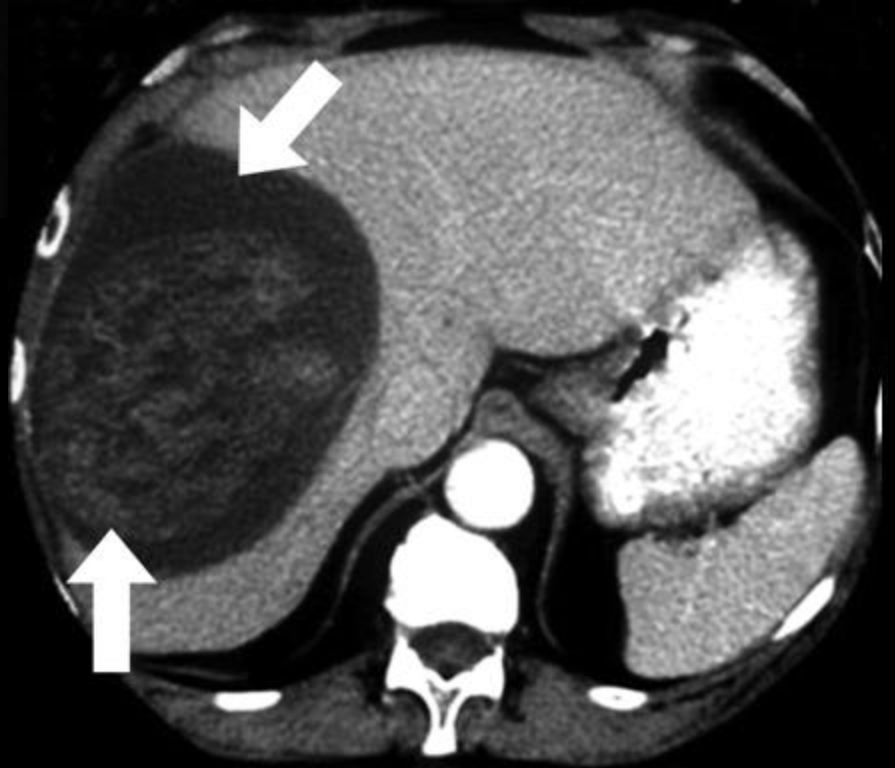
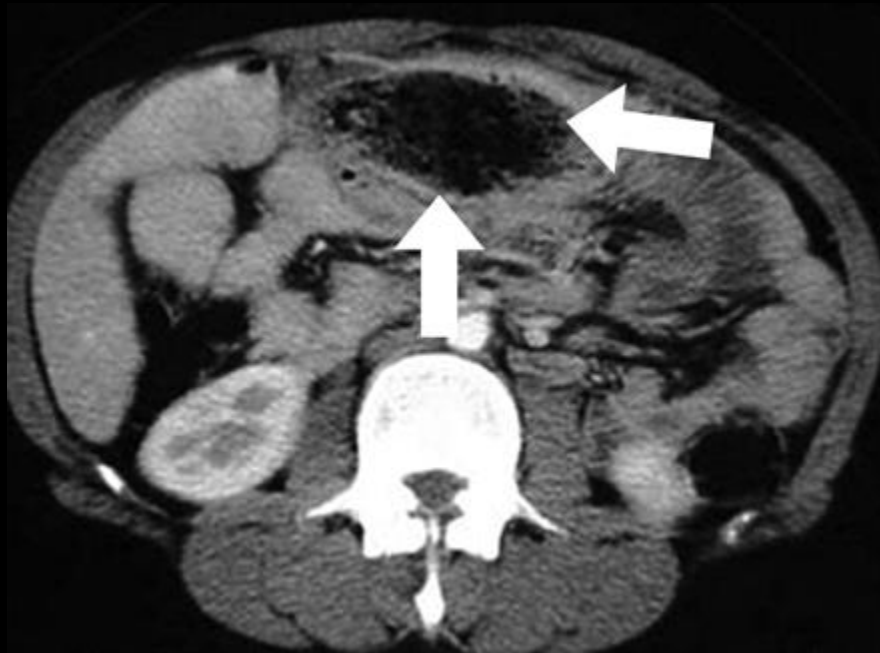


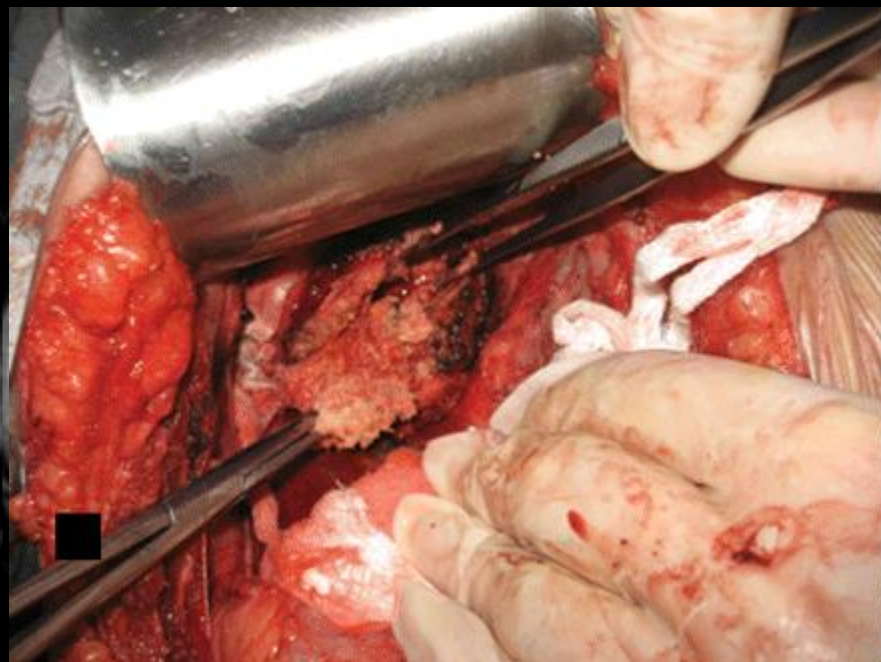
APPLIED  
SAG



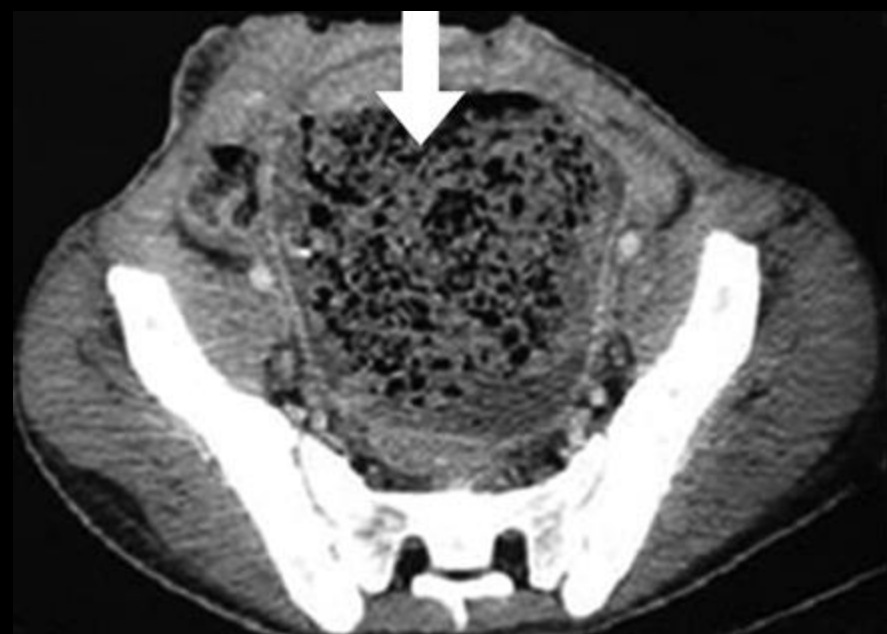


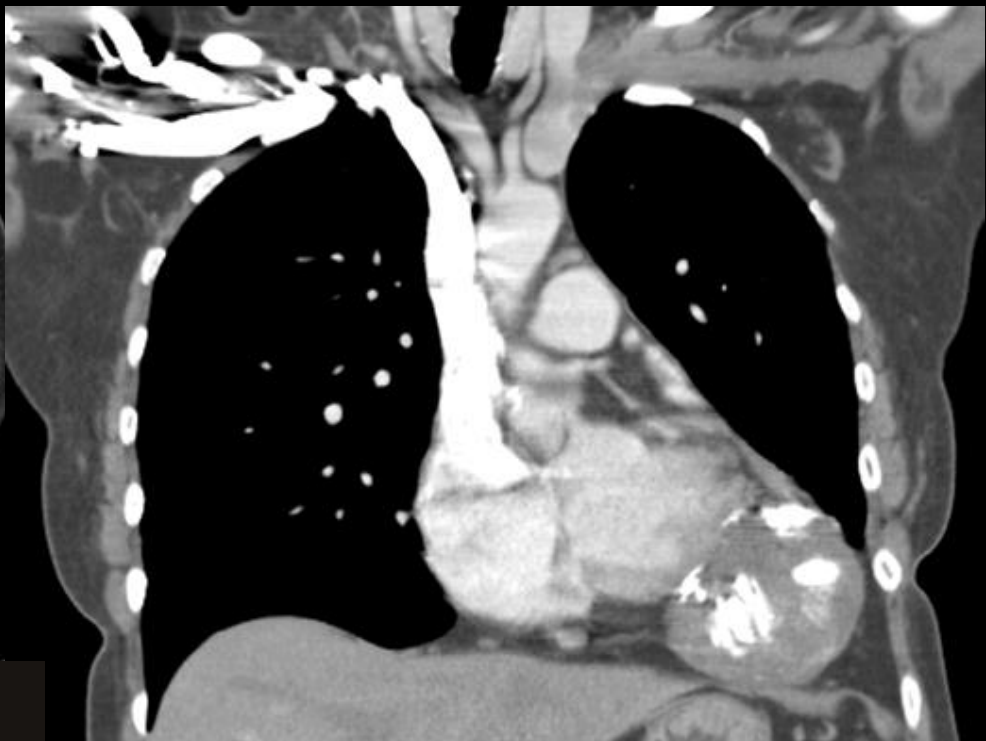
T Suwatanapongched, S Boonkasem, E Sathianpitayakul and P Leelachaikul, **Intrathoracic gossypiboma: radiographic and CT findings**, *The British Journal of Radiology*, 78 (2005), 251-252











Rachna Madan, Beatrice Trotman-Dickenson

Arshdeep Bhatia, Harshdeep Kaur, Jyoti Kaur

# KẾT LUẬN

**CT rất có giá trị trong bệnh lý  
vùng bụng-chậu (chẩn đoán, đánh  
giá trước- sau phẫu thuật)**

**Cần kết hợp lâm sàng- kỹ thuật  
hình ảnh và xét nghiệm khác**



**XIN CÁM ƠN**